

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG**

---



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON**  
**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Hà Nội, tháng 10 - năm 2021**

## MỤC LỤC

### NỘI DUNG

	Trang
<b>Phần I. KHÁI QUÁT</b>	
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung	3
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</b>	
<b>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra</b>	8
Mở đầu	8
Tiêu chí 1.1	8
Tiêu chí 1.2	12
Tiêu chí 1.3	14
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	16
<b>Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo</b>	16
Mở đầu	16
Tiêu chí 2.1	17
Tiêu chí 2.2	19
Tiêu chí 2.3	21
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	22
<b>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</b>	22
Mở đầu	22
Tiêu chí 3.1	23
Tiêu chí 3.2	25
Tiêu chí 3.3	29
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	32
<b>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</b>	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 4.1	33
Tiêu chí 4.2	36
Tiêu chí 4.3	39
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	41
<b>Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và hỗ trợ người học</b>	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 5.1	42
Tiêu chí 5.2	44
Tiêu chí 5.3	45
Tiêu chí 5.4	47
Tiêu chí 5.5	49
Tiêu chí 5.6	51
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	53
<b>Tiêu chuẩn 6: Đánh giá kết quả học tập của người học</b>	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 6.1	54
Tiêu chí 6.2	57
Tiêu chí 6.3	59
Tiêu chí 6.4	61
Tiêu chí 6.5	63

<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i></b>	65
<b>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên</b>	66
<b>Mở đầu</b>	66
<b>Tiêu chí 7.1</b>	66
<b>Tiêu chí 7.2</b>	67
<b>Tiêu chí 7.3</b>	70
<b>Tiêu chí 7.4</b>	7
<b>Tiêu chí 7.5</b>	74
<b>Tiêu chí 7.6</b>	75
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i></b>	77
<b>Tiêu chuẩn 8. Cơ sở vật chất và trang thiết bị</b>	78
<b>Mở đầu</b>	78
<b>Tiêu chí 8.1</b>	78
<b>Tiêu chí 8.2</b>	82
<b>Tiêu chí 8.3</b>	84
<b>Tiêu chí 8.4</b>	87
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i></b>	90
<b>Tiêu chuẩn 9. Bảo đảm và nâng cao chất lượng</b>	91
<b>Mở đầu</b>	91
<b>Tiêu chí 9.1</b>	91
<b>Tiêu chí 9.2</b>	94
<b>Tiêu chí 9.3</b>	96
<b>Tiêu chí 9.4</b>	67
<b>Tiêu chí 9.5</b>	100
<b>Tiêu chí 9.6</b>	102
<b>Tiêu chí 9.7</b>	105
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i></b>	107
<b>Tiêu chuẩn 10. Kết quả đầu ra</b>	107
<b>Mở đầu</b>	107
<b>Tiêu chí 10.1</b>	108
<b>Tiêu chí 10.2</b>	110
<b>Tiêu chí 10.3</b>	112
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i></b>	114
<b>Phần III. KẾT LUẬN</b>	116
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	127

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1.	BCN	Ban chủ nhiệm
2.	BĐ	Bảo đảm
3.	CĐR	Chuẩn đầu ra
4.	CĐSPTU	Cao đẳng Sư phạm Trung ương
5.	CNTT	Công nghệ thông tin
6.	CT	Chương trình
7.	CTDH	Chương trình dạy học
8.	CTĐT	Chương trình đào tạo
9.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
10.	ĐT	Đào tạo
11.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
12.	GDMN	Giáo dục mầm non
13.	GV	Giảng viên
14.	GVMN	Giáo viên mầm non
15.	HSSV	Học sinh sinh viên
16.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
17.	KT/ĐG	Kiểm tra/Đánh giá
18.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
19.	NH	Người học
20.	NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
21.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
22.	PGS	Phó Giáo sư
23.	PPDH	Phương pháp dạy học
24.	SV	Sinh viên
25.	TĐG	Tự đánh giá
26.	ThS	Thạc sĩ
27.	THSP	Thực hành sư phạm
28.	TS	Tiến sĩ
29.	TT	Trung tâm
30.	TTSP	Thực tập sư phạm

## **PHẦN I. KHÁI QUÁT**

### **1. Đặt vấn đề**

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) trong các trường đại học, cao đẳng. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã triển khai hoạt động tự đánh giá CTĐT theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT đề ra. Nhà trường nhận thức được tầm quan trọng của công tác tự đánh giá CTĐT để nhà trường nhìn nhận lại chất lượng đào tạo và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng trong Nhà trường. Tự đánh giá CTĐT không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài CTĐT mà còn thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được xác định.

#### **a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá**

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng bao gồm 4 phần:

- Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng đã mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, 2 phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

- Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá.

- Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

- Phần IV: Phụ lục theo công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo, bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Căn cứ Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm, nội dung chính của Báo cáo thực hiện việc đánh giá bộ tiêu chuẩn đánh giá chất

lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 2 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm, bao gồm 10 tiêu chuẩn và 43 tiêu chí. Trong đó, tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung đánh giá mục tiêu và chuẩn đầu ra, mô tả CTĐT, cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, phương pháp tiếp cận trong dạy và học (12 tiêu chí); tiêu chuẩn 5 đánh giá công tác tuyển sinh và hỗ trợ người học (6 tiêu chí); tiêu chuẩn 6 đánh giá kết quả học tập của người học (5 tiêu chí); tiêu chuẩn 7 đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên (6 tiêu chí); tiêu chuẩn 8 đánh giá cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ CTĐT (4 tiêu chí); tiêu chuẩn 9 tập trung đánh giá hoạt động Bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo (7 tiêu chí); tiêu chuẩn 10 đánh giá kết quả đầu ra của CTĐT (3 tiêu chí).

**Phương pháp mã hóa minh chứng:** Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: [Hn.ab.cd.ef].

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí

Ví dụ:

[H1.01.01.01]: Minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

[H3.03.02.11]: Minh chứng thứ 11 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

b) Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích của việc tự đánh giá CTĐT là tiến hành rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xác định đúng điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi nhằm nâng cao chất lượng CTĐT; đồng thời tiến hành đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn CTĐT.

Quy trình tự đánh giá CTĐT được thực hiện theo Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy

định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Bao gồm các bước:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ đánh giá được sử dụng phù hợp với từng tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn như: phân tích, so sánh, tổng hợp, khảo sát, lấy ý kiến phản hồi, thống kê.

Sự tham gia của các bên liên quan: Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng được thành lập theo Quyết định số 130/QĐ-CĐSPTU ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, gồm 27 thành viên đại diện cho các phòng, ban, khoa, trung tâm, đại diện giảng viên, học sinh, sinh viên. Bên cạnh đó sự phản hồi của sinh viên, các cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá CTĐT của Nhà trường. Các thành viên trên đều được phân công những nhiệm vụ cụ thể, đóng góp vào hoạt động tự đánh giá CTĐT của Nhà trường.

## **2. Tổng quan chung**

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương với bề dày gần 60 năm đào tạo GVMN trình độ trung cấp chuyên nghiệp, hơn 30 năm đào tạo GVMN trình độ cao đẳng đến nay đã trở thành một cơ sở đào tạo GVMN uy tín, có chất lượng và được xã hội ghi nhận. Đội ngũ CBQL, giảng viên và giáo viên ở trường MNTH có sự khác biệt về năng lực và phẩm chất. Tính chuyên nghiệp và sự đam mê công việc được thể hiện khá rõ nét ở đội ngũ CBGV của Nhà trường. Trường đã xây dựng được quy trình khép kín Đào tạo - Nghiên cứu - Chuyển giao công nghệ. Sứ mạng của Trường “ *Là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học*”. Đến nay Trường đã xây dựng và phát triển được một số mô hình: Đào tạo GVMN chất lượng cao; Trung tâm Hỗ trợ và phát triển Giáo dục hòa nhập; Trung tâm nghiên cứu thiết bị dạy học và học liệu cho GDMN và trẻ khuyết tật; Hệ thống 03 trường mầm non thực hành chất lượng cao.

a) Về cơ cấu tổ chức, đội ngũ: Hiện nay Nhà trường gồm 20 đơn vị thuộc và trực thuộc với 08 Phòng, 05 Khoa, 04 Trung tâm và 03 Trường mầm non thực hành. Tổng số lượng đội ngũ cán bộ quản lý hiện có là 73 người, trong đó có 15 Tiến sĩ, 54 thạc sĩ. Đơn vị thực hiện đào tạo chương trình giáo viên mầm non trình độ cao đẳng là Khoa Giáo dục mầm non, đội ngũ hiện nay của Khoa gồm có 10 cán bộ quản lý gồm: 01 Trưởng khoa, 01 Phó trưởng khoa, 03 Trưởng bộ môn, 02 Phó trưởng bộ môn, 02 Trợ lý khoa, 01 Tổ trưởng và 28 giảng viên cơ hữu với tổng số 07 tiến sĩ, 01 nghiên cứu sinh. Hiện nay, Nhà trường thực hiện 01 chương trình đào tạo giáo viên (ngành giáo dục mầm non trình độ cao đẳng) và 12 chương trình đào tạo các ngành thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Về đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện chương trình giáo dục mầm non: Hiện nay, nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ giảng viên dày dặn kinh nghiệm tương đối đồng bộ và tâm huyết với nghề nghiệp gồm: 149 GV, trong đó có 01 Phó Giáo sư, 20 Tiến sĩ, 125 Thạc sĩ, 06 NCS, 100% giảng viên có chuyên ngành GDMN đạt trình độ thạc sĩ trở lên. Đồng thời, trường có đội ngũ giảng viên có trình độ cao thuộc các ngành Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Công nghệ thông tin, Giáo dục đặc biệt... tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non và các chương trình chuyên ngành đào tạo giáo viên mầm non.

b) Về công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non:

Trong 34 năm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) trình độ cao đẳng, Nhà trường đã đào tạo được trên 50.000 giáo viên mầm non các hệ. Đặc biệt, với ngành Giáo dục mầm non, trường đã đào tạo sinh viên cho nước bạn Lào. Trong năm 2018, trường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho 17 học viên là cán bộ quản lý, GVMN của nước CHDCND Lào.

Bồi dưỡng cấp các loại chứng chỉ/chứng nhận về GDMN cho hơn 4000 GVMN và 3000 cán bộ quản lý các cơ sở GDMN, hàng nghìn giáo viên Montessori... Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên và bồi dưỡng chuyên đề cho các GVMN trong cả nước.

Trường có thế mạnh trong công tác đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GVMN. Trường có khoa chuyên ngành với nhiều chuyên gia hàng đầu về Giáo dục mầm non. Hằng năm Trường có một tháng rèn luyện nghiệp vụ nghề nghiệp cho sinh viên toàn trường. Nhà trường có 03 trường mầm non thực hành trực thuộc trường và có hệ thống mạng lưới các trường mầm non có chất lượng đảm bảo công tác kiến tập,



thực tập sư phạm, thực tập nghề nghiệp của sinh viên được tiến hành đúng kế hoạch và thường xuyên.

Sản phẩm đào tạo của trường được các cơ sở GDMN trong nước và quốc tế sử dụng và đánh giá cao. Sinh viên ra trường có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo đạt tỷ lệ gần 100%.

Đội ngũ giảng viên của trường đã đóng góp nhiều sức lực, trí tuệ cho các chương trình giáo dục quốc gia của Bộ GD&ĐT và tạo được uy tín cao đối với ngành GDMN và xã hội. Hiện tại Trường được Bộ GD&ĐT giao 06 nhiệm vụ trong Đề án 33 của Chính phủ về Đào tạo, bồi dưỡng CBQL và GVMN và giai đoạn 2018 - 2025. Nhà trường xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng mang tính chiến lược, tính nhân văn và cần tập trung thực hiện tốt.

Năm 2017, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là trường cao đẳng đầu tiên trong cả nước tiến hành đánh giá ngoài và đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng với kết quả 47/55 (85,5%) tiêu chí được đánh giá đạt, theo các điều kiện tại Điều 27, Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; 03 Trường mầm non thực hành cũng đạt kiểm định chất lượng theo quy định.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đồng thời theo các Thông tư ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các công văn, văn bản hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng. Trường tiến hành công tác tự đánh giá CTĐT ngành GD mầm non giai đoạn 2017 - 2021. Triển khai các hoạt động tự đánh giá CTĐT theo đúng quy trình và quy định. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, các nhóm công tác chuyên trách, nhóm thư ký giúp việc Hội đồng, tiến hành thu thập minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi hoàn thiện báo cáo, Trường thực hiện công khai, báo cáo cơ quan chủ quản để thẩm định báo cáo và đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo,

c) Về hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế:

Trường CĐSPTƯ là đơn vị điển hình trong nghiên cứu khoa học về giáo dục mầm non và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học GDMN. Trong 3 năm 2016, 2017 và 2018 trường được phê duyệt thực hiện 7 đề tài cấp Bộ và 1 đề tài cấp Nhà nước. Trường đã tổ chức được 22 Hội thảo khoa học về giáo dục mầm non, trong đó có nhiều hội thảo quốc gia và quốc tế do Unicef, tổ chức IDEO, UNESSCO, SC, SIF và Hiệp hội Giáo dục vì mọi người tài trợ với sự tham gia của trường đại học các nước như Đan Mạch, Phần Lan, Bỉ, Nhật, Hàn Quốc, Singapor ... Từ năm 2015 đến nay, Trường đã có 08 bài báo được đăng trên tạp

chí quốc tế, 490 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước; hoàn thành 165 sách giáo trình, tài liệu tham khảo, tài liệu băng hình phục vụ cho chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non.

Về hoạt động hợp tác quốc tế: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã có quan hệ hợp tác với hơn 10 quốc gia trên thế giới và các tổ chức phi chính phủ, trong đó có những nước có nền giáo dục phát triển như: Đan Mạch, Phần Lan, Bỉ, Mỹ, Úc, Singapore, Nhật bản, Hàn Quốc,.... Từ năm 2013 đến nay, Trường đã kí kết được 12 biên bản ghi nhớ và hợp đồng giáo dục với các trường Đại học và tổ chức quốc tế; triển khai thực hiện được 4 dự án quốc tế (Chương trình quỹ Erasmus+). Ngoài ra còn ký các Chương trình tập huấn về giáo dục hoà nhập với SIF (Singapor), dự án xây dựng chương trình GDMN với Trường đại học Bắc Đan Mạch -UCN (Đan Mạch), Victory (Úc), thoả thuận về đề tài Nghị định thư với Đại học của Ba Lan... Đã kí kết thoả thuận được với đại học Zealand (UCZ), UCC và UCSYD (Đan Mạch), hàng năm có từ 8-12 SV được sang học tập tại Đan Mạch với học bổng được cấp từ 50% đến 100%.

d) Về công tác cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Với quy mô như hiện nay, nhà trường có đủ phòng học, trang thiết bị cơ bản đủ đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nhà trường có vị trí thuận lợi trên mặt đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội với tổng diện tích mặt bằng đất là 12.622m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng là 16.944m<sup>2</sup>, được xây dựng 10 tòa nhà từ 2 đến 5 tầng và một số công trình cấp 4 phụ trợ. Bên cạnh đó, Nhà trường có 3 trường Mầm non thực hành với diện tích sử dụng khoảng 16.500 m<sup>2</sup> (Trường Mầm non Thực hành Hoa Hồng với diện tích gần 8.000m<sup>2</sup>, Trường Mầm non Thực hành Hoa Sen với diện tích gần 6.500m<sup>2</sup> và Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên nằm trong khuôn viên của Nhà trường với gần 2000m<sup>2</sup>).

Tổng số phòng học của Nhà trường hiện có 177 phòng, với tổng diện tích là 14.250m<sup>2</sup>, trong đó có 51 phòng học giảng đường với diện tích là 2.708m<sup>2</sup>; 126 phòng học thực hành với diện tích 11.542m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục dạy và học như bàn ghế, âm thanh, ánh sáng, hệ thống máy tính, máy projector, máy cassette, mạng wifi, kết nối mạng LAN và internet phục vụ tốt cho việc dạy và học, bao gồm 7 phòng học thực hành tin học với tổng diện tích 425m<sup>2</sup>; 04 phòng thực hành âm nhạc có với tổng diện tích 100m<sup>2</sup>; 03 phòng thực hành mỹ thuật với diện tích 345m<sup>2</sup>; 01 phòng thực hành nghiệp vụ Giáo dục Mầm non với tổng diện tích 70m<sup>2</sup>, 2 phòng thực hành thư viện với tổng số diện tích 750m<sup>2</sup>, 13 phòng học ngoại ngữ với diện tích 633m<sup>2</sup>, 4 phòng thực hành

dinh dưỡng với diện tích là 660m<sup>2</sup> và 5 hội trường đa năng dùng để thực hành nghiệp vụ nghề nghiệp với tổng diện tích 1207m<sup>2</sup>.

Thư viện có đầy đủ học liệu, bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo... phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo. Tính đến tháng 5/2021, về tài liệu truyền thống, Thư viện có khoảng 14.000 tên với khoảng 96.000 bản, 32 loại báo và tạp chí, 60 tên đĩa VCD, CD tư liệu phục vụ đào tạo giáo viên, 655 tên tài liệu nội sinh gồm luận án, luận văn, khóa luận, đề tài nghiên cứu, tài liệu hội nghị hội thảo. Phục vụ cho ngành đào tạo Giáo dục Mầm non của Nhà trường, Thư viện có 98 tên giáo trình, với 11.980 bản, 290 tên tài liệu tham khảo, với 16.206 bản. Từ năm 2020, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 100 tên trong đó phần lớn là tài liệu nội sinh.

Với những điều kiện như trên, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương có thể đáp ứng phát triển thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đào tạo GVMN có chất lượng, trước mắt là trình độ cao đẳng, đại học và tiến tới đào tạo sau đại học trong tương lai.

## PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT**

**Mở đầu:** CTĐT ngành GDMN được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định, hướng dẫn của Trường CĐSPTU. CTĐT xác định mục tiêu, CDR phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường. Mục tiêu cụ thể của CTĐT thay đổi theo sự thay đổi của các bên liên quan nói riêng và của xã hội nói chung.

CTĐT ngành GDMN theo học chế tín chỉ được ban hành theo quyết định số 655/QĐ-CĐSPTW ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường CĐSPTU. Trong quá trình đào tạo, để đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành GDMN và theo hướng tiếp cận năng lực, Nhà trường đã chỉnh sửa CTĐT (năm 2019, 2021) để đảm bảo SV ra trường có thể thực hiện được chương trình GDMN và các nhiệm vụ của người GVMN. CTĐT ngành GDMN năm 2021 của Nhà trường được ban hành theo quyết định số 119/QĐ-CĐSPTU ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐSPTU. CTĐT năm 2021 được xây dựng trên cơ sở kế thừa CTĐT năm 2019, trong đó tập trung đào tạo năng lực sư phạm cho SV. Điều này được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo và các tiêu chí của CDR.

*Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, Luật giáo dục nghề nghiệp*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

CTĐT ngành GDMN được Bộ GD&ĐT cho phép tiếp tục đào tạo từ năm 2006 [H01.01.01.01]. Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định từ năm 2016, được định kỳ rà soát, điều chỉnh vào các năm 2019, 2021 theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường theo hướng tập trung đào tạo năng lực sư phạm cho SV [H01.01.01.01]; [H01.01.01.02]; [H01.01.01.03].

Mục tiêu chung của CTĐT ngành GDMN của Trường CĐSPTU là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới của GDMN thời kỳ hội nhập toàn cầu. Sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và sức khỏe để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; có khả năng tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của GDMN; sử dụng hiệu quả công

*nghệ thông tin và tiếng Anh trong công việc; có khả năng học tập ở cấp học cao hơn” [H01.01.01.02]; [H01.01.01.03]; [H01.01.01.04].*

Mục tiêu cụ thể của CTĐT cũng được xác định: *“Vận dụng được kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống; Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản và các kiến thức chuyên ngành vào việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN; Có năng lực nhận thức và tư duy sáng tạo trong lập kế hoạch, tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ; Có năng lực tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; năng lực giao tiếp, năng lực phát triển và tổ chức thực hiện được chương trình GDMN; Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự đánh giá và đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp”* cũng đồng nghĩa với việc phải *“có kiến thức chuyên môn cơ bản, kỹ năng thực hành thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo. [H01.01.01.02]; [H01.01.01.03].*

Các mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường CĐSPTU đó là *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn xã hội và hội nhập quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được xây dựng trên cơ sở đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học linh hoạt, phù hợp và thuận lợi nhất cho người học” [H01.01.01.05].*

Mục tiêu của CTĐT cũng phù hợp với mục tiêu giáo dục của Nhà trường, đó là: *Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế [H01.01.01.05].*

Đối chiếu mục tiêu CTĐT của Khoa GDMN với tầm nhìn của Nhà trường cho thấy mục tiêu này đã tiệm cận với tầm nhìn và sứ mạng đã được Nhà trường xác định [H01.01.01.05].

Bên cạnh đó, Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014/QH13 đã nêu mục tiêu của giáo dục cao đẳng là: *“Đào tạo trình độ cao đẳng để người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp và giải quyết được các công việc có tính phức tạp của chuyên ngành hoặc nghề; có khả năng sáng tạo,*

*ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc”.*

Trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, GDMN là bậc học đầu tiên, đặt nền tảng cho sự phát triển của trẻ, được cả xã hội quan tâm. Quyết định số 711/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ năm 2012 phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020” đã xác định giải pháp phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục “đảm bảo từng bước có đủ giáo viên thực hiện giáo dục toàn diện theo chương trình GDMN...”, “chuẩn hóa trong đào tạo, tuyển chọn, sử dụng và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong và tư cách của đội ngũ nhà giáo để làm gương cho học sinh, sinh viên”. Trong thực tế, các cơ sở chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non cũng đặt ra yêu cầu cho các giáo viên, phải là những giáo viên có chuyên môn tốt, có khả năng tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục nhằm hướng đến phát triển toàn diện cho trẻ. Như vậy, mục tiêu trên của CTĐT cũng đã đáp ứng được yêu cầu này của thị trường lao động. Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT còn nhằm đào tạo người tốt nghiệp “có khả năng tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của GDMN; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tiếng Anh trong công việc; có khả năng học tập ở cấp học cao hơn”. Mục tiêu này giúp người học xác định cơ hội cũng như khả năng tiếp tục nghiên cứu ở các trình độ cao hơn, thúc đẩy sự phát triển của cá nhân nói riêng và GDMN nói chung [H01.01.01.03].

Để phù hợp với tình hình trong nước cũng như hội nhập quốc tế, trong quá trình rà soát, cập nhật CTĐT, khoa GDMN đã tham khảo CTĐT của Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội; Trường CĐSPTU Nha Trang; CTĐT giáo viên giáo dục và chăm sóc trẻ của Học viện Seed - Singapore; Chương trình chứng chỉ GDMN của Singapore [H01.01.01.06]. Ngoài ra, Khoa còn tổ chức tọa đàm lấy ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là lãnh đạo các Phòng GDĐT, lãnh đạo các cơ sở GDMN thông qua hoạt động tổng kết công tác thực hành, thực tập hằng năm, lấy ý kiến của cựu sinh viên và các chuyên gia, các GV có kinh nghiệm, các nhà quản lý trong và ngoài Khoa thông qua các buổi tọa đàm chuyên môn, trong đó có các nội dung về rà soát chỉnh sửa CTĐT ngành GDMN. [H01.01.01.07]; [H01.01.01.08]; [H01.01.01.09]; [H01.01.01.11].

Điểm khác biệt rõ nét về mục tiêu trong CTĐT 2021 so với các phiên bản trước là hướng tới phát triển những năng lực cần thiết của người học đáp ứng yêu cầu của thực tiễn GDMN. Về kỹ năng: CTĐT 2021 xác định mục tiêu phát triển ở người học “*năng lực nhận thức và tư duy sáng tạo trong lập kế hoạch, tổ*

chức hoạt động chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ”. Về thái độ: CTĐT 2021 xác định mục tiêu phát triển ở người học “*năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; hướng dẫn người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; tự đánh giá và đánh giá chất lượng thực hiện công việc của đồng nghiệp*” [H01.01.01.02]. Những sự điều chỉnh này nhằm đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn trong Chuẩn nghề nghiệp GVMN số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/20218. Điều 5, tiêu chuẩn phát triển chuyên môn nghiệp vụ yêu cầu GVMN phải thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân, chủ động, linh hoạt, có sáng kiến trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phát triển toàn diện trẻ em theo Chương trình GDMN. Đồng thời, phải chia sẻ kinh nghiệm, hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Mục tiêu của CTĐT được công khai trên Website của Trường, fanpage của Khoa và thông qua hoạt động giảng dạy, tư vấn, các GV thông tin đến SV giúp SV tiếp cận được mục tiêu CTĐT để có thể chuẩn bị tốt cho việc học tập của bản thân [H01.01.01.03]; [H01.01.01.10].

## 2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp, thể hiện được sứ mạng và tầm nhìn của một trường cao đẳng sư phạm trọng tâm là đào tạo GVMN, giúp người học có thể phát triển nghề nghiệp trong xu thế mới; được đóng góp ý kiến của các bên liên quan, phản ánh nhu cầu của xã hội và được phổ biến công khai trên các trang thông tin.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến đóng góp của người học và nhà tuyển dụng về mục tiêu CTĐT nhằm bổ sung, hoàn chỉnh mục tiêu của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay đã được thực hiện tuy nhiên đối tượng mẫu chưa phong phú.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	CTĐT phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp của người học theo khung năng lực GVMN trong khu vực Đông	Khoa GDMN Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Năm học 2021 - 2022

		Nam Á và trên thế giới.		
2	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của cựu người học và nhà sử dụng lao động để đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của CTĐT. Chú trọng mở rộng đối tượng khảo sát.	Khoa GDMN Phòng KT& ĐBCLGD Phòng QLĐT	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 1.2: CĐR của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo*

#### 1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành GDMN của Trường CĐSPTU được ban hành các năm 2015, 2016, được bổ sung, cập nhật năm 2019 và 2021, [H01.01.02.01], CĐR được xây dựng đúng với quy trình xây dựng, công bố CĐR theo quy định của BGDDT và thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học khi hoàn thành CTĐT.

Trong quá trình xây dựng CTĐT, Khoa GDMN đã thành lập nhóm biên soạn, mời chuyên gia về tập huấn xây dựng CĐR, lấy ý kiến của các bên có liên quan về CĐR, tổ chức và tham gia các phiên họp nghiệm thu CĐR ở các cấp [H01.01.02.02]; [H01.01.02.03]; [H01.01.02.04].

CTĐT ngành GDMN năm 2021 của Trường CĐSPTU gồm 11 CĐR, trong đó có 04 chuẩn về kiến thức, 04 chuẩn về kỹ năng và 03 chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các CĐR này xác định các yêu cầu đạt được về năng lực vận dụng kiến thức chung, kiến thức đại cương và kiến thức chuyên ngành GDMN vào thực tiễn chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo; kỹ năng thực hành tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; kỹ năng giao tiếp, thiết lập các mối quan hệ xã hội; năng lực tiếng Anh, tin học sử dụng trong hoạt động nghề nghiệp; năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm và đánh giá chất lượng thực hiện công việc [H01.01.02.01].

CĐR của CTĐT năm 2021 được diễn đạt rõ ràng, thể hiện các năng lực, phẩm chất của người học đạt được sau khi tốt nghiệp, được diễn đạt theo thang Bloom về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm bằng các động từ có thể lượng hóa được theo nguyên tắc SMART. CĐR của các học phần thể hiện rõ đóng góp cho CĐR của CTĐT [H01.01.02.01]; [H01.01.02.05];



[H01.01.02.06]. CĐR của CTĐT đảm bảo tương thích với Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 5.

Với các tiêu chí cụ thể, CĐR của CTĐT được thiết kế rõ ràng giúp người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình giảng dạy, học tập. Đồng thời, có thể dễ dàng quan sát, đo lường và đánh giá được các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học sau quá trình học tập [H01.01.02.01]; [H01.01.02.06].

Các CĐR đều tương thích với mục tiêu của CTĐT và các tiêu chuẩn trong Chuẩn nghề nghiệp GVMN.

Mục tiêu	CĐR										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
M1.1. Vận dụng được hệ thống tri thức chung	x	x									
M1.2. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản và các kiến thức chuyên ngành			x	x				x			
M2.1. Năng lực nhận thức và tư duy sáng tạo					x						
M2.2. Năng lực tổ chức, giao tiếp, phát triển chương trình						x	x				
M3. Năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; hướng dẫn người khác; chịu trách nhiệm									x	x	x

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể thực hiện các công việc ở các vị trí: GVMN ở các cơ sở chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non Việt Nam và Quốc tế; Giáo viên hướng dẫn thực hành nghề nghiệp cho giáo sinh ngành GDMN; Tư vấn viên hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ em cho cha mẹ và cộng đồng; Nhân viên thực hiện công tác chuyên môn về GDMN tại các phòng, sở GDĐT; Có thể được đào tạo nâng cao năng lực để trở thành GV tại các cơ sở đào tạo GVMN hoặc cán bộ quản lý tại các cơ sở GDMN [H01.01.02.01].

## 2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xây dựng đảm bảo tuân thủ quy trình xây dựng, công bố CĐR theo quy định của Bộ GD&ĐT và thể hiện rõ ràng các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và

trách nhiệm của người học khi hoàn thành CTĐT. CDR phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, phù hợp với đổi mới GDMN hiện nay.

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng mẫu triển khai cho việc lấy ý kiến phản hồi để góp ý cho CDR của CTĐT chưa phổ rộng.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch rà soát, chỉnh sửa CDR của CTĐT nhằm giúp người học đạt được những năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội, thể hiện rõ hơn sứ mạng đào tạo GVMN của Nhà trường.	Khoa GDMN Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Năm học 2021 - 2022
2	Khắc phục điểm tồn tại	Khảo sát, lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan (cựu người học, GV, chuyên gia GDMN và nhà sử dụng lao động) về CDR của CTĐT. Mở rộng số lượng lấy mẫu.	Khoa GDMN Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 1.3: CDR của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai*

#### 1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT ngành GDMN của Trường CĐSPTU được ban hành các năm 2015, 2016 và được định kỳ rà soát, cập nhật các năm 2019 và năm 2021 theo kế hoạch của Nhà trường [H01.01.03.01]. [H01.01.03.02]; [H01.01.03.03].

So với bản CDR 2015, 2016, CDR của CTĐT ban hành năm 2019 được mô tả khái quát hơn, bao gồm các yêu cầu về kiến thức (kiến thức chuyên môn chung và kiến thức chuyên sâu), yêu cầu về kỹ năng (kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên sâu) và yêu cầu về thái độ của người học [H01.01.03.01].

Năm 2021, để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội, Nhà trường tiếp tục rà soát, đánh giá CDR của CTĐT, chỉnh sửa, xây

dựng và ban hành mới CĐR [H01.01.03.03]. Các tiêu chí được rà soát và điều chỉnh cùng với việc điều chỉnh CTĐT để đảm bảo CĐR luôn phản ánh được xu hướng đổi mới của nền giáo dục hiện đại cũng như phù hợp với yêu cầu thực tế đổi mới của ngành GDMN [H01.01.03.04]. Trong lần rà soát này, CĐR của CTĐT được xây dựng lại dựa trên: (1) Tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu giáo dục của Nhà trường; (2) Mục tiêu của CTĐT; (3) Khung trình độ quốc gia Việt Nam; (4) Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định của Bộ GD&ĐT; (5) Chuẩn nghề nghiệp GVMN [H01.01.01.06]; [H01.01.01.04].

Quá trình rà soát chỉnh sửa CTĐT, Nhà trường đã lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động, của cựu SV, GV của Nhà trường và các cán bộ quản lý, chuyên gia giáo dục [H01.01.03.07]; [H01.01.03.08]; [H01.01.03.09]; [H01.01.03.10]; [H01.01.03.11]; [H01.01.03.12]; [H01.01.03.13]; [H01.01.03.14]; [H01.01.03.15]; [H01.01.03.16]; [H01.01.03.17].

Ngoài ra, quá trình rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT năm 2021, Khoa đã tham khảo đối sánh CTĐT của Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội; Trường CĐSPTU Nha Trang (trong nước) và ngoài nước là CTĐT giáo viên giáo dục và chăm sóc trẻ của Học viện Seed - Singapore; Chương trình chứng chỉ GDMN của Singapore [H01.01.03.18], bám sát yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp GVMN và của thực tiễn. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bên liên quan, Khoa đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa, thông qua Hội đồng Khoa [H01.01.03.04] và Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H01.01.03.07]; [H01.01.03.08] và trình Hiệu trưởng ban hành theo quy định [H01.01.03.01].

CĐR của CTĐT sau khi được ban hành theo quy định, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, trang Fanpage của Khoa [H01.01.03.19], trong Bản mô tả CTĐT [H01.01.03.20].

## 2. Điểm mạnh

CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo hướng tiếp cận năng lực, đáp ứng được các yêu cầu của xu hướng đổi mới nền giáo dục hiện đại cũng như phù hợp với yêu cầu đổi mới GDMN. CĐR được công bố công khai.

## 3. Điểm tồn tại

Việc tham khảo ý kiến của Nhà sử dụng lao động của các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài để rà soát, chỉnh sửa CĐR còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá	Thời gian
----	----------	----------	-----------	-----------

			nhân thực hiện	thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Lập kế hoạch rà soát, chỉnh sửa CDR của CTĐT nhằm giúp người học đạt được những năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội, thể hiện rõ hơn sứ mạng đào tạo GVMN của Nhà trường.	Khoa GDMN Phòng KT& ĐBCLGD Phòng QLĐT	Năm học 2021 - 2022
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đẩy mạnh thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CDR của CTĐT để điều chỉnh, chú ý đến các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài.	Khoa GDMN Phòng KT& ĐBCLGD Phòng QLĐT	Năm 2021

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:** Mục tiêu và CDR của CTĐT ngành GDMN đã phản ánh được tầm nhìn cũng như sứ mạng của một trường cao đẳng có bề dày đào tạo GVMN; đón trước sự phát triển, đổi mới của GDMN. Hoạt động đào tạo đi trước một bước như vậy góp phần làm cho công cuộc đổi mới GDMN được đồng bộ, thuận lợi. CDR của CTĐT phản ánh được nhu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực.

Tuy nhiên, đối tượng lấy ý kiến của các bên liên quan góp ý về mục tiêu và CDR của CTĐT chưa triển khai rộng, chưa tham khảo ý kiến của Nhà sử dụng lao động của các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài.

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa GDMN phối hợp với phòng QL Đào tạo phòng Khảo thí & Đảm bảo CLGD, thực hiện định kỳ khảo sát, lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan (cựu người học, GV, chuyên gia GDMN và nhà sử dụng lao động) về mục tiêu, CDR của CTĐT.

*Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 1 cả 3 tiêu chí đều đạt mức 5/7.*

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

**Mở đầu:** Bản mô tả CTĐT CTĐT ngành GDMN của Trường CĐSPTU được xây dựng trên những quy định pháp lý của Bộ GD&ĐT, của Trường CĐSPTU với sự tham gia của các bên liên quan như: cán bộ quản lý, cán bộ giảng viên chuyên trách, có sự tư vấn từ các chuyên gia giáo dục và các nhà tuyển dụng. Khi xây dựng CTĐT, Nhà trường tham khảo CTĐT của một số trường đại học, cao đẳng uy tín trong nước và nước ngoài. Bản mô tả CTĐT thể

hiện đầy đủ các thông tin, cập nhật thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường CĐSPTU. CTĐT được công bố công khai giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

*Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật*  
*1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN của Trường CĐSPTU được xây dựng năm 2019 theo mẫu của Trường [H02.02.01.01], có đủ các thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT gồm: tên đơn vị; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; yêu cầu về năng lực, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh, vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp, đề cương các học phần...

Năm 2021, trước bối cảnh mới, Trường CĐSPTU chủ trương tiếp tục đổi mới CTĐT. Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn về việc cập nhật, bổ sung, hoàn chỉnh sửa CTĐT ngành GDMN theo thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ GD&ĐT [H02.02.01.02]. CTĐT của Trường CĐSPTU được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT của một số CTĐT của các trường đào tạo GVMN trong và ngoài nước, có sự kế thừa các CTĐT trước đó của Nhà trường [H02.02.01.03] [H02.02.01.04]. Ngoài ra, trường cũng nhận ra tầm quan trọng của Bản mô tả CTĐT mà năm 2019 chưa xây dựng được, Trường đã chỉ đạo Khoa GDMN xây dựng Bản mô tả CTĐT ngành GDMN năm 2021 với đầy đủ các thông tin theo quy định trong hướng dẫn xây dựng CTĐT, bao gồm: Thông tin cơ bản về CTĐT (Tên ngành đào tạo; mã ngành; loại hình đào tạo; tên văn bằng); Mô tả CTĐT (Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể; CDR; thời gian đào tạo; Nội dung CTĐT (cấu trúc chương trình dạy học; khung CTĐT; ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần với CDR CTĐT); Đối tượng và phương thức tuyển sinh; Quy trình đào tạo, đáng giá kết quả học tập và điều kiện tốt nghiệp; Triết lý giáo dục; Phương pháp dạy - học; kiểm tra - đánh giá; Các CTĐT trong và ngoài nước được đối sánh; Mô tả tóm tắt học phần. [H02.02.01.01].

Trong bản mô tả 2021, MT của CTĐT được trình bày cô đọng, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường; CDR của CTĐT được cấu trúc lại, mô tả rõ ràng hơn; có thể đo lường, đánh giá được, đồng thời bổ sung ma trận mức độ đóng góp vào CDR của từng học phần trong CTĐT. Bổ sung Một số học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành được đổi tên cho phù hợp hơn với chuyên ngành đào tạo. Ví dụ: Học phần *“Toán và hoạt động khám phá”* được đổi thành *“Toán học với trẻ nhỏ”*; *“Khám phá khoa học”* được đổi thành *“Khoa học với trẻ mầm non”*; *“Các hoạt động phát triển ngôn ngữ”* được đổi

thành “*Kể chuyện sáng tạo và đóng kịch trong trường mầm non*”; “*Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non*” được đổi thành “*Môi trường giáo dục trong trường mầm non*” [H02.02.01.01]. Đồng thời với việc điều chỉnh tên các học phần, tỉ lệ số tiết lý thuyết/thực hành/thảo luận cũng được điều chỉnh theo hướng tăng thời lượng thực hành và mang tính thống nhất. Thế mạnh trong CTĐT ngành GDMN của Nhà trường là các chuyên đề tự chọn chuyên sâu tiếp tục được bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện. CTĐT năm 2021, bên cạnh việc hoàn thiện 05 chuyên đề đã xây dựng từ năm 2019, Nhà trường bổ sung 03 chuyên đề, đó là: *Giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong trường mầm non*; *Giáo dục trẻ có rối loạn ngôn ngữ trong trường mầm non*; *Công tác xã hội trong trường mầm non*. Như vậy, CTĐT năm 2021 có 08 chuyên đề tự chọn chuyên sâu về GDMN. Không chỉ bổ sung các chuyên đề tự chọn chuyên sâu, CTĐT còn được bổ sung các học phần giáo dục tiên tiến vào khối kiến thức, kỹ năng tự chọn. Các học phần: *Phương pháp giáo dục Montessori*; *Phương pháp giáo dục Steiner/Waldorf*; *Phương pháp tiếp cận Reggio Emilia*; *Giáo dục STEM trong trường mầm non* [H02.02.01.03].

## 2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN đã cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, cập nhật theo các quy định, hướng dẫn của Trường, đảm bảo hiệu quả thông tin đầy đủ đến các bên liên quan về CTĐT. Cấu trúc chương trình rõ ràng; các học phần đảm bảo tỉ lệ lý thuyết và thực hành; bổ sung một số học phần theo xu hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu của xã hội; ma trận thể hiện được sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa có bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh để đảm bảo thông tin, quảng bá đến các bên liên quan là người nước ngoài trong thị trường giáo dục ở VN.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức rà soát, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các học phần cho phù hợp hơn, thích ứng với bối cảnh xã hội hiện nay (chuyển đổi số).	Khoa GDMN Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Năm học 2021 - 2022

2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh; phổ biến rộng rãi hơn bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan.	Khoa GDMN Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Năm 2021
---	------------------------	---	--	----------

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật*

*1. Mô tả hiện trạng*

ĐCCT học phần có ý nghĩa quan trọng trong việc triển khai thực hiện CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục. Do đó, ĐCCT học phần của CTĐT ngành GDMN trong quá trình rà soát đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT và quy định của Trường [H02.02.02.01]; [H02.02.02.02].

ĐCCT học phần giúp người dạy có căn cứ pháp lý để thực hiện chương trình giảng dạy đúng với mục tiêu và giúp người học hình dung khái quát nội dung của học phần trước khi tham gia học tập. Khoa GDMN kết hợp với các Khoa có giảng dạy cho ngành GDMN xây dựng ĐCCT các học phần dựa trên CTĐT ngành GDMN, đảm bảo các yêu cầu về khối lượng kiến thức, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của các học phần [H02.02.02.03]; [H02.02.02.06].

ĐCCT học phần trong CTĐT của Trường CĐSPTU' gồm các nội dung: Tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, phân bố thời gian, điều kiện tiên quyết tham gia học phần, mục tiêu, CĐR của học phần, ma trận mức độ liên quan của học phần đến CĐR của CTĐT, mô tả vắn tắt nội dung học phần; nhiệm vụ của SV, tài liệu học tập (*giáo trình và tài liệu tham khảo*), tiêu chuẩn đánh giá SV, kế hoạch kiểm tra đánh giá; nội dung chi tiết của học phần (*kế hoạch chi tiết theo tuần, hình thức lên lớp, tài liệu đọc trước, nhiệm vụ của SV, phương pháp dạy học*) [H02.02.02.03]; [H02.02.02.06].

100% ĐCCT học phần trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo kế hoạch của Nhà trường, cụ thể: từ năm 2015, Nhà trường đã chuyển đổi CTĐT sang học chế tín chỉ và ban hành mẫu ĐCCT học phần bao gồm: Tên học phần, số tín chỉ, trình độ, phân bố thời gian, điều kiện tiên quyết, mục tiêu của học phần, mô tả các nội dung học phần, nhiệm vụ của SV, tài liệu học tập, tiêu chuẩn đánh giá SV, thang điểm, nội dung chi tiết học phần, ngày phê duyệt, cấp phê duyệt [H02.02.02.04]; [H02.02.02.05].

Năm 2018 sau một khóa đào tạo theo học chế tín chỉ, Nhà trường đã tiến hành rà soát CTĐT đã thấy có những bất cập cần cải tiến, kết quả là CTĐT năm

2019 đã ra đời thay thế cho CTĐT năm 2015. Theo đó, ĐCCT học phần năm 2019 đã được điều chỉnh, thể hiện tương đối đầy đủ các thành phần cấu trúc. Nội dung chi tiết học phần trình bày khá khoa học, chi tiết, đảm bảo cho người học có thể thực hiện các nhiệm vụ học tập một cách thuận lợi. Tuy nhiên, chưa có mục tiêu cụ thể và CĐR của học phần; chưa thể hiện mối quan hệ giữa CĐR của HP với CĐR của CTĐT. Mục đánh giá chưa cụ thể về nội dung, thời điểm, tiêu chí đánh giá trong mối quan hệ với CĐR của học phần [H02.02.02.06]. Năm 2021, Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch rà soát, chỉnh sửa CTĐT (Chương trình khung và Đề cương chi tiết). Trên cơ sở ý kiến góp ý của các chuyên gia về xây dựng chương trình; tham khảo ĐCCT học phần trong CTĐT ngành GDMN của một số trường đại học, cao đẳng; ý kiến của toàn thể GV, khoa GDMN đã xây dựng ĐCCT của CTĐT năm 2021 gồm 13 nội dung chính, đảm bảo tính kế thừa ĐCCT năm 2019, đồng thời cập nhật những mục mới khoa học, hợp lý và ưu việt hơn. Cụ thể là: bổ sung mục tiêu cụ thể; CĐR của học phần; ma trận mức độ liên quan giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT; xác định rõ CĐR của từng chương/bài; phân bổ số tiết lý thuyết, thực hành của từng chương/bài; Mục đánh giá kết quả học tập: ngoài xác định các điểm bộ phận, điểm thi kết thúc học phần còn xác định rõ thời điểm tổ chức, hình thức, phương pháp, tiêu chí, thang điểm đánh giá, các CĐR của học phần mà bài kiểm tra/thi hướng tới [H02.02.02.06].

Ngoài ra, hầu hết hệ thống các giáo trình, tài liệu cũng được bổ sung, cập nhật [H02.02.02.06]; [H02.02.02.07].

## 2. Điểm mạnh

ĐCCT học phần ngành GDMN có đầy đủ các thông tin, đảm bảo cung cấp thông tin đến GV và người học để định hướng hoạt động dạy - học và kiểm tra đánh giá để nhằm đạt được CĐR của học phần. Nội dung của nhiều học phần chuyên ngành được xây dựng dựa trên các giáo trình mới nhất. ĐCCT học phần của ngành GDMN được cập nhật và chỉnh sửa thường xuyên.

## 3. Điểm tồn tại

Đề cương một số học phần chưa cập nhật học liệu mới.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện nội dung giảng dạy, hoàn	GV giảng dạy các học phần	Hàng năm



		thiện bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần để người học kiểm tra, theo dõi.	trong CTĐT ngành GDMN	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát bổ sung học liệu mới cho ĐCCT của một số học phần	Các Khoa	Năm học tiếp theo

5. *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành GDMN sau khi Trường CĐSPTU phê duyệt, ban hành, được được lưu giữ tại phòng Quản lý đào tạo, Khoa GDMN và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: trên Website, hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường; các tài liệu quảng bá tuyển truyền tuyển sinh; trên Fanpage của Khoa GDMN [H02.02.03.01]; chuyển cho GV tham gia giảng dạy để cung cấp cho người học ngay trong tuần đầu tiên của kì học. Ngoài ra, Nhà trường còn triển khai phổ biến các thông tin của CTĐT đến SV qua nhiều kênh thông tin công khai khác như: Tuần Giáo dục công dân đầu khóa; Thông tin đào tạo; Cổ vấn học tập giới thiệu và tư vấn, hỗ trợ SV [H02.02.03.01]; [H02.02.03.02]; [H02.02.03.03] đồng thời lấy ý kiến phản hồi của SV về khả năng tiếp cận CTĐT và ĐCCT học phần [H02.02.03.04].

Việc công khai Bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần ngành GDMN bằng nhiều hình thức khác nhau giúp các bên liên quan như nhà quản lý, nhà sử dụng lao động, người dạy, người học đều có thể dễ dàng tiếp cận. Các nhà quản lý theo dõi được việc triển khai CTĐT; người sử dụng lao động hình dung được chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ, đạo đức nghề nghiệp và công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp; người dạy có điều kiện tìm hiểu ĐCCT các học phần khác ngoài học phần đang giảng dạy; người học có thể chủ động tìm hiểu về nội dung môn học, lập kế hoạch học tập phù hợp và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để học tập đạt CĐR của học phần [H02.02.03.01]; [H02.02.03.03].

#### *2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần của ngành học được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện thuận lợi cho người học chủ động trong việc học tập, tạo cơ hội cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tăng cường hợp tác, gắn kết

giữa nhà trường và các cơ sở GDMN trong đào tạo và sử dụng nhân lực hiệu quả, có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

### 3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT chưa có bản bằng tiếng Anh nên việc tiếp cận với nhà sử dụng lao động có yếu tố nước ngoài còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTĐT theo đúng quy định và cập nhật theo hướng ứng dụng thực tế, phát triển kỹ năng, năng lực thực hành	Các Khoa Phòng QLĐT	Định kỳ chỉnh sửa CTĐT
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh; phổ biến rộng rãi với cơ sở có yếu tố nước ngoài	Khoa GDMN Phòng KT& ĐBCLGD Phòng QLĐT	Năm học 2021 - 2022

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:** Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành GDMN được xây dựng phù hợp với tình hình chung của Nhà trường và xu thế mới; có đầy đủ các thông tin cần thiết cho các đối tượng liên quan và công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau; được điều chỉnh, cập nhật thường xuyên.

Tuy nhiên, số lượng mẫu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần chưa phủ rộng. Việc tiếp cận với các nhà tuyển dụng có yếu tố nước ngoài còn khó vì chưa có bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh.

Trong năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ tiếp tục duy trì việc cập nhật, điều chỉnh CTĐT, ĐCCT học phần. Đồng thời, triển khai sâu rộng việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để hoàn thiện chương trình, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

**Kết quả tự đánh giá:** Tiêu chuẩn 2 cả 3 tiêu chí đều đạt mức 5/7.

### Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

**Mở đầu:** Chương trình dạy học ngành GDMN trình độ cao đẳng theo hệ thống tín chỉ được xây dựng lần đầu vào năm 2015, chỉnh sửa năm 2019 và lần gần nhất chỉnh sửa năm 2021. Nội dung chương trình dạy học được rà soát,

chỉnh sửa định kỳ, hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá đảm bảo tương thích với CĐR của CTĐT. Quá trình rà soát, chỉnh sửa có sự tham gia của các bên liên quan, đối sánh với các CTĐT của các cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước, đảm bảo tính logic, cập nhật, đáp ứng linh hoạt nhu cầu của thị trường lao động.

*Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR.*

*1. Mô tả hiện trạng*

Chương trình GDMN năm 2021 được chỉnh sửa trên phiên bản 2019, được thiết kế bám sát các yêu cầu của CĐR 2021 về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm [H3.03.01.01], [H3.03.01.02].

Trên cơ sở CĐR của CTĐT ngành GDMN đã ban hành, Khoa đã tổ chức họp để xác định cấu trúc, nội dung, khối lượng kiến thức, kỹ năng của chương trình; tiến hành xây dựng ma trận học phần và thiết kế Đề cương chi tiết các học phần [H3.03.01.03]; xây dựng bản mô tả CTĐT trong đó xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của chương trình, CĐR của từng khối kiến thức, xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR [H3.03.01.04]. Từng đề cương chi tiết học phần được thiết kế đảm bảo tương thích định hướng giữa nội dung kiến thức, phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR của học phần [H3.03.01.05]. Với cấu trúc tầng bậc như vậy đảm bảo các học phần trong CTĐT tương thích với CĐR của CTĐT.

Chương trình dạy học phiên bản 2021 được thiết kế dựa trên CĐR được thể hiện trong bảng sau:

STT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ	Đóng góp CĐR
1	Khối kiến thức - kỹ năng chung	19	1,4,5,8,9
2	Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản	16	2,4,5,8,9
3	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	40	3,5, 6,7,9,10,11
4	Chuyên đề (người học chọn 1 trong 8 CĐ)	6	
	<i>Phát triển ngôn ngữ, nhận thức</i>		3,5,6,7,9
	<i>Phát triển thể chất và tình cảm, kỹ năng xã hội</i>		3,5,6,7,9
	<i>Tổ chức hoạt động tạo hình</i>		3,6,9,10
	<i>Tổ chức hoạt động âm nhạc</i>		3,6,9,10
	<i>Tổ chức các hoạt động làm quen Tiếng Anh</i>		3,6,8,9
	<i>Giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong</i>		3,6,9

	<i>trường MN</i>		
	<i>Giáo dục trẻ có rối loạn ngôn ngữ trong trường MN</i>		3,6,9
	<i>Công tác xã hội trong trường MN</i>		3,6,9
5	Thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp	9	3,6,7,9,10,11
6	Tốt nghiệp (Khóa luận hoặc hai học phần thay thế)	5	2,3,4,5,6,7,9,10,11
	<b>Tổng</b>	<b>95</b>	

Năm 2021, trên cơ sở các góp ý của cơ sở tuyển dụng, cơ sở thực tập và giảng viên trực tiếp tham gia giảng dạy chương trình, CĐR của CTĐT được điều chỉnh, cập nhật theo khung trình độ quốc gia Việt Nam, theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non và theo nhu cầu xã hội, trong đó có 4 chuẩn về kiến thức, 4 chuẩn về kỹ năng, 3 chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ [H3.03.01.01], [H3.03.01.06], [H3.03.01.07], [H3.03.01.08], [H3.03.01.09].

Để đảm bảo tương thích với CĐR mới, nội dung chương trình dạy học được bổ sung, chỉnh sửa [H3.03.01.10]:

(i) Đổi tên 1 số học phần: “*Toán và hoạt động khám phá*” được đổi thành “*Toán học với trẻ nhỏ*”; “*Khám phá khoa học*” được đổi thành “*Khoa học với trẻ mầm non*”; “*Các hoạt động phát triển ngôn ngữ*” được đổi thành “*Kể chuyện sáng tạo và đóng kịch trong trường mầm non*”; “*Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục trong trường mầm non*” được đổi thành “*Môi trường giáo dục trong trường mầm non*”.

(ii) Bổ sung các học phần mới: *Phương pháp giáo dục Montessori*; *Phương pháp giáo dục Steiner/Waldorf*; *Phương pháp tiếp cận Reggio Emilia*; *Giáo dục STEM trong trường mầm non*.

(iii) Bổ sung 03 chuyên đề mới: *Giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ trong trường mầm non*; *Giáo dục trẻ có rối loạn ngôn ngữ trong trường mầm non*; *Công tác xã hội trong trường mầm non*.

Phiên bản 2021 được bổ sung ma trận thể hiện sự đóng góp và mức độ đóng góp của từng học phần vào CĐR của CTĐT, mỗi học phần đều đáp ứng ít nhất 3 tiêu chí trong tổng số 11 tiêu chí của CĐR 2021, điều này thể hiện rõ trong CTĐT và bản mô tả CTĐT [H3.03.01.02], [H3.03.01.04]. Đề cương chi tiết của tất cả các học phần đều có CĐR, có ma trận thể hiện mối quan hệ giữa CĐR của học phần với CĐR của CTĐT. Các tổ hợp phương pháp dạy và học được lựa chọn nhằm hướng tới CĐR của CTĐT. Hệ thống các phương pháp

giảng dạy chủ yếu được thiết kế như: thuyết trình, phát vấn, seminar, dạy học theo dự án, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, thực hành, thực tập,... [H3.03.01.04]. Đối với đánh giá kết quả học tập, ngoài việc đánh giá chuyên cần với các tiêu chí cụ thể, các học phần tự lựa chọn các hình thức đánh giá phù hợp với nội dung như: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành tổ chức giờ học giả định, dự án theo nhóm, viết báo cáo,... để tương thích với CĐR [H3.03.01.04]. Sự phối hợp nhiều phương pháp dạy- học và hình thức kiểm tra, đánh giá góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của CTĐT.

## 2. Điểm mạnh

CT dạy học được thiết kế dựa trên CĐR trong đó mỗi học phần đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR. Việc thiết kế chương trình dạy học được xây dựng một cách khoa học dựa trên các khảo sát thực tế, ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng, giảng viên, người học và các bên liên quan khác.

## 3. Điểm tồn tại

Hệ thống biểu mẫu phục vụ cho việc phát triển CTĐT theo chuẩn đầu ra chưa được hoàn thiện.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy trình thiết kế chương trình đào tạo hướng tới CĐR	Phòng QLĐT Khoa GDMN	2021 - 2023
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng hệ thống biểu mẫu cho việc phát triển CTĐT theo CĐR, chuẩn bị cho lần chỉnh sửa tiếp theo	Phòng QLĐT Khoa GDMN	2021 - 2023

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 3.2. Mỗi môn học hoặc học phần của chương trình dạy học đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Mỗi học phần có đóng góp rõ ràng cho việc đạt được CĐR. 100% các học phần trong chương trình dạy học có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Đề cương chi tiết của mỗi học phần trong CTĐT đều xác định cụ thể số tín chỉ, số tiết lý thuyết,

thảo luận, thực hành, học phần tiên quyết. Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà người học tiếp nhận, nó phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chung nhằm mục đích trang bị những kiến thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật, đạo đức và ý thức cho người học. Các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành. Các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cung cấp những kiến thức về sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non, tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, giáo dục học mầm non, vệ sinh - dinh dưỡng, phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non, quan sát, đánh giá, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN. Đặc biệt là các chuyên đề cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về một trong những lĩnh vực: Phát triển nhận thức, ngôn ngữ; Phát triển thể chất và tình cảm kỹ năng xã hội; Tổ chức các hoạt động tạo hình; Tổ chức các hoạt động âm nhạc; Tổ chức các hoạt động làm quen với tiếng Anh; Giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỷ trong trường mầm non; Giáo dục trẻ có rối loạn ngôn ngữ trong trường mầm non; Công tác xã hội trong trường mầm non. Phần thực tập được chú trọng với 17 tuần tại cơ sở và chia thành 3 đợt giúp người học tìm hiểu về mô hình, cơ cấu tổ chức, vai trò, nhiệm vụ của các thành viên trong trường mầm non; rèn tay nghề thông qua thực tiễn hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong trường mầm non và vận dụng kiến thức đã học để tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo độ tuổi được phân công thực tập; xây dựng được môi trường học tập cho trẻ và thực hiện quản lý nhóm trẻ. Khóa luận tốt nghiệp giúp người học có kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá và nghiên cứu khoa học Sự gắn kết của từng học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong từng đề cương chi tiết các học phần và trong bản mô tả CTĐT[H3.03.01.02], [H3.03.01.04], [H3.03.01.05].

100% đề cương chi tiết học phần đều xác định rõ ràng mục tiêu, CĐR của học phần và thể hiện mức độ đóng góp của học phần để đạt được CĐR của CTĐT ngành GDMN thông qua ma trận CĐR của học phần với CĐR của CTĐT [H3.03.01.05].

100% các học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học. Hệ thống các phương pháp dạy - học được thiết kế đảm bảo tương thích với CĐR của CTĐT [H3.03.01.04], [H3.03.01.05]. Đề cương chi tiết các học phần đều xác định rõ hình thức tổ chức dạy học giúp người học hiểu rõ giảng viên sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

nào, ở nội dung gì, những yêu cầu cụ thể đối với người học, những nội dung tự học cụ thể... nhằm giúp người học chủ động trong học tập để đạt được CDR của học phần về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.05].

100% các học phần trong chương trình dạy học xác định rõ tổ hợp các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR, có ma trận thể hiện sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra/đánh giá với CDR của học phần. Các hình thức đánh giá được giảng viên sử dụng linh hoạt nhằm phát huy năng lực của người học (bài tập cá nhân, bài tập nhóm, seminar, tiểu luận, thực hành...). Hình thức thi kết thúc học phần cũng phong phú, đa dạng: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, tiểu luận... Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân theo quy chế đào tạo và được công bố công khai trong đề cương chi tiết các học phần [H3.03.01.05]. Hệ thống các phương pháp kiểm tra/đánh giá được thiết kế đảm bảo tương thích với CDR của CTĐT [H3.03.01.04].

Đề cương chi tiết các học phần cũng thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá, trọng số điểm và sự đóng góp cụ thể đối với CDR của học phần. Theo quy định, điểm học phần bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (thường xuyên, định kỳ) có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6; điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2; ngoài ra để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần, người học cần tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập, các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần (tương ứng với điểm chuyên cần từ 5,0 trở lên) [H3.03.01.05].

Để xác định mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR của CTĐT, Trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan: khảo sát các cơ sở tuyển dụng về yêu cầu của ngành học [H3.03.01.06], khảo sát khảo sát giảng viên về CTĐT [H3.03.01.07], khảo sát cơ sở thực tập về CTĐT [H3.03.01.08] và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên [H3.03.01.09], tổ chức hội nghị lấy ý kiến góp ý CTĐT [H3.03.02.01]. Trên cơ sở đó có những điều chỉnh phù hợp đảm bảo tính liên quan mật thiết với việc đạt được CDR [H3.03.01.03]. Sau khi hoàn thiện dự thảo, Trường tổ chức lấy ý kiến của hội đồng nghiệm thu chương trình [H3.03.02.02], thông qua cuộc họp hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường [H3.03.02.03]. Sau khi kết thúc học kỳ,

Trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, kết quả khảo sát cho thấy, trên 90 % người học đánh giá hài lòng và rất hài lòng về việc các học phần sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với nội dung kiến thức, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá. [H3.03.02.04].

Trường đã có những đối sánh khi thiết kế CTĐT, tham khảo CTĐT của các trường cao đẳng, đại học có đào tạo ngành GDMN: Chương trình dạy học giáo viên giáo dục và chăm sóc trẻ của học viện Seed Singapore, Chương trình dạy học giáo viên mầm non trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang, Chương trình GDMN trình độ đại học của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội [H3.03.02.05], [H3.03.02.06]. *Ngoài ra*, nội dung CTĐT được định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan: ý kiến khảo sát khảo sát giảng viên về CTĐT [H3.03.01.07], ý kiến khảo sát cơ sở thực tập đồng thời cũng là nhà tuyển dụng về CTĐT [H3.03.01.08] và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên [H3.03.01.09],

## 2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học đã thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá mỗi học phần được thiết kế phù hợp với CĐR.

## 3. Điểm tồn tại

Chuẩn đầu ra của một số học phần hướng tới CĐR của CTĐT đôi chỗ còn chưa rõ ràng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện các phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá hướng tới CĐR và điều chỉnh (nếu cần) để đáp ứng tốt hơn	Phòng QLĐT Khoa GDMN Các giảng viên	2021 - 2023
2	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát lại CĐR của một số học phần hướng đến CĐR của CTĐT	Phòng QLĐT Khoa GDMN	2021 - 2023

## 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.



*Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

CTĐT ngành GDMN theo hệ thống tín chỉ được xây dựng lần đầu vào năm 2015, phiên bản này chủ yếu là chuyển đổi cơ học từ chương trình theo học chế nên chế sang học chế tín chỉ. Đến năm 2019, Trường đã tổ chức rà soát, chỉnh sửa theo hướng lựa chọn tinh gọn lại, giảm từ 110 tín chỉ còn 95 tín chỉ đồng thời cập nhật các kiến thức mới. Tuy nhiên phiên bản 2019 CDR chưa bám sát khung trình độ quốc gia Việt Nam, chưa có ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt được CDR. Năm 2021, trên cơ sở nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, Trường đã tổ chức chỉnh sửa CDR theo khung trình độ Quốc gia Việt Nam và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, chỉnh sửa chương trình một cách bài bản, bổ sung ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR, lựa chọn các phương pháp dạy - học phù hợp để bảo đảm đạt được CDR, lựa chọn phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ tốt nhất để bảo đảm đạt được CDR [H3.03.01.02] [H3.03.03.01].

CTĐT phiên bản 2021 được cấu trúc hợp lý gồm các nội dung sau: Tên chương trình, Mã chương trình, Trình độ đào tạo, Ngành đào tạo, Mã ngành, Loại hình đào tạo, Mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể), CDR (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp), Khối lượng kiến thức toàn khóa, Đối tượng tuyển sinh, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, Nội dung chương trình, Nội dung cơ bản cần đạt của từng học phần, Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc gia, quốc tế có thể tham khảo, Hướng dẫn thực hiện chương trình [H3.03.01.02].

Các học phần trong chương trình được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chung, khối kiến thức kỹ năng cơ bản và khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. 100% các học phần trong chương trình được bố trí hợp lý: Cấu trúc của CTĐT thể hiện rõ ràng các học phần cơ bản, các học phần trung gian, các học phần chuyên môn ngành và khóa luận tốt nghiệp. Trong khi các học phần cơ bản là học phần tiên quyết cho các học phần cơ sở khối ngành thì bản thân các học phần cơ sở khối ngành/cơ sở ngành lại là các học phần tiên quyết cho các học phần chuyên môn ngành [H3.03.01.02].

Chương trình đào tạo đã chỉ rõ vai trò của từng khối kiến thức, thể hiện trong bảng sau:

	Các khối kiến thức	Số tín chỉ		Tỉ lệ
		BB	TC	
1	Khối kiến thức - kỹ năng chung	19		20%
2	Khối kiến thức - kỹ năng cơ bản	16		16,8%
3	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	38	8	48,4%
4	Thực tập nghề nghiệp và thực tập tốt nghiệp	9		9,5%
5	Tốt nghiệp (Khóa luận hoặc hai học phần thay thế)	5		5,2%
	Tổng	95		

Sự thiết kế nêu trên của đảm bảo logic các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với người học [H3.03.01.02].

Số tín chỉ phân bố từng kỳ như sau: Học kỳ 1 (16 tín chỉ), Học kỳ 2 (20 tín chỉ), Học kỳ 3 (19 tín chỉ), Học kỳ 4 (14 tín chỉ) trong đó phần chuyên đề tự chọn là 6 tín chỉ và thực tập 3 tín chỉ, Học kỳ 5 (13 tín chỉ) trong đó phần tự chọn là 2 tín chỉ và thực tập 2 tín chỉ, Học kỳ 6 (13 tín chỉ) trong đó thực tập 4 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 học phần thay thế là 5 tín chỉ. Các kiến thức cơ bản của ngành Giáo dục mầm non chủ yếu xếp ở năm thứ 2 khi mà người học đã học đa số các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chung và các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản. Các chuyên đề tự chọn được xếp vào học kỳ 4 sau khi người học đã có những kiến thức cơ bản về Giáo dục mầm non. Thực tập được triển khai bắt đầu từ học kỳ 4 sau khi người học đã học xong các học phần về phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và chia thành 3 đợt ở 3 học kỳ 4, 5, 6 để người học có đủ thời gian trải nghiệm và vận dụng lý thuyết vào thực tế [H3.03.01.02].

Như vậy, qua các lần điều chỉnh, chương trình dạy học ngành GDMN có tỷ lệ hợp lý, cân đối giữa các khối kiến thức, kỹ năng chung; khối kiến thức, kỹ năng cơ bản; khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành; thực tập; khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành được ưu tiên, đảm bảo hướng tới đạt được CĐR. Phân bố các học phần bắt buộc/tự chọn và các học phần thuộc các khối kiến thức trong chương trình dạy học hợp lý. Thông tin về học phần học trước, học phần tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần đảm bảo cho việc sắp xếp thứ tự thực hiện các học phần theo trật tự logic với thời lượng

phù hợp. Tuy nhiên, các học phần tự chọn trong khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành còn chưa nhiều [H3.03.01.02].

So với chương trình dạy học GDMN năm 2019, chương trình dạy học hiện nay được điều chỉnh bổ sung, cập nhật nhiều nội dung mới như: CDR của học phần xác định rõ ràng và cụ thể các yêu cầu cần đạt đối với người học về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm sau khi hoàn thành học phần; điều chỉnh tỉ lệ lý thuyết, thực hành theo hướng tăng tỉ lệ thực hành; tăng số học phần tự chọn; tăng số chuyên đề tự chọn; bổ sung ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào CDR của CTĐT; bổ sung các phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm hướng tới CDR của chương trình. Những điểm mới này được thể hiện rõ trong bản so sánh CTĐT ngành GDMN 2019 với CTĐT ngành GDMN 2021 [H3.03.01.10].

Quá trình rà soát, cập nhật, chương trình dạy học được định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan để chỉnh sửa [H3.03.01.07], [H3.03.01.08], [H3.03.01.09]; tham khảo các CTĐT của các trường cao đẳng và đại học có đào tạo ngành GDMN [H3.03.02.05], [H3.03.02.06]; trên cơ sở đó, Khoa tổ chức họp rà soát [H3.03.01.03] sau đó thông qua Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường [H3.03.02.03], trình Hiệu trưởng ký ban hành theo quy định [H3.03.03.02]. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, chương trình dạy học ngành GDMN đã được chỉnh sửa theo hướng yêu cầu cao hơn về năng lực của người tốt nghiệp, chú trọng đến kiến thức chuyên môn về mầm non, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp cho người học [H3.03.01.01], [H3.03.01.02].

## 2. Điểm mạnh

Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc hợp lý, đảm bảo sự logic, khoa học và tính tích hợp. Chương trình dạy học được định kỳ rà soát/điều chỉnh, bổ sung, cập nhật.

## 3. Điểm tồn tại

Tính tích hợp của một số nội dung dạy học chưa được thể hiện một cách rõ nét.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Trong quá trình thực hiện, tiếp tục xem xét cấu trúc, trình tự logic, nội dung,	Phòng QLĐT Khoa GDMN Các giảng viên	2021 - 2023

		tính tích hợp để có đề xuất điều chỉnh		
2	Khắc phục điểm tồn tại	Nâng cao tính tích hợp của một số học phần trong CTĐT	Phòng QLĐT Khoa GDMN	2021 - 2023

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:** Chương trình dạy học của Nhà trường được được thiết kế dựa trên CĐR, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu nguồn nhân lực ở địa phương. Tất cả các học phần đều có đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của chương trình dạy học. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Chương trình dạy học được xây dựng/chỉnh sửa với sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lý và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung.

Bên cạnh những mặt mạnh của CTDH, việc mô tả CĐR, một số học phần hướng tới CĐR của CTĐT đôi chỗ còn chưa thể hiện rõ. Tính tích hợp một số nội dung dạy học chưa được thể hiện rõ ràng. Việc tổ chức lấy ý kiến về nội dung các học phần trong chương trình dạy học chưa được lớn về số lượng mẫu.

Trong thời gian tới, Trường sẽ rà soát, chỉnh sửa CĐR của một số học phần, thể hiện rõ nét hơn tính tích hợp trong một số nội dung, Hoàn thiện hệ thống biểu mẫu cho việc phát triển CTĐT theo CĐR, chuẩn bị cho lần chỉnh sửa tiếp theo.

*Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 3 cả 3 tiêu chí đạt mức 5/7.*

#### **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

**Mở đầu:** Phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò quan trọng trong đào tạo đại học, có ảnh hưởng lớn tới chất lượng công tác đào tạo. Phương pháp tiếp này nhằm tăng cường tính chủ động, phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng làm việc theo nhóm của người học. Chủ trương của Nhà trường là đa dạng hóa các phương pháp dạy học nhằm giáo dục toàn diện và giúp người học có khả năng thích ứng với giáo dục trong thời đại toàn cầu hóa.

Các hoạt động dạy và học của CTĐT giáo viên mầm non trình độ cao đẳng được thiết kế phù hợp với mục tiêu đào tạo, CĐR, nội dung và phương pháp kiểm tra đánh giá. Với định hướng lấy người học làm trung tâm và sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, giảng viên đã giúp người học thu nhận và vận dụng kiến thức, kỹ năng một cách khoa học vào công việc của người giáo

viên mầm non. Hoạt động dạy và học của giảng viên và sinh viên vừa kết hợp giữa lí thuyết trên lớp vừa thực hành sư phạm tại các trường mầm non.

*Tiêu chí 4.1: Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng trong Quyết định về việc Ban hành Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường: “Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế.” [H4.04.01.01].

Mục tiêu giáo dục là đích hướng tới của tất cả các hoạt động trong quá trình đào tạo của nhà trường, đặc biệt là xây dựng CTĐT. Mục tiêu giáo dục của của Trường được chuyển tải vào CTĐT, cụ thể:

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được cụ thể hóa vào trong mục tiêu của chương trình đào tạo: “Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng được xây dựng nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục mầm non thời kỳ hội nhập toàn cầu. Sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và sức khỏe để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; có khả năng tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của giáo dục mầm non; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tiếng Anh trong công việc; có khả năng học tập ở cấp học cao hơn” [H4.04.01.02].

Để đáp ứng được mục tiêu nói trên, CTĐT ngành GDMN được thiết kế theo hướng phát triển năng lực của người học. Nội dung của chương trình gồm 04 khối kiến thức kỹ năng, mang tính tích hợp nhiều lĩnh vực: tự nhiên, xã hội, khoa học, các kỹ năng thực hành nghề giáo viên mầm non, được cập nhật các thành tựu của GDMN, phù hợp với thực tiễn xã hội [H4.04.01.02]. Khối kiến thức kỹ năng chung (29 tín chỉ) giúp sinh viên có những kiến thức về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc của giáo viên mầm non và thực tiễn cuộc sống. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (16 tín chỉ) trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng cần thiết cho việc hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất nghề nghiệp của giáo viên mầm non. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành (46 tín chỉ) và tốt nghiệp (5 tín chỉ) với mục tiêu hình thành những kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục trẻ ở các cơ sở GDMN và thích ứng với những môi trường làm việc năng động, hiện đại trong thực tiễn. Thực tập (9 tín chỉ) là thời gian sinh viên được thực hành các kiến thức kỹ năng đã được học thành các kỹ năng nghề giáo viên mầm non. Với các nội dung được thiết kế đầy đủ, khoa học, đa dạng về các lĩnh vực khác nhau của ngành GDMN, CTĐT là yếu tố cốt lõi giúp trường thực hiện được mục tiêu giáo dục [H4.04.01.03].

CTĐT cũng được nhà trường chú trọng điều chỉnh với xu hướng cập nhật các quan điểm và phương pháp giáo dục tiên tiến, tăng thời lượng thực hành thực tập, thời gian thực tập sớm. Ngoài thời gian thực hành trong từng học phần, sinh viên được tham gia 3 đợt thực tập tập trung tại trường mầm non, đợt đầu tiên được thực hiện ngay từ học kỳ 3. Các cơ sở thực hành được mở rộng, trong đó chú trọng tới các trường mầm non sử dụng các phương pháp GDMN tiên tiến như phương pháp Montessori, Reggio Emilia, giáo dục STEM,... [H4.04.01.03].

Mục tiêu giáo dục được tất cả giảng viên của trường cùng phối hợp thực hiện, thể hiện qua việc xây dựng nội dung và lựa chọn phương pháp dạy học. Phương pháp dạy học phong phú, thường xuyên được đổi mới, có tính hiện đại, chuyên sâu nhưng đồng thời vẫn phù hợp với chương trình GDMN như phương pháp thực hành, vấn đáp, dự án, thuyết trình, giảng giải.... Phương pháp học của sinh viên cũng đa dạng và phù hợp với chương trình học như tự nghiên cứu, nghe giảng, làm bài tập nhóm, bài thu hoạch cá nhân, thảo luận nhóm, thực hành, thực tập... Phương pháp dạy và học của giảng viên và sinh viên là yếu tố quan trọng để thực hiện được mục tiêu giáo dục của nhà trường [H4.04.01.03].

Mục tiêu giáo dục được đăng tải trên website, thông tin tại áp phích được đặt tại ngay cổng trường, là những nơi mà cán bộ giảng viên nhân viên dễ tiếp cận [H4.04.01.01].

Ngoài ra, mục tiêu giáo dục cũng được quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên tại các hội nghị hàng năm. Trong hội nghị viên chức, Hiệu trưởng nhà trường luôn quán triệt, tuyên truyền về nội dung cơ bản của mục tiêu, từ đó định hướng các hoạt động của Nhà trường. Đối với sinh viên, ngay từ khi sinh viên năm thứ nhất nhập trường, mục tiêu giáo dục ngành GDMN được phổ biến tới sinh viên trong đợt học tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Sinh viên thể hiện sự hiểu biết về mục tiêu giáo dục trong các bài thu hoạch sau khi kết thúc đợt học. Ngoài ra, Đoàn thanh niên cấp trường - liên chi đoàn - chi đoàn và Hội sinh viên cũng tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp sinh viên hiểu rõ hơn về hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên, trong đó có phổ biến, tìm hiểu về mục tiêu giáo dục [H4.04.01.04].

Đối với các bên liên quan như các nhà tuyển dụng, các trường mầm non phối hợp thực hành thực tập..., mục tiêu giáo dục được phổ biến thông qua trang web, kế hoạch thực tập các năm [H4.04.01.05].

## 2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của trường về ngành GDMN đã được tuyên bố rõ ràng, được cụ thể hóa vào CTĐT, từ nội dung tới phương pháp dạy và học của giảng viên và sinh viên. Nội dung của chương trình khoa học, vừa tích hợp được các kiến thức chung về tự nhiên văn hóa xã hội, vừa nghiên cứu chuyên sâu về ngành GDMN. Phương pháp giáo dục đa dạng, phù hợp với phương pháp học của sinh viên. Mục tiêu giáo dục được phổ biến tới cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, sinh viên cũng như các bên liên quan để cùng phối hợp thực hiện các hoạt động đào tạo, hướng tới đạt mục tiêu mà trường đã công bố.

## 3. Điểm tồn tại

Mục tiêu giáo dục chưa có bản tuyên bố bằng tiếng Anh. Hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan ngoài trường chưa đa dạng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	CTĐT phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề SV theo chuẩn chức danh, cập nhật các nghiên cứu mới về GDMN, tăng cường tính hiện đại của chương trình.	Khoa GDMN phối hợp với các khoa, Phòng QĐT	Định kỳ chỉnh sửa CTĐT
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bản mục tiêu giáo dục bằng tiếng Anh. Nghiên cứu phổ biến mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan thông qua các ấn phẩm truyền thông của Trường	Khoa GDMN Phòng QLĐT	Năm 2021-2022

5. *Tự đánh giá*: Đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra*

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường CĐSPTƯ và khoa GDMN có chiến lược đào tạo, trong đó có các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CDR.

Đối với hoạt động dạy: Các phương pháp dạy học đa dạng, bao gồm cả phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thực hành - luyện tập) và các phương pháp dạy học tích cực, hiện đại (thảo luận nhóm, xemina, dạy học phát hiện và giải thuyết vấn đề, tổ chức hoạt động trải nghiệm, thực tập, dạy học dự án...) [H4.04.02.01]. Giảng viên thường xuyên cập nhật và coi trọng sử dụng các phương pháp dạy học tích cực để ngày càng phù hợp hơn với CDR. Các hoạt động học lý thuyết được thực hiện song song với thực hành thực tập, tỷ lệ lý thuyết thực hành - thảo luận trong mỗi học phần được thiết kế theo tỉ lệ 60:40 [H4.04.02.01], [H4.04.02.02]. Khi học các học phần phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, sinh viên được tìm hiểu về lý thuyết nội dung phương pháp tổ chức hoạt động trên lớp. Sau đó, trong phần thực hành, sinh viên vừa được thực hành trên lớp, vừa được thực hành tại trường mầm non trong các đợt thực tập. Với phương pháp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, hoạt động dạy học của các học phần đã được thiết kế rất phù hợp để đạt được CDR [H4.04.02.03].

Công nghệ thông tin (CNTT) được giảng viên sử dụng hữu ích trong hoạt động dạy học. Trong chương trình có môn học Ứng dụng CNTT trong trường mầm non hướng dẫn SV ứng dụng các phần mềm để xây dựng kế hoạch bài học và tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Công nghệ cũng giúp sinh viên và giảng viên tìm kiếm thông tin trên internet và sử dụng trong hoạt động dạy học hàng ngày. Nhà trường hiện nay đang triển khai sử dụng hệ thống Quản lý học tập (LMS) hỗ trợ quá trình tổ chức dạy học của giảng viên và sinh viên. Thông qua LMS, giảng viên hướng dẫn sinh viên học, cung cấp học liệu điện tử, thực hiện việc kiểm tra đánh giá sinh viên [H4.04.02.04].

Ngoài thiết kế các hoạt động dạy học và ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng chuyên môn cũng được trường và khoa GDMN tổ chức thường xuyên. Các đề tài nghiên cứu, hội thảo chuyên môn, thi giờ dạy giỏi về phương pháp tổ chức các hoạt động dạy học, các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ được tổ chức hàng năm [H4.04.02.05]. Các khóa học hoặc bồi dưỡng chuyên môn như phương pháp Montessori, Tiếp cận Reggio



Emilia, Bồi dưỡng Ứng dụng MS Office 365 trong triển khai dạy học trực tuyến, Xây dựng bài giảng Elearning... được phối hợp tổ chức trong năm học [H4.04.02.05]. Giảng viên không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, thiết kế đa dạng các hoạt động dạy học, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học. Kết quả của nghiên cứu khoa học và các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn được ứng dụng vào thực tiễn dạy học đã làm tăng hiệu quả của các hoạt động dạy phù hợp đạt CĐR của chương trình.

Đối với hoạt động học tập: Giảng viên hướng dẫn người học chủ động xây dựng kế hoạch học tập và lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với năng lực của bản thân, đáp ứng CĐR. Khi bắt đầu học các học phần, sinh viên được giới thiệu về đề cương chi tiết học phần, mục tiêu và CĐR của học phần, các phương pháp học tập, tài liệu nghiên cứu, phương pháp kiểm tra đánh giá, quy chế đào tạo liên quan đến cách tính điểm, điều kiện dự thi... [H4.04.02.03] [H4.04.02.06]. Trong quá trình học, sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập do giảng viên tổ chức. Phương pháp học chủ yếu của sinh viên là tự nghiên cứu, đọc tài liệu, làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hành, thực tập, học tập theo dự án... [H4.04.01.01], [H4.04.02.06]. Hằng năm, trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về nội dung và phương pháp dạy học của giảng viên cuối các kì học, sau khi kết thúc học phần. Các sinh viên đều đánh giá cao sự phù hợp của nội dung học tập và phương pháp dạy học mà giảng viên sử dụng trong quá trình dạy học. Nhờ các phương pháp dạy học phù hợp mà sinh viên đạt CĐR của học phần, từ đó đạt CĐR của CTĐT [H4.04.02.06].

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được tổ chức cho tất cả các sinh SV ngành GDMN, từ năm thứ nhất đến năm thứ 3. Thực tập rất được coi trọng trong CTĐT, góp phần lớn tạo nên chất lượng của kết quả đào tạo giáo viên mầm non của trường. Trong CTĐT, thời lượng thực tập của sinh viên chiếm tỉ 9/95 tổng số tín chỉ của cả chương trình, tương đương với 17 tuần thực tập ở trường mầm non (TTSP1: 5 tuần; TTSP2: 4 tuần; TTTN: 8 tuần [H4.04.02.07]. Đây là thời điểm sinh viên được thực hành tất cả các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ sau khi đã được học lí thuyết ở trên lớp. Quá trình thực tập của SV đều đạt hiệu quả cao, kết quả thực tập đều xếp loại khá giỏi [H4.04.02.08]. Ngoài thời gian thực tập tại trường mầm non, trường và khoa GDMN còn tổ chức hoạt động Nghiệp vụ sư phạm vào tháng 11 hàng năm. Nội dung của hoạt động Nghiệp vụ sư phạm được thiết kế liên quan chủ yếu đến nội dung phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, giúp hoạt động học của sinh viên đạt CĐR của chương trình [H4.04.02.09].

Các hoạt động nghiên cứu khoa học của SV được tổ chức và thúc đẩy thường xuyên dưới hình thức các khóa luận tốt nghiệp. Các đề tài nghiên cứu tập trung về các nội dung chuyên ngành GDMN [H4.04.02.10]. Tuy số lượng SV nghiên cứu không nhiều nhưng đã góp phần giúp sinh viên đạt CDR của CTĐT.

Ngoài ra, các hoạt động học tập tại nước ngoài của giảng viên và trao đổi sinh viên ngành GDMN với nước ngoài (Đan mạch, Bỉ...) được triển khai trong một số năm học. Các giảng viên học tập về phương pháp dạy học tiên tiến như Tiếp cận Regio Emilia tại Italia, SV ngành GDMN của Đan mạch được thực tập nghề nghiệp tại trường mầm non thực hành Hoa thủy tiên và một số sinh viên ưu tú của khoa GDMN được làm thực tập sinh tại Đan mạch [H4.04.02.11]. Việc thay đổi hình thức học tập này đã giúp nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, hướng tới mục tiêu giáo dục đã đề ra.

### 2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt; CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành; các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

### 3. Điểm tồn tại

Các hoạt động dạy và học ở một số học phần chưa được thiết kế nhiều cho thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế của sinh viên chưa cao; Cách bố trí bàn ghế trong một số phòng học chưa thật sự phù hợp với lớp học các học phần chuyên ngành, thực hành nghề nghiệp, chưa thuận lợi trong làm việc nhóm của SV.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chú trọng sử dụng phương pháp dạy học tích cực trên lớp, rèn luyện kỹ năng nghề trong các đợt thực tập tại các trường mầm non: đổi mới phương pháp, chia nhỏ sĩ số lớp với những nội dung cần thiết, tăng cường ứng	Khoa GDMN Các khoa Phòng QLĐT Các trường MNTN	Hàng năm (bắt đầu từ năm học 2021 - 2022)

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
		dụng CNTT, tăng cường nghiên cứu khoa học về PP dạy học và ứng dụng vào quá trình tổ chức đào tạo. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên mầm non và giảng viên hướng dẫn thực hành thực tập cho SV		
2	Khắc phục điểm tồn tại	- Điều chỉnh chương trình dạy học theo hướng tăng cường các hoạt động thực hành trong các học phần. - Sắp xếp bố trí lại bàn ghế cho phù hợp với nội dung hoạt động của sinh viên.	Khoa GDMN Các khoa Phòng QLĐT Gảng viên toàn trường	Hằng năm, các đợt chỉnh sửa CTĐT

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 4.3: Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho người học, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trong CTĐT sinh viên được học về các kiến thức chung, kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành chuyên ngành, trong đó có các học phần như ngoại ngữ, công nghệ thông tin... là những công cụ để cho sinh viên có được năng lực học tập mọi lúc, mọi nơi, học tập suốt đời. Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho sinh viên [H4.04.03.01]. Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành GDMN thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm

giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho sinh viên, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Tất cả các học phần đều xác định rõ nội dung giảng dạy, các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT [H4.04.03.01].

Hoạt động học tập đa dạng có thể giúp SV lựa chọn phương thức phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập. GV thực hiện các hoạt động dạy học phù hợp nhằm hỗ trợ SV rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.02]. Ngoài GV cơ hữu của Khoa, còn có các chuyên gia trong nước và nước ngoài, có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học. SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với GV, làm khóa luận tốt nghiệp. Hằng năm, những sinh viên đạt tiêu chuẩn làm khóa luận tốt nghiệp (điểm trung bình của năm thứ nhất và năm thứ 2 từ 3.0 trở lên) sẽ đăng kí với khoa GDMN, khoa phối hợp phòng QLĐT duyệt danh sách, xét duyệt đề tài, phân công giảng viên hướng dẫn. Các đề tài sinh viên thực hiện đều nghiên cứu sâu về các kiến thức kỹ năng nghề nghiệp của ngành giáo dục mầm non [H4.04.03.02]. Việc SV tham gia NCKH, seminar, sinh hoạt nhóm, làm khóa luận tốt nghiệp đã tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết của người học, đặc biệt là nâng cao phát triển năng lực tự học tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời. Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do Đoàn thanh niên, hội sinh viên của Nhà trường tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học [H4.04.03.03].

Hằng năm, Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu trong thư viện của trường qua đó hình thành văn hóa đọc trong SV [H4.04.03.04].

Bên cạnh các đợt thực tập nghề nghiệp 1, thực tập nghề nghiệp 2 và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non trong CTĐT [H4.04.03.05], Nhà trường còn tổ chức hội thi “Nghề vụ nghề nghiệp” hàng năm. Nội dung của các hội thi là kiến thức kỹ năng về ngành GDMN, qua đó hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của giáo viên mầm non cho sinh viên [H4.04.03.06].

## 2. Điểm mạnh

Hoạt động dạy - học được thiết kế đa dạng hướng đến rèn luyện khả năng học tập suốt đời cho người học, hình thành và phát triển những phẩm chất năng lực của nhà giáo theo khung năng lực quốc gia đặc biệt nhấn mạnh những yếu tố gắn liền với nghề giáo viên mầm non.

## 3. Điểm tồn tại

Điều kiện cơ sở vật chất như bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển, đường truyền internet không ổn định, kho học liệu điện tử mới bắt đầu xây dựng nên cũng có khó khăn nhất định trong việc tổ chức một số hoạt động dạy - học tích cực (thực hành giao tiếp, hoạt động nhóm nhỏ...) và việc tự học, tự nghiên cứu của SV trong thời đại 4.0.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các hoạt động dự giờ giảng viên trong nhóm chuyên môn, tiếp tục đổi mới phương pháp và nội dung dạy học.	Khoa GDMN Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Năm học 2021 - 2022
2	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, bổ sung điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV, bố trí phòng đặc thù vừa học lý thuyết vừa thực hành.	Các Khoa Phòng QLĐT Phòng QTTB Giảng viên toàn trường	Hằng năm

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức

**Kết luận về Tiêu chuẩn 4:** Tại trường CDSPTU, mục tiêu giáo dục được tuyên bố và ban hành theo quyết định: “Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu vị trí việc làm theo chuẩn chức danh nghề nghiệp; có khả năng thích ứng với xu thế của thị trường lao động, nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế”.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với mục tiêu giáo dục, CĐR, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, khả năng của người học cũng

như cơ sở vật chất của trường. Các hoạt động dạy học đã thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết giáo viên mầm non cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Giảng viên luôn tự bồi dưỡng và được bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp và kỹ thuật dạy học, trong đó có các phương pháp giáo dục mới để ứng dụng khoa học, linh hoạt và sáng tạo trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học. Trường luôn cố gắng hỗ trợ tối đa các điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy - học phù hợp với khả năng của trường.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như: Mục tiêu giáo dục chưa có bản tuyên bố bằng tiếng Anh. Các hoạt động dạy và học ở một số học phần chưa được thiết kế nhiều cho thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế của sinh viên chưa cao. Điều kiện CSVC và cách bố trí bàn ghế trong một số phòng học chưa thật sự phù hợp với lớp học các học phần chuyên ngành, thực hành nghề nghiệp, chưa thuận lợi trong làm việc nhóm của SV.

Trong thời gian tới, Trường sẽ xây dựng bản mục tiêu giáo dục bằng tiếng Anh; Đa dạng hình thức phổ biến mục tiêu GD tới các bên liên quan; Điều chỉnh chương trình dạy học theo hướng tăng cường các hoạt động thực hành trong các học phần, Sắp xếp bố trí lại bàn ghế cho phù hợp với nội dung hoạt động của sinh viên; Rà soát, bổ sung điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV, bố trí phòng đặc thù vừa học lý thuyết vừa thực hành.

*Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 4 cả 3 tiêu chí đạt mức 5/7*

### **Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và hỗ trợ người học**

**Mở đầu:** Việc thực hiện các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh và các chính sách hỗ trợ người học luôn được Nhà trường quan tâm. Người học được Nhà trường bảo đảm điều kiện thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình học tập, rèn luyện và phát huy năng lực, sở trường của bản thân. Chất lượng đầu ra phụ thuộc vào chất lượng đầu vào và quá trình học tập của người học cho nên ngay từ khâu tuyển sinh Nhà trường đã xác định rõ tiêu chí, phương thức tuyển chọn sinh viên đầu vào. Trong quá trình đào tạo, nhà trường luôn hỗ trợ kịp thời, thường xuyên, luôn tạo môi trường học tập lành mạnh, tích cực cho người học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

*Tiêu chí 5.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Với mục tiêu đào tạo giáo viên mầm non: “*nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới của GDMN thời kỳ hội nhập toàn cầu. Sinh viên tốt nghiệp có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp*

và sức khỏe để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; có khả năng tự bồi dưỡng, có tư duy độc lập, sáng tạo, chủ động, thích ứng với sự phát triển của GDMN; sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tiếng Anh trong công việc; có khả năng học tập ở cấp học cao hơn” chính sách tuyển sinh của Trường luôn được xác định rõ ràng, minh bạch từ hình thức, chỉ tiêu, tổ hợp xét tuyển, quy trình xét tuyển, đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên,...trong đề án tuyển sinh [H5.05.01.01], trong thông báo tuyển sinh [H5.05.01.02]

Chính sách tuyển sinh, quy định tuyển sinh của Trường đối với ngành GDMN được công bố công khai trên website của trường trước các kỳ tuyển sinh hàng năm [H5.05.01.03] và giới thiệu trong các buổi tư vấn tuyển sinh của trường [H5.05.01.04]. Chính sách tuyển sinh của trường được cập nhật và thay đổi hàng năm theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các thí sinh. Năm 2021 tuyển sinh ngành GDMN thay vì xét tuyển tổ hợp M00 (Văn, Toán, Năng khiếu) như trước đây, Trường đã đổi sang xét tuyển tổ hợp M01 (Văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2) và M09 (Toán, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2), tỉ lệ xét học bạ tăng từ 40% lên 50%, bổ sung điều kiện xét tuyển về điểm thi năng khiếu  $\geq 5,0$  [H5.05.01.01].

Hàng năm Nhà trường tổ chức ngày hội việc làm, tại đó các đơn vị tuyển dụng, trao đổi thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và những mong muốn về sản phẩm sinh viên ra trường cần có những kiến thức và kỹ năng gì từ đó giúp định hướng cho công tác tuyển sinh của trường [H5.05.01.05].

Sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh và bàn phương hướng công tác tuyển sinh cho năm học mới. Tại hội nghị các chính sách tuyển sinh được trao đổi, bàn bạc, góp ý để điều chỉnh và cập nhật [H5.05.01.06].

Ngoài ra, Nhà trường đã triển khai khảo sát trên đối tượng sinh viên về công tác tuyển sinh, số sinh viên hài lòng và rất hài lòng đạt tỷ lệ cao [H5.05.01.07].

## 2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai trên nhiều kênh thông tin và dưới nhiều hình thức khác nhau; được cập nhật thường xuyên.

## 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học về chính sách tuyển sinh chưa được thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá	Thời gian
----	----------	----------	-----------	-----------

			nhân thực hiện	thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh theo đúng chỉ đạo của Bộ, cập nhật và thông tin công khai, đầy đủ đến thí sinh	Phòng QLĐT	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ lấy ý kiến người học về chính sách tuyển sinh	Phòng QLĐT	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 5.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đề cương môn học hoặc học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Các thông tin về ngành học, CTĐT được mô tả rõ ràng, đầy đủ trong Bản mô tả CTĐT. Bản mô tả này được công khai trên trang thông tin điện tử của trường [H3.03.01.04], [H5.05.02.01].

Các thông tin về ngành học được phổ biến tới người học trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. Trong tuần này, ngoài những nội dung như giới thiệu về nhà trường, về cơ cấu tổ chức của trường, về nhiệm vụ và quyền lợi của người học,... Người học được giới thiệu về ngành đào tạo và được phổ biến quy chế đào tạo cũng như các chế độ chính sách cho người học [H5.05.02.02].

CTĐT và đề cương chi tiết của tất cả các học phần được cập nhật lên hệ thống quản lý đào tạo và hệ thống quản lý sinh viên giúp cho cả giảng viên và sinh viên dễ dàng tiếp cận [H5.05.02.03].

Người học dễ dàng tiếp cận thông tin về ngành học, CTĐT, đề cương chi tiết các học phần bằng cách truy cập hệ thống quản lý sinh viên hoặc thông qua giảng viên/cố vấn học tập/giáo vụ khoa. Cố vấn học tập trao đổi thông tin với người học thông qua các nhóm Zalo/Facebook [H5.05.02.04]. Giảng viên trao đổi với người học những thông tin liên quan đến học phần thông qua các nhóm Zalo hoặc hệ thống LMS [H5.05.02.05]. Giáo vụ khoa trực hành chính tiếp nhận mọi thông tin của người học và giải đáp/tư vấn. Tại buổi học đầu tiên của mỗi học phần, đề cương chi tiết của từng học phần một lần nữa được cung cấp cho người học để người học có cái nhìn tổng thể về học phần đó.

Ngoài ra CTĐT và đề cương chi tiết các học phần cũng được in thành quyển kèm theo quyết định ban hành, phòng Quản lý đào tạo giữ 01 bản và khoa



GDMN giữ 01 bản, người học và những người quan tâm có thể tiếp cận nếu có nhu cầu [H3.03.01.02], [H3.03.01.05].

## *2. Điểm mạnh*

Các hình thức thông tin về CTĐT và đề cương chi tiết học phần đa dạng, cập nhật, được phổ biến công khai. Người học dễ dàng tiếp cận thông tin về ngành học, CTĐT, đề cương chi tiết các học phần.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số thông tin về ngành học, CTĐT, chương trình dạy học trên chuyên trang thông tin điện tử của Khoa còn sơ sài.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Công khai các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, cập nhật thông tin về ngành học, chương trình dạy học trên trang thông tin điện tử của Khoa	Phòng QLĐT Khoa GDMN	2021

## *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức.*

*Tiêu chí 5.3. Áp dụng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên.*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Chính sách ưu tiên tuyển sinh được quy định trong đề án tuyển sinh hàng năm và được thực hiện đúng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo tất cả thí sinh thuộc diện ưu tiên (khu vực, đối tượng) được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển, điều này thể hiện rõ trong danh sách trúng tuyển hàng năm [H5.05.01.01], [H5.05.03.01].

100% người học thuộc đối tượng ưu tiên được bảo đảm các chế độ chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập như: trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập, vay vốn tín dụng,... Trường có phòng Công tác học sinh, sinh viên chủ trì việc thực hiện chế độ chính sách cho người học [H5.05.03.02]. Hàng năm, phòng Công tác học sinh, sinh viên căn cứ các quy định chính sách hiện hành thông báo và triển khai

tới các khoa về việc thực hiện các chế độ chính sách mà người học được hưởng thông qua nhóm Zalo [H5.05.03.03]; cán bộ phụ trách công tác học sinh, sinh viên của khoa thông báo về cho các lớp thông qua các nhóm Facebook của khoa triển khai công tác HSSV đến cán bộ lớp [H5.05.03.04]; các lớp rà soát những người học đúng đối tượng, lập danh sách và tập hợp hồ sơ nộp cho khoa; khoa nộp cho phòng Công tác học sinh sinh viên; phòng rà soát lại lần nữa rồi lập danh sách kèm quyết định và trình ký [H5.05.03.05], [H5.05.03.06].

Các chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên được phổ biến tới người học thông qua 3 kênh chính: phổ biến tới người học trong các tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa [H5.05.02.02]; in thành tài liệu phát cho người học trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H5.05.03.07]; phổ biến tới các khoa và tới cô vấn học tập, người học dễ dàng tiếp cận thông qua cô vấn học tập và cán bộ phụ trách công tác học sinh sinh viên của khoa [H5.05.03.04]. 100% sinh viên thuộc diện chính sách đều nắm bắt được thông tin và làm hồ sơ đầy đủ, kịp thời. Việc rà soát hồ sơ hưởng chế độ chính sách được triển khai nghiêm túc, đúng quy trình. Hồ sơ sau khi được kiểm tra đều được lưu giữ cẩn thận. Các quyết định và các danh sách người học hưởng chế độ chính sách được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.03.05], [H5.05.03.06]. Hàng năm, không có các trường hợp khiếu nại hay thắc mắc về việc thực hiện chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên [H5.05.03.08].

Ngoài ra, để tạo điều kiện, hỗ trợ cho các em sinh viên thuộc diện chế độ chính sách, Nhà trường bố trí cho các em vào ở ký túc xá theo nhu cầu, nguyện vọng [H5.05.03.09]; giới thiệu việc làm thêm cho các em để giảm bớt khó khăn phần nào trong cuộc sống, giúp các em yên tâm học tập và rèn luyện [H5.05.03.10]. Về cơ bản, các em sinh viên đều hài lòng khi được khảo sát về việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà trường [H5.05.03.11].

## *2. Điểm mạnh*

Người học dễ dàng tiếp cận thông tin về các chính sách ưu tiên và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên. Người học thuộc đối tượng ưu tiên được bảo đảm các chế độ chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đúng, đủ, kịp thời.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc tìm kiếm các nguồn hỗ trợ học tập như học bổng, trợ cấp... từ các tổ chức xã hội dành cho các đối tượng ưu tiên còn hạn chế.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Áp dụng đúng, đủ và kịp thời các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên, đảm bảo 100% người học là đối tượng ưu tiên đều được hưởng chế độ và hài lòng với việc thực hiện chế độ chính sách của nhà trường	Phòng công tác HSSV	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đẩy mạnh tìm kiếm nguồn từ xã hội để hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên	Phòng công tác HSSV	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 5.4. Thực hiện đúng quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, người học sư phạm.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

100% người học thuộc chương trình được miễn học phí theo đúng chính sách ưu tiên dành cho người học sư phạm. Hàng năm Nhà trường đều ra quyết định về mức thu học phí trong đó ghi rõ “*Thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập*”. Người học thuộc khối sư phạm khi đăng ký học phần trong chương trình trên hệ thống thì học phí của học phần đó là 0 VNĐ [H5.05.04.01].

Việc tổ chức xét, cấp học bổng, trợ cấp xã hội được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Hàng năm, thông qua tuần sinh hoạt công dân học sinh, sinh viên đầu khóa, đầu năm, phòng Công tác học sinh, sinh viên đều phổ biến quy chế, quy định về điều kiện cấp xét học bổng, trợ cấp xã hội cho người học. Động

viên, khuyến khích người học cố gắng phấn đấu trong học tập, rèn luyện để đạt được học bổng khuyến khích học tập trong từng học kỳ [H5.05.02.02]. Ngoài ra, các văn bản tài liệu quy định chính sách ưu tiên, xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho người học được in thành tài liệu phát cho người học trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H5.05.03.07]. Các văn bản này cũng đồng thời được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.04.02].

Trợ cấp xã hội được thực hiện đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số sống ở vùng núi cao; sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa; sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định; sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo. Việc chi trả trợ cấp xã hội được thực hiện theo năm tài chính; kết thúc mỗi năm học, phòng Công tác học sinh, sinh viên thông báo, yêu cầu người học nộp hồ sơ gia hạn hộ nghèo (với trường hợp gia đình khó khăn và hộ nghèo) để thực hiện đúng chế độ theo quy định. Tất cả các đối tượng sinh viên này đều được hướng dẫn làm các thủ tục hưởng trợ cấp đầy đủ, kịp thời [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Đối với học bổng khuyến khích học tập, kết thúc mỗi học kỳ, phòng Công tác học sinh, sinh viên gửi thông báo tới từng khoa chủ quản, hướng dẫn xét đánh giá rèn luyện, xét cấp học bổng cho người học. Việc xét, cấp học bổng được thực hiện theo đúng quy trình từ cấp khoa đến Hội đồng cấp trường. Hội đồng xét, cấp học bổng thực hiện công bằng, khách quan, minh bạch [H5.05.04.03]. Sau cuộc họp hội đồng, phòng Công tác học sinh, sinh viên rà soát lại lần nữa rồi lập danh sách kèm quyết định và trình ký [H5.05.04.04].

Hàng năm, không có các trường hợp khiếu nại hay thắc mắc về việc thực hiện quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, người học sư phạm [H5.05.03.08].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường thực hiện đúng quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, người học sư phạm.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc tổ chức các hội đồng xét, cấp học bổng đôi khi còn chậm muộn; chưa kịp thời do phần mềm xét điểm sai số liệu.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Công bố dự toán kinh phí học bổng từ đầu năm học; động viên, tạo động lực cho người học tích cực phấn đấu trong học tập, rèn luyện để đủ điều kiện được xét, cấp học bổng	Phòng công tác HSSV	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện xét, cấp học bổng kịp thời Nâng cấp, hoàn thiện phần mềm để làm căn thuận lợi cho việc xét học bổng, xét điểm rèn luyện	Phòng công tác HSSV Phòng QLĐT	Hàng năm 2021 - 2022

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 5.5. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn xác định nhiệm vụ đồng hành cùng người học trong việc phát triển kỹ năng, nghiệp vụ, hỗ trợ học tập và sinh hoạt là một trong những hoạt động quan trọng. Trường có phòng Công tác học sinh, sinh viên là đơn vị chủ trì xây dựng quy định chức năng nhiệm vụ của cố vấn học tập [H5.05.05.01], lập danh sách cố vấn học tập hàng năm [H5.05.05.02]. Các khoa căn cứ quy định về cố vấn học tập của trường xây dựng kế hoạch cố vấn học tập của khoa, trong đó nêu rõ những công việc của cố vấn học tập trong cả năm học [H5.05.05.03]. Tại mỗi lớp luôn có 01 cán bộ đảm nhận nhiệm vụ cố vấn học tập đồng thời là giáo viên chủ nhiệm phụ trách tư vấn, định hướng, hỗ trợ người học sắp xếp kế hoạch học tập từ năm thứ nhất đến năm cuối [H5.05.05.02].

Hàng năm Trường tổ chức ngày hội việc làm do phòng Công tác học sinh, sinh viên chủ trì với sự tham gia của 35 đến 50 đơn vị tuyển dụng. Đây thực sự là một ngày hội, tại đó các cơ sở tuyển dụng quảng bá hình ảnh của đơn vị mình và tư vấn trực tiếp cho sinh viên, sinh viên có cơ hội được tiếp xúc với nhiều nhà tuyển dụng và được hỗ trợ tư vấn việc làm [H5.05.01.05], [H5.05.05.04].

Người học cũng được tư vấn việc làm thông qua đội ngũ giảng viên và cố vấn học tập. Tại các buổi lên lớp, giảng viên ngoài việc truyền đạt kiến thức cho người học còn bồi dưỡng lòng yêu nghề và định hướng việc làm cho người học.

Hàng năm, các phòng ban chức năng, Đoàn Thanh niên và hội sinh viên của trường luôn quan tâm tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua,... nhằm góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người học. Hội thi nghiệp vụ nghề nghiệp được tổ chức với các nội dung: Giới thiệu về ngành nghề; trả lời các câu hỏi hiểu biết về ngành nghề, về quy chế đào tạo, về nghiệp vụ GDMN và phần thi tài năng; đây là dịp người học được giao lưu học hỏi về chuyên môn nghiệp vụ, được khám phá và thể hiện những giá trị của bản thân và tăng thêm lòng yêu nghề [H5.05.05.05]. Tại các cuộc tổ chức công diễn và báo cáo từng chuyên ngành ngành GDMN, người học được thể hiện những gì tinh túy nhất của chuyên ngành được học, điều đó đã mang lại cho người học niềm cảm hứng và sự tự tin khi lựa chọn chuyên ngành mà mình yêu thích, đồng thời một lần nữa khẳng định việc xây dựng chương trình theo chuyên ngành/chuyên đề là hướng đi đúng đắn [H5.05.05.06]. Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên tổ chức các hoạt động theo chủ đề, chủ điểm, việc này đã góp phần tạo hứng khởi cho người học và hướng người học đến những suy nghĩ và việc làm tích cực, có ích cho cộng đồng, ví dụ như các hoạt động thiện nguyện, hiến máu nhân đạo [H5.05.05.07], [H5.05.05.08], [H5.05.05.09].

Trường có hợp tác quốc tế với Trường Đại học Tổng hợp Copenhagen Đan Mạch. Trong nhiều năm Trường đã lựa chọn những sinh viên đủ điều kiện về kết quả học tập và trình độ Tiếng Anh gửi sang học theo các chương trình hợp tác, việc này đã góp phần động viên khuyến khích người học [H5.05.05.10].

Công tác thực hành thực tập được chú trọng, hàng năm Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hành thực tập, lựa chọn những cơ sở thực tập có chất lượng, trao đổi với cơ sở thực tập về khả năng đáp ứng công việc của người học, trao đổi về nhu cầu tuyển dụng từ đó có căn cứ để tư vấn việc làm cho người học, kết quả thực tập đã cho thấy nội dung chương trình phù hợp và người học đáp ứng tốt với công việc [H5.05.05.11], [H5.05.05.12].

Nhờ làm tốt công tác tư vấn và hỗ trợ việc làm, tỉ lệ người học ngành GDMN có việc làm hàng năm là khoảng 98% [H5.05.05.13].

## *2. Điểm mạnh*

Tổ chức nhiều hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người học. Hoạt động thi đua được tổ chức thường xuyên, có

hiều dịch vụ hỗ trợ khả năng cải thiện học tập. Kết nối nhà tuyển dụng để giới thiệu việc làm cho sinh viên.

### 3. Điểm tồn tại

Một số hoạt động cố vấn học tập còn hạn chế như tư vấn cho người học sắp xếp hợp lý kế hoạch học tập cá nhân; chiến lược học tập hiệu quả đối với một số học phần.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì, nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ và tư vấn việc làm cho người học	P. CTHSSV P. QLĐT Đoàn TN Hội SV Khoa GDMN	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường hoạt động cố vấn học tập nâng cao hiệu quả hỗ trợ người học	P. CTHSSV P. QLĐT Các Khoa	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 5.6. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường có cảnh quan sư phạm sạch đẹp. Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá,...được bố trí hợp lý [H5.05.06.01]. Các phòng học đều khang trang, sạch đẹp, đầy đủ ánh sáng; hội trường đa chức năng với 300 chỗ ngồi và trang thiết bị ánh sáng âm thanh hiện đại; sân trường rộng rãi, thoáng mát, sạch đẹp; khu Ký túc xá với cấu trúc 5 tầng, tổng diện tích là 5454 m<sup>2</sup>, có tổng 80 phòng ở cho sinh viên, sức chứa khoảng 500 sinh viên, diện tích mỗi phòng ở khoảng 28 m<sup>2</sup> chưa kể các công trình phụ và ban công, được bố trí thoáng mát, tiện nghi cho 8 đến 10 sinh viên ở, có nội quy ký túc xá [H5.05.06.02]; ngoài ra còn có khu nhà ăn, phòng y tế và có các phòng thực hành Âm nhạc, Mỹ thuật. Đặc biệt, Trường có 3 trường mầm non thực hành là nơi người học được trải nghiệm và vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế. Trường có phòng Bảo vệ là đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh, trật tự cho toàn cán bộ,

giảng viên và người học; có đơn vị cung cấp nước sạch đảm bảo đủ nước sạch cho nhu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên [H5.05.06.03]; có hệ thống phòng cháy chữa cháy, kết quả các cuộc kiểm tra về công tác phòng cháy chữa cháy cho thấy công tác này được thực hiện đúng quy định và đảm bảo an toàn [H5.05.06.04].

Công tác vệ sinh môi trường được đảm bảo, có đội ngũ vệ sinh chuyên nghiệp đảm bảo công tác vệ sinh chung cho toàn trường [H5.05.06.05]; Hàng năm có các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn,... [H5.05.06.06] và được các cơ quan hữu quan đánh giá tốt về môi trường và cảnh quan của trường [H5.05.06.07].

Trường có Thư viện có tổng diện tích gần 500m<sup>2</sup>, gồm có các phòng chuyên môn như: phòng Nghiệp vụ, phòng Tham khảo và phòng Giáo trình. Các phòng phục vụ có gần 100 chỗ ngồi, đảm bảo các tiêu chuẩn về ánh sáng; bàn ghế, giá sách, tủ sách theo quy định, đảm bảo về điều kiện phòng cháy chữa cháy, thoát hiểm. Phục vụ cho ngành đào tạo GDMN của Nhà trường, Thư viện có 98 tên giáo trình, với 11.980 bản, 290 tên tài liệu tham khảo, với 16.206 bản [H5.05.06.08], [H5.05.06.09].

Trường có bộ phận y tế chăm sóc sức khỏe của cán bộ, giảng viên và người học. Người học được tổ chức khám sức khỏe vào đầu khóa học [H5.05.06.10].

Trường có Ban chỉ đạo phòng chống Covid [H5.05.06.11], ban đã cập nhật thường xuyên tình hình dịch và có những chỉ đạo kịp thời trong công tác phòng chống dịch bệnh [H5.05.06.12].

Trường đã tạo dựng cho người học có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện: người học được tôn trọng đúng mức; mọi vấn đề của người học được các phòng chức năng giải đáp và tư vấn tận tình; các thầy cô lên lớp với tinh thần nhiệt huyết và sẵn sàng chia sẻ, hướng dẫn; người học được động viên và tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa; người học được tham gia lấy ý kiến đánh giá về môi trường và cảnh quan trong trường [H5.05.06.13], được tham gia lấy ý kiến góp ý về thái độ và chất lượng phục vụ trong công tác đào tạo [H5.05.06.14], được tham gia lấy ý kiến đánh giá về hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động kiểm tra đánh giá [H3.03.02.08] và được tham gia đánh giá về công tác thực tập [H5.05.06.15]. Kết quả của các đợt khảo sát lấy ý kiến của người học cho thấy người học hài lòng với môi trường tâm lý và xã hội của trường.

## *2. Điểm mạnh*



Nhà trường đã tạo dựng cho người học có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đặc biệt 3 trường MNTH góp phần tạo nên môi trường sư phạm đặc trưng của Nhà trường.

### 3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất cho khu vận động thể chất còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai dự án xây dựng nhà đa năng, đầu tư cơ sở vật chất cho khu vận động thể chất.	Phòng QTTB	Giai đoạn 2021 - 2026
2	Phát huy điểm mạnh	Luôn tạo cho người học có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.	Các đơn vị trong trường	Hàng năm

### 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 5:** Chính sách tuyển sinh của Trường được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật trong đề án tuyển sinh hàng năm. Các thông tin về ngành học, chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận. Người học thuộc đối tượng ưu tiên được hưởng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Trong quá trình xây dựng chính sách tuyển sinh, hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về chính sách tuyển sinh chưa được thường xuyên. Việc khai thác các nguồn lực xã hội trong tìm kiếm học bổng, trợ cấp chưa được nhiều. Hoạt động cố vấn học tập còn chưa thực sự hiệu quả ở một số nội dung. Cơ sở vật chất cho khu vận động thể chất còn hạn chế.

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ thường xuyên lấy ý kiến người học về chính sách tuyển sinh. Đẩy mạnh tìm kiếm nguồn từ xã hội để hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên. Thực hiện xét, cấp học bổng kịp thời, nâng cấp, hoàn thiện phần mềm để làm căn thuận lợi cho việc xét học bổng, xét điểm rèn luyện. Tăng cường hoạt động cố vấn học tập nâng cao hiệu quả hỗ trợ người học. Triển khai dự án xây dựng nhà đa năng, đầu tư cơ sở vật chất cho khu vận động thể chất.

*Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 5 có 2 tiêu chí đạt mức 5/7, 4 tiêu chí đạt mức 4/7*

### **Tiêu chuẩn 6: Đánh giá kết quả học tập của người học**

**Mở đầu:** Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục bao gồm: đánh giá đầu vào, đánh giá theo quá trình và đánh giá đầu ra. Đánh giá kết quả học tập của người học cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với CDR của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với CDR của học phần và CTĐT. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rõ ràng và được thông báo công khai tới người học. Các PP KTĐG đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các PP KTĐG được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các PP mới. Kết quả đánh giá của người học được lưu trữ một cách có hệ thống, được thông tin một cách kịp thời giúp người học cải thiện việc học tập. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

*Tiêu chí 6.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học ngành GDMN theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT và theo quy chế tuyển sinh năng khiếu của nhà trường [H6.06.01.01]. Quy trình được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh của người học [H5.05.01.03].

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương thực hiện đánh giá quá trình, đánh giá đầu ra theo các quy định đánh giá kết quả học tập của người học từng khóa học, từng năm học, kì học và từng học phần. [H6.06.01.01]; [H6.06.01.02].

Quy trình KTĐG kết quả học tập SV ngành GDMN được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương [H6.06.01.03]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế logic, khoa học dựa trên khung CTĐT, mục tiêu và CĐR CTĐT ngành GDMN. Ngoài ra các phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận... tùy theo đặc thù từng học phần [H6.06.01.04]. Nội dung, cách thức KTĐG kết quả học tập môn học của người học được xây dựng từ mục tiêu, CĐR môn học và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (Hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm,...). Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp; đánh giá cuối kỳ bằng hình thức vấn đáp hoặc tự luận, bài tập lớn, bài thu hoạch, trắc nghiệm, tiểu luận [H6.06.01.05]. Đề thi kết thúc học phần được giảng viên thiết kế và được trưởng bộ môn, ban chủ nhiệm khoa phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi theo 5 mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần; sự phù hợp về nội dung, kĩ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi [H6.06.01.06]. Nội dung KTĐG học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi. Năm 2019 Nhà trường chỉ đạo các Khoa, các bộ môn xây dựng ngân hàng đề thi, hình thức KTĐG bám sát mục tiêu học phần và CĐR cần đạt được [H6.06.01.06].

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp [H6.06.01.07]

Ngoài đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình, nhà trường cũng chú ý đến đánh giá đầu ra của người học. Từ năm 2016 sinh viên ngành GDMN được đăng ký học các học phần thay thế môn thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận tốt nghiệp [H6.06.01.08]. Sau khi người học tốt nghiệp, ra trường để khẳng định chất lượng đào tạo và có cơ sở để điều chỉnh CTĐT, nhà trường cũng thiết kế các mẫu

phiếu câu hỏi dạng điều tra để xin ý kiến đánh giá của các nhà sử dụng lao động về chất lượng của người học [H6.06.01.09].

Các quy định về kiểm tra - thi được quy định rõ ràng và công bố công khai cho SV thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV, hội nghị gặp mặt SV đầu khóa của khoa GDMN, đối thoại sinh viên, các diễn đàn trao đổi PP học tập cho SV đầu khóa. Ngoài ra, SV được nắm rõ đề cương học phần và các quy định về KTĐG từng học phần thông qua buổi học đầu tiên để lên kế hoạch hoặc điều chỉnh PP học tập phù hợp trong quá trình học tập. Việc SV đăng ký học vào các lớp học phần và theo dõi tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi được cập nhật một cách công khai và liên tục thông qua tài khoản cá nhân tại địa chỉ <http://sv.cdsptw.edu.vn/>. [H6.06.01.10].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Công tác KTĐG kết quả học tập của người học không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Trong một số học phần, việc kiểm tra đánh giá còn chú trọng về mặt kiến thức, chưa đánh giá được nhiều về mặt kỹ năng cho người học.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo đúng kế hoạch trong chương trình đào tạo và kế hoạch năm học.	Khoa GDMN Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, điều chỉnh các hình thức KTĐG của một số học phần trong chương trình theo hướng cân bằng kiến thức, kỹ năng	Các Khoa Phòng QLĐT Phòng KT&ĐBCLGD	Năm học 2021 - 2022

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đo 7 mức

*Tiêu chí 6.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học*

### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có các quy định về đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình về kết quả học tập của người học ngành GDMN một cách đầy đủ, rõ ràng theo quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, cũng như quy định về thi, kiểm tra, đánh giá cuối kì, xét và công nhận tốt nghiệp cho người học...

Việc đánh giá đầu vào của thí sinh thi tuyển vào ngành GDMN theo quy chế thi tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy chế tuyển sinh qua thi năng khiếu, hướng dẫn, tổ chức thi năng khiếu, chấm thi và công bố danh sách trúng tuyển của thí sinh được Trường CDSPTU quy định rõ ràng và thông báo công khai tới các thí sinh qua website, điện thoại qua tin nhắn và giấy báo trúng tuyển [H6.06.02.01].

Về đánh giá quá trình: Nhà trường công bố rõ ràng, công khai tới NH các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần/môn học qua website của Trường [H6.06.02.01], cũng như qua các giáo viên giảng dạy học phần. Tất cả các đề cương chi tiết học phần đều nêu rõ hình thức, thời gian, phương pháp đánh giá, tiêu chí, trọng số và các nội dung liên quan rõ ràng. Tùy vào đặc thù môn học, ngay khi bắt đầu học phần, giảng viên cung cấp ĐCCT và phổ biến các quy định về thời gian, phương pháp, tiêu chí và trọng số đánh giá cho SV [H6.06.02.02]. GV sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập khác nhau để đánh giá chuyên cần, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra định kì và bài thi kết thúc môn học để giúp người học đạt CDR với các trọng số khác nhau [H6.06.02.03]. Quy định này cũng được công bố rõ ràng, đầy đủ và công khai trên các website của Nhà trường, trong tuần sinh hoạt công dân học sinh, sinh viên đầu khóa [H6.06.02.04], hội nghị gặp mặt sinh viên đầu khóa của khoa GDMN, qua việc đối thoại sinh viên cũng như các diễn đàn trao đổi việc học tập của sinh viên (Sổ tay cố vấn học tập/các nhóm zalo/Facebook trao đổi với SV, phòng ban liên quan và Khoa GDMN triển khai các nhiệm vụ học tập và thi kiểm tra đánh giá tới các cán bộ lớp) [H6.06.02.05]. Trước mỗi năm học, Nhà trường phổ biến tới các khoa, các giảng viên và sinh viên về kế hoạch đào tạo các thông tin rõ ràng về thời gian học tập, thời gian ôn thi, thời gian thực hành thực tập, thời gian thi và học các môn thay thế tốt nghiệp hoặc bảo vệ khóa luận tốt nghiệp [H6.06.02.06]. Trường CDSPTU cũng xây dựng kế

hoạch thực hành thực tập gửi tới tất cả các giảng viên dẫn đoàn và sinh viên thực tập nắm rõ mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ. Trước khi đi thực hành thực tập các giảng viên họp đoàn, phổ biến đầy đủ các nội dung, rõ ràng, công khai tới tất cả các SV trong đoàn THPT: số tuần đi thực tập, địa điểm, phương pháp đánh giá, tiêu chí, trọng số giữa các đầu điểm ý thức, báo cáo thu hoạch, các loại kế hoạch giáo án, chuẩn bị đồ dùng, lên các tiết tập dạy và tiết thi về các nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ mầm non khác nhau [H6.06.02.07]. Các tiết tập dạy, tiết thi của SV đều được cơ sở THPT hoặc các GV dẫn đoàn tổ chức nhận xét, cho điểm công khai, rõ ràng trước toàn đoàn. Sau đợt THPT, Nhà trường tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm về THPT có đại diện: Ban giám hiệu, các cơ sở THPT, các giảng viên dẫn đoàn, các sinh viên để nghe phản hồi từ các bên liên quan về công tác tổ chức THPT nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng cho những đợt THPT sau.

Đánh giá đầu ra của sinh viên cũng được nhà trường chú trọng. SV ngành GDMN được đăng ký học các học phần thay thế môn thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận tốt nghiệp từ 2016 [H6.06.02.08]. Trước khi tốt nghiệp SV được phổ biến trực tiếp điều kiện tốt nghiệp, quy định về xét tốt nghiệp rõ ràng v.v... từ trợ lý đào tạo và cố vấn học tập của khoa GDMN. Nhà trường có thành lập hội đồng tổ chức xét tốt nghiệp cho sinh viên và thông báo công khai cho sinh viên trên các trang web của trường. Ngoài ra để đánh giá kết quả học tập của người học một cách khách quan, công khai minh bạch nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác kiểm tra đánh giá, Trường đã khảo sát, lấy ý kiến người học. Kết quả khảo sát cho thấy đa số người học đánh giá tốt về hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học [H6.06.01.09].

## *2. Điểm mạnh*

Các quy định về đánh giá KQHT của người học bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan thể hiện rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin. Đội ngũ giảng viên cập nhật, thay đổi các phương pháp KTĐG để phù hợp với tình hình thực tế trong dịch covid19, đảm bảo tính khách quan, minh bạch, đảm bảo đánh giá được mức độ đạt được CĐR của học phần đối với người học.

## *3. Điểm tồn tại*

Chưa có sổ tay sinh viên cho sinh viên đầu khóa để cung cấp đầy đủ các thông tin về khóa học về các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật, đổi mới quy trình, quy định theo quy chế đào tạo mới về đánh giá KQHT của người học	Khoa GDMN Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng sổ tay sinh viên (bản cứng hoặc bản điện tử)	P. CT HSSV Khoa GDMN P. QLĐT	Từ 2021-2022 trở đi

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 6.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.*

##### 1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp đánh giá đầu vào, đánh giá quá trình và đánh giá kết quả (đầu ra) của người học ngành GDMN được coi trọng nhằm đảm bảo đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Phương pháp đánh giá đầu vào của thí sinh thi tuyển vào ngành GDMN được thực hiện thông qua sử dụng kết quả thi phổ thông trung học quốc gia hoặc điểm học bạ môn Toán, môn Văn kết hợp với việc tổ chức thi năng khiếu hát và kể chuyện diễn cảm. Chủ đề bài hát và câu chuyện được quy định là rộng và đa dạng, do đó phương pháp đánh giá là đa dạng theo sự lựa chọn bài hát, cách kể chuyện sáng tạo, diễn cảm của từng thí sinh. Các bài thi năng khiếu của thí sinh do các em trực tiếp thể hiện và được ban giáo khảo đánh giá theo đúng tiêu chí thang điểm quy định [H6.06.03.01]. Phương pháp đánh giá đầu vào này đã hướng tới đảm bảo độ giá trị, đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng cho tất cả các thí sinh.

Việc đánh giá quá trình được các giảng viên thực hiện đa dạng thể hiện thông qua các yếu tố sau:

(i) *Về thời gian đánh giá:* Thời gian làm bài rất đa dạng, SV trả lời trực tiếp khi giảng viên phát vấn, làm bài viết 15 phút, 30 phút, 45 phút, 60 phút, 90 phút, 120 phút, 180 phút. Các hình thức làm bài tiểu luận, bài tập lớn và một số học phần đặc thù thời gian làm bài có thể được kéo dài trong nhiều ngày. Các thông tin này được quy định trong đề cương chi tiết học phần [H6.06.03.02].

(ii) *Về hình thức đánh giá:* Tuỳ theo nội dung và học phần mà có các hình thức như làm bài viết cá nhân, vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm, thực hành, tiểu luận, ... [H6.06.03.02].

(iii) *Về không gian, địa điểm đánh giá:* quá trình làm bài và đánh giá ở trên phòng học lý thuyết, phòng thực hành, phòng học đa năng, phòng học đặc thù. Đối với các nội dung thực tập được thực hiện và đánh giá thông qua việc sinh viên thể hiện năng lực trực tiếp tại lớp học mầm non.

Việc đánh giá quá trình thông qua các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ do giảng viên tự soạn và tự thực hiện việc kiểm tra, đánh giá nên độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng trong đánh giá xác định trong phạm vi lớp trực tiếp giảng dạy. Sự tương xứng của các yếu tố này giữa các lớp có giảng viên khác nhau là tương đối và thường được xác định gián tiếp thông qua các hoạt động chuyên môn ở tổ bộ môn.

Đối với phương pháp đánh giá đầu ra, được thực hiện qua bài thi kết thúc học phần và bài khoá luận tốt nghiệp hoặc thông qua học phần thay thế thi tốt nghiệp. Đề thi được xây dựng đa dạng về nội dung và chủ đề. Thời gian thực hiện được áp dụng là 60 phút, 90 phút, 120 phút, 180 phút. Có nhiều phương pháp đánh giá như thông qua vấn đáp, thực hành, chấm bài viết, trắc nghiệm hoặc phương pháp tổng hợp. Đối với bài làm dạng tiểu luận, bài tập lớn và một số học phần đặc thù thời gian làm bài cũng có thể được kéo dài trong nhiều ngày và có thể được thực hiện tại phòng học đặc thù, phòng thực hành hoặc tại trường mầm non. Phương pháp đánh giá đầu ra được thực hiện nghiêm túc, bài bản theo quy định [H6.06.03.02]. Các đề thi đều có đáp án, thang điểm, hướng dẫn chấm chi tiết và có sự kiểm duyệt của bộ môn, ban Chủ nhiệm khoa hoặc qua Hội đồng nghiêm thu ngân hàng đề thi [H6.06.03.03]. Bài thi viết của SV được chấm chi tiết theo đáp án này dưới quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai giảng viên cùng chấm, vào điểm...), bài thi thực hành được chấm công khai và công bố điểm ngay trong buổi chấm để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học [H6.06.03.04].

## *2. Điểm mạnh*

Phương pháp đánh giá đối với người học theo CTĐT ngành GDMN là đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, khách quan, công bằng và đáp ứng được mục tiêu đánh giá kết quả học tập của người học; tạo điều kiện cho người học thể hiện sự chủ động, sáng tạo thể hiện năng lực phù hợp với mục tiêu từng học phần. Việc sử dụng phương pháp đánh giá đầu vào bằng các bài thi năng khiếu đã lựa chọn được những thí sinh có năng khiếu, có tiềm năng phù hợp với ngành GDMN.



### 3. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hình thức trắc nghiệm quan còn tương đối hạn chế. Nhà trường đang xây dựng ngân hàng đề thi, tiểu mục đề thi nhằm tăng số lượng học phần theo hình thức trắc nghiệm.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật, đổi mới đa dạng phương pháp đánh giá kết quả kiểm tra đánh giá, linh hoạt theo hướng coi trọng năng lực của người học	Khoa GDMN Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng số lượng học phần theo hình thức trắc nghiệm khách quan	Các Khoa	Hằng năm

### 5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 6.4. Kết quả đánh giá được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để người học cải thiện việc học tập.*

#### 1. Mô tả

Công tác chấm thi, công nhận kết quả thi và thông báo kết quả thi của người học được phòng KT&ĐBCLGD phản hồi kịp thời đến người học theo đúng các quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học của Trường CĐSPTU [H6.06.04.01]. Điểm đánh giá học phần được tổ chức phân loại, quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác tại phòng KT&ĐBCLGD [H6.06.04.01] và trên phần mềm quản lý đào tạo [H6.06.04.02]. Thời gian tối thiểu lưu trữ bài thi tại phòng KT&ĐBCLGD là 2 năm sau khi kết thúc khoá học [H6.06.04.01].

Sinh viên có thể dễ dàng tra cứu điểm kiểm tra định kỳ, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi kết thúc học phần thông qua tài khoản cá nhân [H6.06.04.03]. Ngoài ra điểm thành phần được giảng viên thông báo tới sinh viên trong quá trình giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần theo hình thức thực hành, vấn đáp được giảng viên công bố ngay trong buổi thi [H6.06.04.01]. Qua đó sinh viên có thể phản hồi ý kiến của mình về điểm số, có cơ hội cải thiện điểm và điều chỉnh kế hoạch học tập của mình. Đối với hình

thức thi viết, sinh viên được thông báo điểm trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày thi xong học phần đó trên tài khoản cá nhân [H6.06.04.01].

Dữ liệu học tập của người học được sao lưu tự động vào hệ thống máy chủ, bao gồm cả các số liệu thống kê số liệu từng sinh viên theo kỳ, theo khoá; tỷ lệ SV các khóa đạt kết quả khá và giỏi nhằm xem xét sự tiến bộ của SV sau các năm học. Nhà trường có quy định về cảnh báo kết quả học tập [H6.06.04.01] và thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ trên tài khoản của sinh viên, giúp SV có kết quả học tập kém biết được thông tin kịp thời và có phương án học tập thích hợp để có thể cải thiện kết quả học tập.

Sau mỗi học phần, Nhà trường đều lấy ý kiến khảo sát sinh viên về quá trình giảng dạy, trong đó có việc kiểm tra đánh giá. Ý kiến thông tin phản hồi từ người học đối với kết quả học tập được phòng KT&ĐBCLGD tổng hợp và gửi tới các khoa đào tạo và các phòng liên quan nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của sinh viên [H6.06.04.04].

## *2. Điểm mạnh*

Bài thi, phiếu điểm thi kết thúc học phần được lưu trữ khoa học, đúng quy định. Có quy định và thực hiện đúng quy định về công bố kết quả thi kết thúc học phần cho sinh viên một cách kịp thời, công khai. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDMN được thực hiện một cách tương đối hợp lý theo đặc thù mỗi học phần, bám sát các quy định, hướng dẫn của Nhà trường để đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); bảo đảm độ tin cậy. Kết quả đánh giá được phản hồi khá kịp thời đúng quy định đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc thông báo kết quả học tập, đặc biệt là điểm kiểm tra của học phần đôi lúc còn chậm.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Nâng cấp phần mềm QLĐT để thực hiện tốt hơn việc lưu trữ kết quả đánh giá và thông tin kịp thời kết quả đánh giá đến người học	Phòng KT&ĐBCLGD Phòng QLĐT	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đôn đốc giảng viên nhập và thông báo kịp thời điểm thành phần tới người học	Các bộ môn/Các khoa	Từng kỳ học

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 6.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Quy định về khiếu nại phúc khảo kết quả học tập đã được Nhà trường hướng dẫn rõ ràng trong Điều 22, QĐ số 486/QĐ-CĐSPTW ngày 20 tháng 7 năm 2020 [H6.06.05.01], [H6.06.05.02]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV ngay từ tuần đầu học Chính trị đầu khóa của SV [H6.06.05.03]. Kết quả học tập của người học được giảng viên phụ trách học phần thông báo và đưa lên hệ thống đào tạo của Trường, SV dễ dàng tiếp cận để xem điểm của từng học phần một cách dễ dàng thông qua trang thông tin điện tử của Nhà trường và qua tài khoản sinh viên [H6.06.05.04].

Trong quá trình tiếp cận kết quả đánh giá, nếu có sai sót, sinh viên sẽ phản hồi. Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó. Đối với kết quả thi kết thúc học phần, nếu thấy kết quả công bố trên hệ thống không chính xác, SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định. SV sẽ vào mục phúc khảo trên tài khoản cá nhân của mình website [H6.06.05.04], gửi ý kiến đến phòng KT&ĐBCLGD.

Sau khi nhận được đơn, phòng Khảo thí và ĐBCL tổng hợp danh sách SV phúc khảo bài thi. CB chuyên trách của phòng Khảo thí và ĐBCLGD cùng Trợ lý đào tạo của Khoa GDMN và Tổ trưởng bộ môn hoặc CB chấm thi có liên quan rà soát lại toàn bộ các khâu liên quan đến quá trình chấm thi để phản hồi

kịp thời tới SV qua phiếu trả lời kết quả. Thời gian kiểm tra kết quả không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Chủ nhiệm khoa hoặc phòng Khảo thí và ĐBCLGD đề nghị một CB thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng do Chủ nhiệm khoa (hoặc Trưởng bộ môn) ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của đánh giá học phần được cập nhật lên hệ thống để SV tiếp cận [H6.06.05.04].

Để thuận tiện cho người học trong quá trình khiếu nại, phòng Khảo thí và ĐBCLGD đã tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng trong báo cáo phản hồi về chấm phúc khảo.

Từ năm học 2019 - 2020, sau khi nhận nhiệm vụ tổ chức thi từ phòng QLĐT, phòng Khảo thí & Đảm bảo CLGD đã lập bảng thống kê số lượng SV phúc khảo theo năm học. Từ kết quả số liệu thống kê cho thấy, số lượng sinh viên yêu cầu được phúc khảo bài thi học phần rất ít, chỉ chiếm 2.3% trên tổng số SV cả trường. Trong số 53 bài được phúc khảo, bài phúc khảo được giữ nguyên điểm chiếm 57% (30/53 bài); bài được tăng điểm chiếm 17% (9/53 bài) và bài giảm điểm chiếm 26% (14/53 bài) [H6.06.05.05]. Như vậy, có thể nói quá trình xử lý và chấm phúc khảo bài thi diễn ra công khai, minh bạch, đảm bảo tính khách quan, trung thực. Từ đó tạo động lực để SV không ngừng phấn đấu, không ngừng rèn luyện trong học tập. Bên cạnh đó, khẳng định được quá trình chấm thi, quá trình vào điểm đã được kiểm tra, xử lý, giải quyết kịp thời và thỏa đáng [H6.06.05.06].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập. Trường đã có phần mềm phúc khảo bài thi trực tuyến thuận tiện cho SV đặc biệt trong dịch covid.

Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học năm 2019 - 2020 không nhiều và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy định và minh bạch.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa thống kê hàng năm về tỉ lệ SV ngành GDMN hài lòng về mức độ tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại cũng như việc khiếu nại.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/
----	----------	----------	--------------------------	----------------------

				hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo quyền lợi của SV trong việc khiếu nại về KQHT	Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng QLĐT	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Khảo sát và thống kê hàng năm về tỉ lệ SV ngành GDMN hài lòng về mức độ tiếp cận dễ dàng với quy trình phúc khảo điểm.	Phòng KT&ĐBCLGD	Từ năm học 2021-2022 trở đi

5. *Tự đánh giá*: Đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức

**Kết luận về Tiêu chuẩn 6:** Đánh giá kết quả người học được thực hiện thường xuyên trong quá trình dạy học tại trường CDSPTU. GV sử dụng phương pháp kiểm tra đánh giá và thiết kế nội dung, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với người học, CTĐT để đạt được CDR. Trong quá trình tổ chức dạy học, trường có các tài liệu hướng dẫn về các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá và kết quả học tập của người học như thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu

chí... kiểm tra đánh giá. Người học được phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cũng như các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá ngay từ lúc vào trường, trước mỗi học kì và học phần. Khi có thắc mắc về kết quả kiểm tra đánh giá, sinh viên được phản hồi và giải quyết kịp thời theo đúng quy định, tuy nhiên tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học hàng năm không nhiều.

Tuy nhiên, Trong một số học phần, việc kiểm tra đánh giá còn chú trọng về mặt kiến thức, chưa đánh giá được nhiều về mặt kỹ năng cho người học. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hình thức trắc nghiệm quan còn tương đối hạn chế. Việc thông báo kết quả học tập, đặc biệt là điểm thành phần đôi lúc còn chậm. Chưa có sổ tay sinh viên cho sinh viên đầu khóa để cung cấp đầy đủ các thông tin về khóa học về các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh các hình thức KTĐG của một số học phần trong chương trình theo hướng cân bằng kiến thức, kỹ năng. Tăng số lượng học phần theo hình thức trắc nghiệm khách quan. Xây dựng sổ tay sinh viên (bản cứng hoặc bản điện tử) nhằm cung cấp đầy đủ

thông tin cho người học. Đôn đốc, nhắc nhở một số giảng viên còn chậm chể trong việc nhập điểm thành phần lên phần mềm quản lý đào tạo.

*Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 6 cả 5 tiêu chí đạt mức 5/7*

### **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên**

**Mở đầu:** Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương có đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức, giảng viên có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định của Nhà nước. Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt các văn bản quy định về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ theo đúng quy trình, rõ ràng, minh bạch. Cán bộ, viên chức, giảng viên được tạo mọi điều kiện thuận lợi để được đi học tập và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

*Tiêu chí 7.1: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý.*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Hiện nay, Trường CĐSPTU có 20 đơn vị: 08 phòng, 05 khoa, 04 trung tâm và 03 trường mầm non thực hành trực thuộc [H7.07.01.01]. Đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường có 73 người, gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, trưởng, phó các phòng, ban, khoa, trung tâm và trường mầm non thực hành, trưởng, phó các tổ bộ môn. Về trình độ: có 15 tiến sĩ (20%), 54 thạc sĩ (74%), 3 cử nhân đại học (4%), 1 trình độ khác (1.3%). Về độ tuổi, có 22 người dưới 40 tuổi (29.3%), 40 người từ 40 đến 50 tuổi (54.7%), 11 người trên 50 tuổi (16%). Về giới tính, có 21 nam (28.7%) và 52 nữ (71.3%) [H7.07.01.02].

Đội ngũ quản lý của Khoa GDMN có 10 người, gồm: 01 Trưởng khoa, 01 Phó trưởng khoa, 03 Trưởng bộ môn, 02 Phó trưởng bộ môn, 02 Trợ lý khoa, 01 Tổ trưởng [H7.07.01.03]. Về trình độ: 03 tiến sĩ (30%), 07 thạc sĩ (70%). Về độ tuổi, có 4 người dưới 40 tuổi (40%), 6 người từ 40 đến 50 tuổi (60%), 100% là nữ giới [H7.07.01.04]

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý của Nhà trường nói chung và của Khoa GDMN nói riêng được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, đúng quy trình hướng dẫn về công tác bổ nhiệm theo Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại...[H7.07.01.05]

Với cơ cấu như trên, đội ngũ cán bộ quản lý của Nhà trường và Khoa đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và được phân bổ hợp lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15/02/2015 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng. Đây là đội ngũ cán bộ quản lý có

phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc được giao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời, họ đa số là những đảng viên gương mẫu, nhiều người là lãnh đạo đơn vị thuộc, trực thuộc luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị tư tưởng và chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.01.06].

Phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý được quy định chi tiết trong quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức của Nhà trường [H7.07.01.07].

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H7.07.01.08], cũng như tình hình thực tế tại đơn vị, Khoa GDMN đã xây dựng văn bản phân công trách nhiệm quyền hạn của Trường khoa, Phó Trường khoa, Trưởng bộ môn, Tổ trưởng trong mỗi năm học [H7.07.01.09]. Việc phân công trách nhiệm và quyền hạn trong đội ngũ quản lý của Khoa đảm bảo về năm lực, chuyên môn, tạo điều kiện để cán bộ quản lý phát huy năng lực quản lý và hiệu quả công việc.

Đối với việc phát triển nguồn cán bộ quản lý, nhận thấy nguồn cán bộ trẻ chưa được bồi dưỡng, tập huấn về năng lực quản trị cơ sở giáo dục, vì vậy Nhà trường luôn tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn cấp chứng chỉ, chứng nhận theo nhu cầu thực tế đề nghị của ban chủ nhiệm Khoa, như chứng chỉ quản lý Khoa, Phòng, Ban, đặc biệt là các chứng chỉ quốc tế như: Reggio Emilia (tại Ý), Steam, Montessori... [H7.07.01.10]

Hội nghị tổng kết năm học hằng năm có nội dung về đánh giá hoạt động quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý, phát huy những điểm mạnh, sửa chữa, khắc phục những yếu kém [H7.07.01.11]. 100% cán bộ quản lý của Nhà trường được đánh giá từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua như: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng và Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT, Bằng khen của Trung ương Đoàn. [H7.07.01.12]

## *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý, làm việc hiệu quả, đáp ứng tốt nhiệm vụ được phân công.

Đội ngũ cán bộ quản lý có sự cân đối giữa các thế hệ, đảm bảo tính kế thừa.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số cán bộ quản lý trẻ chưa được bồi dưỡng, tập huấn về năng lực quản trị cơ sở giáo dục

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm quản lý giữa các thể hệ trong Nhà trường thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn hoặc các dịp kỉ niệm (20/11, thành lập Trường, thành lập Khoa...)	Nhà trường; Khoa GDMN	Hàng năm/ Theo kế hoạch
2	Khắc phục điểm tồn tại	Cử cán bộ quản lý trẻ tham gia các lớp bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng quản lý CSGD khi cơ quan cấp trên tổ chức.	Khoa GDMN và một số đơn vị có liên quan	Hàng năm

**5. Tự đánh giá:** Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 7.2: Đội ngũ giảng viên, giáo viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn.*

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường CĐSPTU có chức năng chính là đào tạo giáo viên mầm non. Vì vậy, Nhà trường tập trung xây dựng đội ngũ GV tham gia giảng dạy chương trình các ngành nói chung và ngành GDMN nói riêng nhằm đồng bộ hóa về cơ cấu và chuẩn hóa về trình độ đào tạo theo quy định [H7.07.02.01]

CTĐT ngành GDMN gồm có 149 giảng viên cơ hữu, số giảng viên nữ là 111 người (chiếm tỉ lệ 74.5%). Cơ cấu về độ tuổi: dưới 40 tuổi: 51 giảng viên (chiếm 34.2%); từ 40 tuổi đến 50 tuổi: 80 giảng viên (chiếm 53.7%); trên 50 tuổi: 18 giảng viên (12.1%). Đội ngũ giảng viên của ngành GDMN luôn đảm bảo sự cân bằng về kinh nghiệm chuyên môn và trẻ hóa đội ngũ. Về trình độ đào tạo: Tiến sĩ là 20 (chiếm 13.4%), Thạc sĩ 125 (chiếm 83.9%), số GV đang làm NCS là 06 (chiếm 4 %), Đại học 04 (chiếm 2.7%). Về chức danh nghề nghiệp: Giảng viên cao cấp 01 (chiếm 0.7%), Giảng viên chính hạng II là 47 (chiếm 31.5%), Giảng viên hạng III là 101 (chiếm 67.8%) [H7.07.02.02].



Giảng viên được phân công giảng dạy đúng chuyên môn, đảm bảo đủ số tiết định mức, điều này được thể hiện rõ qua Bảng kế hoạch phân công chuyên môn của các năm học [H7.07.02.03].

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng đội ngũ GV, bên cạnh các khóa bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch phát triển đội ngũ, giảng viên tham gia CTĐT luôn trau dồi năng lực chuyên môn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và luôn được Nhà trường tạo điều kiện tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức. [H7.07.02.04].

Cơ cấu đội ngũ giảng viên hợp lý theo bộ môn, đảm bảo mỗi bộ môn đào tạo đều có đủ thành phần giảng viên theo quy chuẩn để thực hiện CTĐT. Tỷ lệ quy đổi sinh viên ngành GDMN trên giảng viên của ngành là 15,6 sinh viên/giảng viên. Nhà trường đảm bảo được hệ số tỷ lệ quy định và đảm bảo chất lượng đào tạo theo nhiệm vụ và mục tiêu phát triển. [H7.07.02.05].

Đội ngũ cán bộ giảng viên có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc được giao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được quy định chi tiết trong quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức của Nhà trường [H7.07.01.06].

## 2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn tốt, nghiệp vụ; đủ về số lượng và cơ cấu đáp ứng được yêu cầu của CTĐT được điều chỉnh hàng năm.

## 3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên có trình độ Tiến sĩ còn ít so với tổng số lượng giảng viên toàn trường. Trong 3 năm trở lại đây không có GV tham gia đăng ký học NCS, sẽ không có nguồn lực trình độ cao kế thừa khi các GV có trình độ TS nghỉ chế độ hưu trí trong vài năm tới.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Số lượng NCS là nguồn lực nhân lực trình độ cao tiềm năng. Cần giảm tải khối lượng công việc, hỗ trợ tài	Nhà trường Khoa GDMN Cá nhân	Từ năm 2021 - 2023

		chính, có chính sách với những NCS học đúng hạn... khuyến khích NCS đang quá hạn để họ hoàn thành xong khóa học.		
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng cơ chế khuyến khích, động viên và hỗ trợ người học. Đề xuất với các cơ sở đào tạo có GV theo học NCS tháo gỡ những khó khăn mà NCS đang gặp phải.	Nhà trường Khoa GDMN Cá nhân	Năm 2022

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 7.3. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Hiện nay, 100% đội ngũ GV của CTĐT GDMN có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của CTĐT; 100% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, 93 giảng viên (chiếm 62.4%) giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II).

Trong quá trình phát triển CTĐT, Đề cương chi tiết học phần được nhà trường, Khoa xây dựng rất khoa học, trong đó, nội dung kiến thức, phương pháp dạy và học và kiểm tra đánh giá được thiết kế tương thích với CDR của học phần. Đề cương cũng thiết kế các kế hoạch, kịch bản dạy và học, lấy người học làm trung tâm. Phương pháp dạy học phát huy tính chủ động của người học, rèn luyện năng lực tự học suốt đời cho người học. [H7.07.03.01]

Bên cạnh giảng dạy, các giảng viên còn tham gia NCKH, làm chủ nhiệm các đề tài các cấp, có nhiều công trình thực hiện đúng tiến độ và đã được công bố [H7.07.03.02]. Ngoài ra, các giảng viên còn tham gia xây dựng, chỉnh lý và rà soát CTĐT; tham gia tập huấn, bồi dưỡng của Bộ Giáo dục và đào tạo triển khai; cùng các địa phương trên cả nước [H7.07.03.03].

Hội nghị tổng kết năm học hằng năm có nội dung về đánh giá hoạt động chuyên môn của đội ngũ giảng viên theo các tiêu chí đối với giảng viên của

Trường [H7.07.03.04]. Tại Khoa, các GV được tự báo cáo, đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để mọi người đóng góp ý kiến. Trường đơn vị đối chiếu với các nhiệm vụ được giao để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Kết quả đánh giá cho thấy từ năm 2016 đến nay, đội ngũ giảng viên của Khoa GDMN nói riêng và giảng viên toàn trường nói chung đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao[H7.07.03.05] và đã đạt được nhiều danh hiệu thi đua như: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ; Giấy khen của Hiệu trưởng, Bằng khen của Bộ trưởng và Thủ tướng Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT, Bằng khen của Trung ương Đoàn,... [H7.07.03.06].

## *2. Điểm mạnh*

Trường có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn chuyên sâu về GDMN, đáp ứng được việc giảng dạy và tham gia NCKH, phục vụ cộng đồng và đào tạo đội ngũ giáo viên mầm non chất lượng cao.

## *3. Điểm tồn tại*

Số lượng các bài báo công bố quốc tế, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước liên quan đến CTĐT còn hạn chế.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức Hội thảo các cấp nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học.	Các khoa, Phòng KHCN-HTQT	Năm 2022
2.	Khắc phục điểm tồn tại	Có chính sách khuyến khích GV thực hiện các bài báo công bố quốc tế và các đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Nhà nước.	Phòng KHCN-HTQT	Năm 2022

## *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.*

*Tiêu chí 7.4: Giảng viên, giáo viên được đánh giá năng lực và được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Theo từng quý và cuối năm học, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại viên chức người lao động nhằm đánh giá năng lực làm việc, kết quả thực hiện nhiệm vụ, tiến độ và chất lượng công việc. Căn cứ các Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 và Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020/NĐ-CP quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức để xây dựng Phiếu đánh giá. Các tiêu chuẩn trong phiếu được chia thành các mức độ khác nhau thuận lợi cho việc đánh giá, đồng thời cũng tạo động lực để đội ngũ giảng viên không ngừng phấn đấu, hoàn thiện.

Phẩm chất chính trị, đạo đức của giảng viên thể hiện qua các tiêu chí cụ thể sau: nhận thức tư tưởng chính trị; thái độ chấp hành chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy định của nhà trường; ý thức xây dựng tập thể; giữ gìn đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh. Thực hiện kỷ luật lao động, chấp hành quy chế làm việc của đơn vị và Nhà trường; chấp hành sự phân công, chỉ đạo của cấp trên. Phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc; Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy, lịch sự, hòa nhã đối với đồng nghiệp, người học. Năng lực giảng dạy, năng lực nghiên cứu khoa học được thể hiện qua việc hoàn thành định mức theo quy định. Để xây dựng một tiết học giảng viên phải có đầy đủ các kỹ năng chuẩn bị bài giảng, kỹ năng sử dụng phương pháp giảng dạy, biết cách sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy và kỹ năng kiểm tra đánh giá. Ngoài việc soạn và tổ chức thực hiện các bài giảng, giảng viên còn phải tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia vào các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn và tham gia các hoạt động của các tổ chức chính trị đoàn thể phát động. [H7.07.03.04].

Song song với quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới chương trình giảng dạy hoàn thiện CTĐT là quá trình đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ các bên liên quan được thực hiện hàng năm [H7.07.04.01].

Nhà trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia và hoàn thành CTĐT sau đại học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường tạo điều kiện về thời gian và có biện pháp khuyến khích, hỗ trợ về tài chính cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước

Với các viên chức đi học sau đại học và bồi dưỡng, tập huấn ở nước ngoài, Nhà trường đã thực hiện theo quy định của Nhà nước và của Nhà trường đối với từng viên chức cụ thể. Cán bộ, giảng viên được cử đi học nghiên cứu sinh trong nước được trừ 50% định mức giảng dạy và được hỗ trợ kinh phí thực hiện

lun án 10.000.000 đồng sau khi bảo vệ lun án. Cán bộ, giảng viên được cử đi học đại học, thạc sĩ trong nước được tính bằng 50% định mức của đi học nghiên cứu sinh [H7.07.04.02].

Hằng năm, Trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho GV của Khoa tham gia NCKH dưới nhiều hình thức như là nghiên cứu khoa học cấp trường, viết giáo trình, viết bài hội thảo khoa học trong và ngoài trường, viết bài tập san thông tin khoa học. Khoa GDMN đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp và nhận được sự tham gia tích cực của các GV trong khoa và toàn trường [H7.07.04.03]. Nhà trường có quy định khen thưởng, hỗ trợ cho các công trình NCKH của cán bộ, giảng viên cụ thể như sau: quy đổi số giờ công lao động trong năm, hỗ trợ kinh phí (theo quy chế chi tiêu nội bộ), lấy kết quả NCKH làm tiêu chí bình xét các danh hiệu thi đua [H7.07.04.04].

Từ năm 2016 đến nay, Nhà trường đã cử các giảng viên trong CTĐT tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, trung cấp lý luận chính trị. Trong đó có 06 nghiên cứu sinh, 93 giảng viên đi học bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), 09 giảng viên học Cao cấp lý luận chính trị, 20 giảng viên học Trung cấp Lý luận chính trị.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có chủ trương, biện pháp và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên, giáo viên, tạo điều kiện cho họ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ở ngoài nước và đặc biệt chú trọng đào tạo và phát triển các giảng viên trẻ.

## 3. Điểm tồn tại

Nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà trường đối với một số hoạt động bồi dưỡng chuyên môn còn chưa cao.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Giảng viên, giáo viên của nhà trường ham học hỏi, thường xuyên tự đầu tư kinh phí tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.	Các khoa, Phòng KHCN-HTQT	Hằng năm
2	Khắc phục	Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ các	Phòng KHTC	Năm 2022

	điểm tồn tại	hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.		
--	-----------------	---	--	--

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

*Tiêu chí 7.5: Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao; được đánh giá năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Số lượng nhân viên của CTĐT tổng số 16 người, hiện đang làm việc tại các phòng, trung tâm, giáo vụ khoa. Đội ngũ nhân viên này được đánh giá theo đúng quy định, được hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện hiệu quả công việc đáp ứng tốt cho các hoạt động của Nhà trường nói chung và của CTĐT ngành GDMN nói riêng. [H7.07.05.01].

Đây là đội ngũ nhân viên có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc được giao, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được quy định chi tiết trong quy chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức của Nhà trường [H7.07.01.06].

Đội ngũ nhân viên có chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực công tác, phục vụ tốt hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có tuổi đời trẻ, trung bình dưới 40 tuổi, 100% đạt trình độ ngoại ngữ B, sử dụng thành thạo các phần mềm máy tính phục vụ công tác. Đội ngũ cán bộ hành chính ngoài công việc được giao trong phòng, trung tâm, khoa còn là đội ngũ hỗ trợ thường xuyên cho cán bộ giảng viên sử dụng trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Điều này được thể hiện qua kết quả khảo sát mức độ hài lòng của người học, giảng viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên trong trường [H7.07.05.02].

Để phát triển và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của CTĐT, Nhà trường đã tạo điều kiện về thời gian cho nhân viên tham gia

khóa học quản lý hành chính nhà nước, tổ chức tập huấn về soạn thảo văn bản, hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện cho nhân viên tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và tham gia các bậc học cao hơn [H7.07.05.03].

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà trường dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ [H7.07.05.04]. Hằng năm, đội ngũ nhân viên thực hiện quy trình đánh giá: làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao; được nhận

binh xét, xếp loại. Trường đơn vị đối chiếu với các nhiệm vụ được giao để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Kết quả đánh giá cho thấy từ năm 2016 đến nay, nhân viên của Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H7.07.03.05], nhận được giấy khen của Hiệu trưởng và các danh hiệu khác [H7.07.03.06].

## *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được quy hoạch đáp ứng hiệu quả công việc phục vụ cho việc nâng cao chất lượng dạy và học.

Đội ngũ nhân viên có trình độ phù hợp, nhiệt tình, trách nhiệm và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

## *3. Điểm tồn tại*

Các hoạt động tổ chức bồi dưỡng kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm...) cho đội ngũ nhân viên chưa nhiều.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cử nhân viên tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng theo chuyên đề hoặc theo nhu cầu công việc.	Các khoa, Phòng KHCN-HTQT	Từ năm 2021 trở đi
2	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ tổ chức các đợt tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn bản hành chính và kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên trong đơn vị.	Phòng TC - HC Phòng KH - TC	Từ năm 2021 trở đi

## *5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức.*

*Tiêu chí 7.6: Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên bảo đảm đúng quy định, công khai và minh bạch*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, đó là những tiêu chuẩn về đạo đức, kinh nghiệm giảng dạy, năng lực nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý đều lấy từ nguồn quy hoạch, đảm bảo quy trình chặt chẽ, đầy đủ các bước, công khai, công

bằng và minh bạch; thông báo các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên công, các quy chế về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, quy chế bổ nhiệm được công khai trên website của Nhà trường thông qua các báo cáo và kết luận giao ban hàng tháng [H7.07.06.01].

Hiện tại, để tạo nguồn GV giảng dạy CTĐT ngành GDMN, Nhà trường không tuyển dụng GV mới mà tận dụng nguồn nhân lực tại chỗ, đó là những giảng viên thuộc các khoa khác đã được Nhà trường tạo điều kiện kinh phí và thời gian để tham gia đào tạo về chuyên ngành GDMN. Kế hoạch sát hạch được thông qua các cuộc họp lãnh đạo, từ đó triển khai, thông báo tới toàn thể giảng viên, nhân viên trong trường. Tiêu chí lựa chọn giảng viên thể hiện cụ thể trong các Kế hoạch sát hạch giảng viên các khoa sang khoa GDMN, kế hoạch chuyển ngạch chuyên viên sang giảng viên [H7.07.06.02]. Hồ sơ các ứng viên được gửi tới bộ phận Tổ chức cán bộ của phòng Tổ chức - Hành chính. Nhà trường thành lập các Hội đồng sát hạch để xem xét hồ sơ và tổ chức sát hạch. Sau khi có kết quả sát hạch, những giảng viên đủ điều kiện được điều động sang tổ bộ môn phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H7.07.06.03].

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động viên chức trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn ngoài việc dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ mà còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý theo nhiệm kỳ; các quy trình thực được thực hiện đúng quy định và được thông báo rộng rãi tới toàn thể GV, NV trong toàn trường [H7.07.06.04].

Trong 5 năm vừa qua, Nhà trường có nhiều biến động về nhân sự để phù hợp với sự phát triển chung của ngành giáo dục, cũng như sự phát triển sứ mạng của trường. Một số vị trí quản lý được bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại phù hợp với nhu cầu thực tế của từng đơn vị [H7.07.06.05]. Một số vị trí giảng viên, chuyên viên, giáo viên mầm non được điều động, chuyển chuyên phù hợp với năng lực cá nhân và đòi hỏi của vị trí việc làm trong tình hình mới. [H7.07.06.06].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, nhân viên để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến của các bên liên quan trong việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm còn chưa được thực hiện thường xuyên.

## *4. Kế hoạch hành động*



T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Trường có đội ngũ nhân lực tương đối trẻ, có trình độ cao, nhạy bén, nhanh chóng tiếp cận với xu thế mới.		Năm học 2021 - 2022
2	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến của các bên liên quan	Phòng TC - HC Khoa GDMN	Từ năm 2022 trở đi

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức.

**Kết luận về tiêu chuẩn 7:** Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tham gia CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng có đủ về số lượng, cơ cấu, có phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của nội dung chương trình, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo; Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ được chú trọng; nhiều giảng viên được tham gia các khóa học tập trong và ngoài nước. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình và quy định.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực trình độ cao còn hạn chế, các hoạt động tổ chức bồi dưỡng kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm...) cho đội ngũ nhân viên chưa nhiều; việc tìm kiếm nguồn nhân sự tiềm năng bổ sung vào nguồn quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý gặp một số khó khăn nhất định.

Trong những năm học tới, Nhà trường tăng cường tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ, khuyến khích giảng viên, nhân viên đi học nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Mở rộng nguồn quy hoạch với các đơn vị khác ngoài trường, đồng thời phát triển và trẻ hóa nguồn quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý.

*Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí đạt mức 5/7, 1 tiêu chí đạt mức 4/7.*

#### **Tiêu chuẩn 8: Thư viện trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác**

**Mở đầu:** Song song với việc xây dựng đội ngũ CBQL, giảng viên và nhân viên để phát triển Nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã không ngừng đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và NCKH. Hằng năm, nhà trường bổ sung, sửa chữa mua sắm trang thiết bị hiện đại trang bị cho phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm.

Công tác quản lý CSVC, thiết bị thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về sử dụng và quản lý tài sản công. Kí túc xá đáp ứng nhu cầu người học. Trường có đủ các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, bảo đảm an toàn cho người học, công tác an ninh trật tự được đảm bảo tốt.

*Tiêu chí 8.1: Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có vị trí thuận lợi trên mặt đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội với tổng diện tích mặt bằng đất là 12.622m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng là 16.944m<sup>2</sup>, được xây dựng 10 tòa nhà từ 2 đến 5 tầng và một số công trình cấp 4 phụ trợ [H8.08.01.01]. Hằng năm, Trường có phê duyệt kế hoạch cải tạo, sửa chữa các phòng học, phòng thực hành để đáp ứng yêu cầu về phòng học, phòng thực hành và thực tập đặc thù [H8.08.01.05].

Tổng số phòng học của Nhà trường hiện có 202 phòng, với tổng diện tích là 16.199m<sup>2</sup>. Trong đó: 75 phòng học giảng đường với diện tích là 3753m<sup>2</sup> [H8.08.01.02], 127 phòng học thực hành với diện tích 12.446m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ dạy và học như bàn ghế, âm thanh, ánh sáng, hệ thống máy tính, máy projector, máy cassette, mạng wifi, kết nối mạng LAN và internet phục vụ tốt cho việc dạy và học [H8.08.01.04]; [H8.08.01.06].

Nhà trường có 3 trường Mầm non thực hành là cơ sở để HSSV được thực hành, thực tập và sinh hoạt chuyên đề: Trường Mầm non Thực hành Hoa Hồng với diện tích gần 8.000m<sup>2</sup>, Trường Mầm non Thực hành Hoa Sen với diện tích gần 6.500m<sup>2</sup> và Trường Mầm non Thực hành Hoa Thủy Tiên nằm trong khuôn viên của Nhà trường [H8.08.01.01].

Hiện nay, Trường có 127 phòng học thực hành với diện tích 12.446m<sup>2</sup> [H8.08.01.04], trong đó bao gồm: 87 phòng thực hành mầm non với tổng diện tích 7.901m<sup>2</sup>; 7 phòng học thực hành tin học với tổng diện tích 425m<sup>2</sup>; 4 phòng thực hành âm nhạc có với tổng diện tích 100m<sup>2</sup>; 1 phòng thực hành múa với diện tích 110 m<sup>2</sup>; 3 phòng thực hành mỹ thuật với diện tích 580m<sup>2</sup>; 1 phòng thực hành văn hóa nghệ thuật với tổng diện tích 80m<sup>2</sup>, 2 phòng thực hành thư viện với tổng số diện tích 750m<sup>2</sup>, 13 phòng học ngoại ngữ với diện tích 633m<sup>2</sup>, 4 phòng thực hành dinh dưỡng với diện tích là 660m<sup>2</sup> và 5 hội trường đa năng dùng để thực hành nghiệp vụ nghề nghiệp với tổng diện tích 1.207m<sup>2</sup> [H8.08.01.06].

Năm học	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020
Phòng học	76 phòng	76 phòng	76 phòng	75 phòng

chung	3833m <sup>2</sup>	3833m <sup>2</sup>	3833m <sup>2</sup>	3.753m <sup>2</sup>
Phòng học thực hành mầm non	81 phòng 6.901m <sup>2</sup>	81 phòng 6.901m <sup>2</sup>	81 phòng 6.901m <sup>2</sup>	87 phòng 7.901m <sup>2</sup>
Phòng Thực hành tin	8 phòng 511m <sup>2</sup>	7 phòng 425m <sup>2</sup>	7 phòng 425m <sup>2</sup>	7 phòng 425m <sup>2</sup>
Phòng thực hành múa	02 phòng 150m <sup>2</sup>	01 phòng 110m <sup>2</sup>	01 phòng 110m <sup>2</sup>	01 phòng 110m <sup>2</sup>
Phòng thực hành âm nhạc	04 phòng 100m <sup>2</sup>	04 phòng 100m <sup>2</sup>	04 phòng 100m <sup>2</sup>	04 phòng 100m <sup>2</sup>
Phòng thực hành mỹ thuật	03 phòng 580m <sup>2</sup>	03 phòng 580m <sup>2</sup>	03 phòng 580m <sup>2</sup>	03 phòng 580m <sup>2</sup>
Phòng thực hành thư viện	6 phòng 750m <sup>2</sup>	2 phòng 750m <sup>2</sup>	2 phòng 750m <sup>2</sup>	2 phòng 750m <sup>2</sup>
Phòng thực hành văn hóa nghệ thuật	2 phòng 130m <sup>2</sup>	1 phòng 80m <sup>2</sup>	1 phòng 80m <sup>2</sup>	1 phòng 80m <sup>2</sup>
Phòng học ngoại ngữ	13 phòng 633m <sup>2</sup>	13 phòng 633m <sup>2</sup>	13 phòng 633m <sup>2</sup>	13 phòng 633m <sup>2</sup>
Phòng thực hành dinh dưỡng	3 phòng 580m <sup>2</sup>	3 phòng 580m <sup>2</sup>	3 phòng 580m <sup>2</sup>	4 phòng 660 m <sup>2</sup>
Phòng thực hành nghiệp vụ nghề nghiệp	5 phòng 1207m <sup>2</sup>	5 phòng 1207m <sup>2</sup>	5 phòng 1207m <sup>2</sup>	5 phòng 1.207m <sup>2</sup>

Tại Quyết định số 1536/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng nhà đa chức năng - Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, với quy mô đầu tư là 4.800 m<sup>2</sup> xây dựng, bổ sung khoảng 10 phòng làm việc, phòng học đa năng (diện tích khoảng 105m<sup>2</sup>) và 25 phòng học chuyên ngành (diện tích khoảng 65m<sup>2</sup>) [H8.08.01.05].

Các phòng thực hành đã được trang bị đầy đủ trang thiết bị, học liệu như đàn Piano, đàn Organ, bảng chống lóa có khuông nhạc, giá vẽ di động, giá vẽ hai mặt, giá vẽ một mặt, cùng nhiều tranh, khối hình, tượng mẫu, tranh ảnh, mẫu vật, đèn chiếu Overhead, đầu đĩa DVD, máy tính nối mạng hiện đại và thường xuyên có cán bộ, giảng viên trực để quản lý, khắc phục sự cố, hướng dẫn sử

dụng trang thiết bị và có sự phối hợp giữa các đơn vị có liên quan để bố trí sử dụng hợp lý và hiệu quả. Các phòng thực hành, phòng thí nghiệm được cung cấp hướng dẫn đầy đủ [H8.08.01.04].

Trang thiết bị phục vụ dạy và học: các phòng học đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị và học liệu phục vụ học tập của học sinh, sinh viên như bàn ghế đạt chuẩn, máy chiếu, bảng chống lóa, rèm cản sáng, đèn, quạt, một số phòng học chất lượng cao và phòng học đặc thù có lắp điều hòa nhiệt độ. Hằng năm, Nhà trường phê duyệt kế hoạch và thực hiện việc mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị và học liệu [H8.08.01.08]. Tại Quyết định số 2807/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 07/9/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Sửa chữa Hội trường, Ký túc xá, giảng đường Trường Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Trường được đầu tư sửa chữa đồng bộ ký túc xá, hội trường đa chức năng, giảng đường một cách đồng bộ cơ sở vật chất, tạo môi trường giáo dục tốt phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập giúp nâng cao chất lượng giáo dục cho Trường [H8.08.01.05].

Đến nay, Trường có: 112 bộ máy tính văn phòng để bàn, 105 bộ máy tính thực hành để bàn, 3 máy tính xách tay, 57 bộ máy chiếu và màn chiếu; có máy chủ phục vụ cho công tác đào tạo và tuyển sinh [H8.08.01.04]. Phòng thực hành máy tính được trang bị đủ trang thiết bị như điều hòa nhiệt độ, bàn ghế, bảng đạt chuẩn, thường xuyên cử cán bộ bảo dưỡng máy tính, giảng viên chuyên trách phụ trách và hướng dẫn học tập để đạt hiệu quả cao trong phục vụ dạy và học [H8.08.03.02].

Về mức độ đáp ứng, hiệu quả quản lý, sử dụng hệ thống các phòng học, giảng đường, thực hành thí nghiệm, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi thông qua trao đổi trực tiếp với sinh viên tại các cuộc đối thoại SV, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, hằng năm, giữa khóa và cuối khóa. Đồng thời đã tiến hành phát phiếu khảo sát SV trước khi tốt nghiệp về mức độ đáp ứng phòng học, phòng thực hành, đảm bảo ánh sáng, âm thanh, độ thông thoáng ... Kết quả được thể hiện qua điều tra 4 năm: khóa 2017 - 2020, 21% sinh viên rất hài lòng và 63,1% sinh viên hài lòng; khóa 2018 - 2021, 20,1% sinh viên rất hài lòng và 61,1% sinh viên hài lòng; khóa 2019 - 2022, 20,1 % sinh viên rất hài lòng và 61,4% sinh viên hài lòng, khóa 2020 - 2023, 22,6% sinh viên rất hài lòng và 62,4% sinh viên hài lòng, có 24% người khuyết tật rất hài lòng và 72,1% hài lòng về mức độ đáp ứng phòng học, phòng thực hành, đảm bảo ánh sáng, âm thanh, độ thông thoáng của Trường [H8.08.01.07].

## *2. Điểm mạnh*

Có đủ phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Trường có đủ các phòng thực hành, phòng học đặc thù; được đầu tư trang bị đầy đủ các trang thiết bị và học liệu phục vụ học tập của sinh viên theo yêu cầu. Ngoài ra, có 3 trường Mầm non thực hành thuộc Trường là nơi tổ chức các hoạt động thực hành thực tập cho học sinh sinh viên.

### 3. Điểm tồn tại

Diện tích mặt bằng đất của Trường có hạn, cơ sở vật chất dành cho khu giáo dục thể chất còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác cơ sở vật chất sẵn có để phục vụ có hiệu quả nhất</li> <li>- Sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý tài sản công theo thực tiễn của nhà trường nhằm phát huy quản lý, sử dụng tốt nhất hiện trạng cơ sở vật chất</li> </ul>	Các đơn vị trong toàn Trường Các đơn vị trong toàn Trường	Hằng năm Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục đầu tư kinh phí để cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.</li> <li>- Triển khai dự án nhà đa chức năng - Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương</li> <li>- Triển khai dự án sửa chữa Hội trường, Ký túc xá, giảng đường</li> </ul>	Nhà trường Các đơn vị liên quan	Hằng năm Từ năm 2022 - 2024 Năm 2022

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đo 7 mức

*Tiêu chí 8.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Được thành lập từ năm 1988, hiện nay, Thư viện Trường có tên là Trung tâm Thông tin - Thư viện (Gọi tắt là Thư viện). Thư viện có tổng diện tích gần 500m<sup>2</sup>, gồm có các phòng chuyên môn như: phòng Nghiệp vụ, phòng Tham khảo và phòng Giáo trình [H8.08.02.01]. Thư viện được thiết kế và xây dựng theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ

mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Trong đó, các phòng phục vụ có gần 100 chỗ ngồi, đảm bảo các tiêu chuẩn về ánh sáng; bàn ghế, giá sách, tủ sách theo quy định, đảm bảo về điều kiện phòng cháy chữa cháy, thoát hiểm. Các phòng này được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết gồm: cổng an ninh, kiosk tra cứu thông tin, máy tính với phần mềm tra cứu... Các phòng phục vụ đều có cán bộ có trình độ chuyên môn thư viện phụ trách. Thư viện có đầy đủ các văn bản quy định thời gian phục vụ và nội quy của từng phòng chức năng, quy định liên quan đến hoạt động thư viện [H8.08.02.02]

Thư viện có đầy đủ học liệu, bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo... phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo. Tính đến tháng 5/2021, về tài liệu truyền thống, Thư viện có khoảng 14.000 tên với khoảng 96.000 bản, 32 loại báo và tạp chí, 60 tên đĩa VCD, CD tư liệu phục vụ đào tạo giáo viên, 655 tên tài liệu nội sinh gồm luận án, luận văn, khóa luận, đề tài nghiên cứu, tài liệu hội nghị hội thảo. Phục vụ cho ngành đào tạo GDMN của Nhà trường, Thư viện có 98 tên giáo trình, với 11.980 bản, 290 tên tài liệu tham khảo, với 16.206 bản. Từ năm 2020, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 100 tên trong đó phần lớn là tài liệu nội sinh [H8.08.02.03].

Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hằng năm, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường. [H8.08.02.04]. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện điện tử Kipos phiên bản 7.0.7.2. Độc giả có thể tra cứu tài liệu qua cổng thông tin điện tử: <http://thuvien.cdsptw.edu.vn> [H8.08.02.05].

Trong 5 năm học, từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021, số lượt người học và giảng viên đến thư viện đạt 50.103 lượt, bình quân 10.000 lượt/năm học, không tính lượt truy cập để tra cứu thông tin trên trang thông tin của Thư viện [H8.08.02.06].

Tỉ lệ kinh phí Trường đầu tư cho thư viện trên tổng kinh phí của Nhà trường từ năm 2016 đến năm 2020 là 7.071.175.000 đồng, bình quân 1.414.235 đồng/ năm [H8.08.02.07].

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống thư viện của Nhà trường. Kết quả điều tra lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành GDMN cho thấy cán bộ, giảng viên và sinh viên rất

hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Có 75,5% người học đánh giá mức độ đáp ứng nguồn tài liệu tại thư viện là hài lòng và rất hài lòng; 25,5% đánh giá mức độ đáp ứng là bình thường. Về thái độ phục vụ của cán bộ thư viện: 93,5% bạn đọc hài lòng và rất hài lòng. Qua ý kiến phản hồi từ người đọc, Thư viện có những điều chỉnh kịp thời. Công tác tổ chức phục vụ người học tương đối khoa học, cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập của người học [H8.08.02.08].

## 2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, đáp ứng nhu cầu của người học, cán bộ, giảng viên và của CTĐT GDMN. Thư viện điện tử cho phép cán bộ, giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập vào nguồn tài liệu điện tử của Nhà trường. Công tác tổ chức phục vụ đáp ứng yêu cầu học tập của người học.

## 3. Điểm tồn tại

Việc bổ sung tài liệu mới đôi lúc còn chưa kịp thời.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Khai thác nguồn tài liệu sẵn có để phục vụ bạn đọc có hiệu quả nhất. Đa dạng hoá các hình thức phục vụ bạn đọc để thu hút bạn đọc đến thư viện.	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục bổ sung thêm tài liệu đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo ngành GD Mầm non.	Khoa GDMN Các đơn vị liên quan	Hàng năm

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đo 7 mức

*Tiêu chí 8.3: Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến phù hợp và được cập nhật để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Trường CĐSPTU có hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học và công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, hệ thống Internet, trang thông tin điện tử, ...) phù hợp để phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của CTĐT.

Để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo, Nhà trường đã đầu tư mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị về công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu học tập của người học; đồng thời, Trường tạo điều kiện tốt nhất để tiếp cận công nghệ thông tin, Nhà trường đã lắp đặt hệ thống đường truyền internet với tốc độ Download/Upload: 400 Mbps; Băng thông quốc tế: 18,9 Mbps, phủ sóng toàn trường [H8.08.03.01].

Trường đã trang bị đầy đủ máy tính nối mạng, máy chiếu, máy photocopy cho sinh viên học tập. Hằng năm, Nhà trường có phê duyệt kế hoạch để mua sắm bổ sung mới, sửa chữa, bảo dưỡng máy để đảm bảo hoạt động tốt, phục vụ tốt cho việc quản lý và điều hành của khoa, phòng, ban, trung tâm [H8.08.01.08]. Một số phòng như phòng Quản lý Đào tạo, phòng Kế hoạch - Tài chính có cài đặt phần mềm riêng để hỗ trợ cho công tác quản lý chuyên môn [H8.08.01.03]. Năm 2020, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư xây dựng phần mềm LMS, đường truyền; xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng CNTT cho sản xuất học liệu điện tử, xây dựng 03 chuyên đề bồi dưỡng giáo viên theo định dạng e-learning phục vụ bồi dưỡng giáo viên mầm non qua mạng tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương [H8.08.01.05].

Riêng máy tính và thiết bị công nghệ thông tin trực tiếp phục vụ và hỗ trợ người học tiếp cận công nghệ thông tin, Nhà trường đã trang bị thiết bị trình chiếu phục vụ giảng dạy và học tập (máy projector, màn chiếu) được lắp cố định ở các phòng học, hội trường; với tổng số 57 bộ máy projector và màn chiếu [H8.08.01.07]. Các hội trường và một số phòng học đặc thù, một số khoa còn trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, máy cassette, tivi và loa di động và mạng wifi toàn Trường [H8.08.01.04].

Việc đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu Nhà trường đã cài phần mềm diệt virus kaspersky, hệ thống trang web quản lý đào tạo có back up dữ liệu tự động, những phần mềm được thuê ở ngoài đã được đảm bảo tính bảo mật và đảm bảo an toàn dữ liệu [H8.08.01.05]

Đến năm 2020, Nhà trường đã lắp đặt mới máy tính đồng bộ của 7 phòng học máy tính là 105 bộ được kết nối mạng LAN và internet phục vụ việc dạy học và thực hành bộ môn tin học cho các hệ đào tạo trong Nhà trường [H8.08.03.05], có đội ngũ kỹ thuật viên chuyên phụ trách bảo dưỡng, duy tu các thiết bị, trợ giúp về mặt kỹ thuật cho giảng viên và người học đảm bảo để các thiết bị hoạt động thường xuyên, đáp ứng yêu cầu dạy và học [H8.08.03.06].

Kết quả được thể hiện qua điều tra 4 năm: khóa 2017 - 2020, 20% sinh viên rất hài lòng và 60,1% sinh viên hài lòng; khóa 2018 - 2021, 21,5% sinh



viên rất hài lòng và 62,1% sinh viên hài lòng; khóa 2019 - 2022, 23,2 % sinh viên rất hài lòng và 65.4% sinh viên hài lòng, khóa 2020 - 2023, 25.4% sinh viên rất hài lòng và 69,1% sinh viên hài lòng, có 24.5% người khuyết tật rất hài lòng và 71.3% người khuyết tật hài lòng về thái độ tiếp nhận và xử lý khi có phản hồi của học sinh sinh viên, người khuyết tật về cơ sở vật chất của Trường [H8.08.03.07].

Hằng năm, Nhà trường có phê duyệt kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị tin học và thường xuyên sửa chữa những sai hỏng để trang thiết bị công nghệ thông tin vận hành tốt phục vụ dạy và học [H8.08.03.04].

Trường đã lắp đặt và vận hành tốt phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nối mạng LAN và internet toàn hệ thống máy tính trong Nhà trường, hướng dẫn và cung cấp địa chỉ trên mạng để người học truy cập thông tin phục vụ việc học tập và nghiên cứu [H8.08.03.03].

Nhà trường tăng cường bổ sung máy tính và phòng thực hành mới; giao cho Khoa CNTT và GDNN tổ chức các lớp tập huấn về sử dụng trang thiết bị công nghệ thông tin cho giảng viên và yêu cầu giảng viên ứng dụng vào dạy học trực tuyến [H8.08.01.08].

Năm 2021, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư hoàn thiện hệ thống phần mềm và hạ tầng CNTT phục vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non và cán bộ quản lý GDMN. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng CNTT phục vụ vận hành hệ thống LMS và phần mềm quản lý GDMN; Đầu tư 01 phòng học đa năng nâng cao năng lực dạy học trên môi trường trực tuyến cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non; Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm và phòng học mẫu tại các cơ sở thực hành; Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống phần mềm LMS; Số hóa 10 Module bồi dưỡng đã được triển khai xây dựng năm 2020 để phục vụ bồi dưỡng trực tuyến cho giáo viên mầm non và chuyển giao công nghệ [H8.08.01.05].

Kết quả được thể hiện qua điều tra 4 năm: khóa 2017 - 2020, 20% sinh viên rất hài lòng và 60,1% sinh viên hài lòng; khóa 2018 - 2021, 21,1% sinh viên rất hài lòng và 62,1% sinh viên hài lòng; khóa 2019 - 2022, 20,2 % sinh viên rất hài lòng và 65.4% sinh viên hài lòng, khóa 2020 - 2023, 23.2% sinh viên rất hài lòng và 63,3% sinh viên hài lòng, có 24.5% người khuyết tật rất hài lòng và 72.3% người khuyết tật hài lòng về cơ sở vật chất của Trường [H8.08.03.07].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã trang bị cho các phòng học, hội trường và phòng học máy tính đầy đủ về thiết bị công nghệ thông tin. Hằng năm, có kế hoạch mua sắm bổ sung, sửa chữa, bảo dưỡng. Đã kết nối mạng LAN và internet đủ điều kiện để tổ chức dạy học môn tin học đạt chất lượng theo yêu cầu. Đã triển khai đồng bộ các biện pháp hỗ trợ người học tiếp cận với công nghệ thông tin tương đối có hiệu quả.

### 3. Điểm tồn tại

Một số thiết bị máy tính, máy chiếu đã cũ, xuống cấp cần sửa chữa và bổ sung, thay mới kịp thời.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác cơ sở vật chất sẵn có để phục vụ có hiệu quả nhất</li> <li>- Tập trung đầu mỗi quản lý sử dụng theo thực tiễn của nhà trường nhằm phát huy quản lý, sử dụng tốt nhất hiện trạng cơ sở vật chất</li> </ul>	Các đơn vị trong toàn Trường	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục đầu tư kinh phí bằng nhiều nguồn vốn khác nhau để tăng cường bổ sung máy tính và phòng thực hành mới; giao cho Khoa CNTT và GDNN tiếp tục tập huấn về sử dụng trang thiết bị công nghệ thông tin nhất là hệ thống LMS sản xuất học liệu cho giảng viên và yêu cầu giảng viên ứng dụng vào dạy học trực tuyến, đáp ứng yêu cầu CTĐT của ngành GDMN</li> <li>- Hoàn thành đưa vào sử dụng dự án dự án đầu tư hoàn thiện hệ thống phần mềm và hạ tầng CNTT phục vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non và</li> </ul>	<p>Phòng KHTC các đơn vị liên quan</p> <p>Nhà trường; các đơn vị liên quan</p>	<p>Hằng năm</p> <p>2021 - 2022</p>

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
		cán bộ quản lý GDMN của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương		

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đo 7 mức

*Tiêu chí 8.4. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là một ngôi trường xanh - sạch - đẹp và an toàn. Xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc xây dựng môi trường, bảo vệ sức khỏe và đảm bảo an toàn cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, Nhà trường luôn chú trọng triển khai thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Vấn đề về môi trường, sức khỏe và an toàn được Nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ. Để đảm bảo vệ sinh môi trường tại phòng học, phòng làm việc và ký túc xá, Trung tâm Dịch vụ trường tiến hành thuê các đơn vị chuyên môn thực hiện công tác dọn vệ sinh phòng học, phòng làm việc và ký túc xá, thu gom, vận chuyển rác thải. Trạm Y tế thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh trường học, phòng chống dịch bệnh, đồng thời phối hợp với Sở Y tế Hà Nội giám sát công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch sốt xuất huyết [H8.08.04.03]. Ngoài ra, Nhà trường lập kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt tập thể” dành cho học sinh các lớp phổ thông dành cho người Điếc [H8.08.04.01].

Năm 2020, cùng với cả nước, Nhà trường cũng đã triển khai các chương trình vệ sinh môi trường, khử khuẩn trường học để đảm bảo công tác phòng chống dịch COVID - 19. Nhà trường đã thành lập ban chỉ đạo phòng chống Covid - 19 và có trang bị đầy đủ xà phòng nước rửa tay sát khuẩn tất cả các hành phòng học và khu hiệu bộ và tiến hành đo thân nhiệt của cán bộ giảng viên, sinh viên trước khi vào trường. Nhà trường cũng đã thực hiện phát khẩu trang miễn phí cán bộ giảng viên trong thời gian dịch bệnh xảy ra. Ngoài ra, công tác thực hiện giãn cách xã hội, rà soát các đối tượng tiếp xúc và khai báo y tế cũng được tiến hành một cách nghiêm túc và thường xuyên [H8.08.04.03].

Đồng thời, Nhà trường phối hợp với các cơ quan chức năng thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thử nghiệm nguồn nước

giếng sau lọc phục vụ cho nhu cầu của Nhà trường [H8.08.04.03]. Chất lượng nước sử dụng cho các hoạt động tại trường học luôn được đảm bảo. Hàng năm, nước sinh hoạt luôn được xét nghiệm để khẳng định chất lượng nước đảm bảo yêu cầu về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN02:2009/BYT [H8.08.04.03]. Từ khuôn viên trường, các phòng làm việc đến hệ thống phòng học giảng đường sạch sẽ, thoáng mát có đầy đủ hệ thống chiếu sáng và hệ thống quạt gió đạt quy chuẩn đáp ứng các yêu cầu về môi trường, sức khỏe và an toàn [H8.08.01.07]. Để tạo không gian và cảnh quan thân thiện với môi trường, Nhà trường đã thực hiện chỉnh trang sân trường, trồng thêm cây xanh và cây tiểu cảnh trong khuôn viên trường. Hiện nay, cây xanh được trồng và chăm sóc tỉ mỉ, tạo cảnh quan, không gian thoáng mát cho cán bộ, giảng viên và người học.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động công tác Y tế trường học, phối hợp với Bệnh viện Đa khoa Hà Thành tổ chức thực hiện việc khám sức khỏe đầu khoá cho sinh viên và khám sức khỏe định kỳ một lần một năm cho toàn bộ cán bộ giảng viên. Phòng y tế của trường đặt gần khu nội trú và trong khuôn viên của trường, hoạt động liên tục 5/7 ngày trong tuần phục vụ nhu cầu khám và chăm sóc sức khỏe cơ bản, thường xuyên cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong toàn trường [H8.08.04.03]. Công tác thông báo, đôn đốc và triển khai thu nộp tiền mua bảo hiểm y tế, khám sức khỏe; động viên, khuyến khích các CBGV và SV tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Đối với sinh viên, hàng năm, Nhà trường tổ chức khám sức khỏe đầu vào cho sinh viên mới nhập học để đảm bảo các bạn sinh viên đều có sức khỏe tốt để theo học trong môi trường học tập mới. [H8.08.04.01].

Lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, có trách nhiệm trực, bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Nhà trường thành lập tổ PCCC, cử nhiều cán bộ tham gia tập huấn PCCC, tự thực tập phương án chữa cháy, phối hợp với Cảnh sát PCCC TP. Hà Nội và Công an Quận Cầu Giấy huấn luyện nghiệp vụ PCCC, kiểm tra, giám sát công tác PCCC [H8.08.04.02].

Hàng năm, Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác chăm và bảo vệ sức khỏe cho sinh viên trong thời gian học tập tại trường; về chất lượng môi trường học tập, các chính sách phục vụ cộng đồng, về công tác đảm bảo an ninh trật tự trong Nhà trường. Kết quả khảo sát các năm học học cho thấy mức độ hài lòng về vấn đề sức khỏe, an toàn, môi trường trong nhà trường đều đạt trên 85% [H8.08.03.07].

## *2. Điểm mạnh*

Trường có lực lượng bảo vệ chuyên trách, được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; có quy định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng của Tổ Bảo vệ.

Trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy và tập huấn hằng năm về công tác phòng cháy, chữa cháy; có phương án phòng cháy chữa cháy của cơ quan và đã phối hợp tốt với các cơ quan an ninh địa phương làm tốt công tác bảo vệ an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy.

Hằng năm, trong chương trình tuần sinh hoạt công dân - học sinh sinh viên đầu khóa, Nhà trường tổ chức phổ biến, tuyên truyền với sinh viên về vấn đề an ninh trật tự, phòng tránh tai nạn, phòng cháy chữa cháy, xử trí tình huống đảm bảo sức khỏe.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát và phỏng vấn cán bộ quản lý, giảng viên, người học về các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật chưa được thực hiện trên diện rộng.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tuyên truyền thực hiện tốt công tác môi trường, sức khỏe, an toàn cho toàn thể cán bộ, giảng viên, HSSV trong toàn Trường	Các đơn vị trong toàn Trường	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Lập kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị và triển khai trên diện rộng việc khảo sát và phỏng vấn CBQL, GV, NH các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật đáp ứng yêu cầu CTĐT của ngành GDMN	Phòng CTHSSV Phòng QLĐT Các đơn vị liên quan	Hằng năm

### 5. Đánh giá: Đạt mức 4 theo thang đo 7 mức

**Kết luận tiêu chuẩn 8:** Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở trang thiết bị học tập, cơ sở vật chất, thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí thiết yếu để tham khảo và học tập đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Có đủ phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu CTĐT.

Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng thực hành, phòng đặc thù với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu của các CTĐT. Đặc biệt, trường có 3 trường Mầm non thực hành trực thuộc Trường là nơi tổ chức các hoạt động thực hành thực tập cho học sinh sinh viên. Phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu được bố trí phù hợp, thuận tiện cho công tác quản lý và chuyên môn.

Trang bị đầy đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy và tập huấn hằng năm về công tác phòng cháy, chữa cháy; có phương án phòng cháy chữa cháy của đơn vị và đã phối hợp tốt với các cơ quan an ninh địa phương làm tốt công tác bảo vệ an ninh, trật tự.

Nhà trường có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phát triển đầu tư xây dựng trung hạn và hướng tới kế hoạch phát triển Nhà trường giai đoạn đến năm 2030, có kế hoạch cụ thể hằng năm về phát triển cơ sở vật chất phù hợp với quy hoạch tổng thể của Trường.

Tuy nhiên, do diện tích mặt bằng đất của Trường có hạn, khu giáo dục thể chất còn hạn chế. Một số thiết bị máy tính, máy chiếu đã cũ, xuống cấp cần sửa chữa và bổ sung, thay mới. Việc bổ sung tài liệu mới đôi lúc còn chưa kịp thời, khảo sát và phỏng vấn cán bộ quản lý, giảng viên, người học chưa được lấy trên diện rộng. Trong thời gian tới, Trường tiến hành rà soát thiết bị máy tính, máy chiếu, triển khai trên diện rộng khảo sát và phỏng vấn cán bộ quản lý, giảng viên, người học các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

*Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 8 có 3 tiêu chí đạt mức 5/7 và 1 tiêu chí đạt mức 4/7.*

### **Tiêu chuẩn 9: Bảo đảm và nâng cao chất lượng**

**Mở đầu:** CTĐT có ảnh hưởng lớn đến chất lượng, uy tín, thương hiệu đào tạo của của Nhà trường. Việc bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT là nhiệm vụ quan trọng, thiết thực, cần có chiến lược dài lâu. Làm thế nào để các khóa sinh viên ngành GDMN tốt nghiệp ra trường đạt được CĐR, đáp ứng được ngay các yêu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội, là vấn đề mà Trường Cao đẳng Sư

phạm Trung ương đặc biệt quan tâm. Vì vậy, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương đã và đang từng bước nỗ lực thực hiện quy trình bảo đảm và nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ, thống nhất. Từ việc xây dựng các chính sách phù hợp; liên hệ với các cơ sở GDMN; tổ chức kiến tập, thực tập sư phạm; đánh giá quá trình dạy và học; đánh giá kết quả học tập của người học đến việc nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ các tiện ích; khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan để nâng cao chất lượng đào tạo.

*Tiêu chí 9.1: Có các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Năm 2010, Nhà trường thành lập phòng Thanh tra và Kiểm định chất lượng giáo dục; phân công cán bộ có năng lực, kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn sâu để phụ trách công tác kiểm định, bảo đảm chất lượng cấp trường; Năm 2019 phân tách theo cơ cấu tổ chức mới, phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD được thành lập theo Quyết định số 268/QĐ-CĐSPTW ngày 09 tháng 5 năm 2019 [H9.09.01.01]. Nhân sự của phòng có 06 viên chức đều có trình độ từ Đại học trở lên với các chuyên ngành khác nhau, trong đó, 01 lãnh đạo phòng có trình độ thạc sĩ chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục [H9.09.01.02].

Chức năng của phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD được xác lập rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động Nhà trường [H9.09.01.03]. Hệ thống ĐBCL của Trường hiện nay được tổ chức với mô hình 2 cấp, gồm đơn vị chuyên trách ĐBCL là phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD và mạng lưới ĐBCL nội bộ gồm nhân sự tại các đơn vị trong toàn trường [H9.09.01.04]; Công tác ĐBCL do Phó Hiệu trưởng Trịnh Thị Xim phụ trách [H9.09.01.05]. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược và Kế hoạch thực hiện Chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục của trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương giai đoạn 2017 - 2022, tầm nhìn 2030 [H9.09.01.06]; Để thực hiện chiến lược phát triển ĐBCL, hằng năm, Phòng xây dựng kế hoạch ĐBCL, trong đó xác định các nhiệm vụ và phân công đơn vị thực hiện cụ thể [H9.09.01.07]. Kết thúc năm học, Nhà trường tổng kết công tác ĐBCL, trên cơ sở đó đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch ĐBCL cho năm học tiếp theo [H9.09.01.08]. Ngoài ra, việc xây dựng Kế hoạch về việc triển khai kiểm định chất lượng giáo dục đối với các trường Mầm non Thực hành cũng được thực hiện hằng năm [H9.09.01.09].

Để nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng của hệ thống, Nhà trường đặc biệt quan tâm bồi dưỡng công tác bảo đảm chất lượng. Nhà trường đều cử CB,

GV tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng bảo đảm và kiểm định chất lượng do Bộ GDĐT tổ chức; Tạo điều kiện cho 02 GV học các khóa đào tạo kiểm định viên và đã hoàn thành khóa học đào tạo KĐV. Hiện nay, Nhà trường có 01 giảng viên có thể kiểm định viên và 02 giảng viên đã hoàn thành CTĐT kiểm định viên trong đó 01 người là chuyên trách ĐBCL, 01 người tham gia công tác ĐBCL [H9.09.01.10]. Nhân sự tham gia mạng lưới ĐBCL là những người có kinh nghiệm và chuyên môn vững tại các đơn vị, thường xuyên hỗ trợ tích cực cho GV, CBQL duy trì, cải thiện và nâng cao chất lượng CTĐT.

Năm 2017, Nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng; Hội đồng tự đánh giá được thành lập; Báo cáo tự đánh giá được triển khai nghiêm túc, bài bản, chất lượng, hiệu quả [H9.09.01.11]. Nhà trường đã hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục (đánh giá ngoài) trong cùng năm 2017 [H9.09.01.12] và đã nhận được Quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục [H9.09.01.13]. Nhà trường thực hiện khuyến nghị của Đoàn ĐGN, tiến hành tổng kết đợt đánh giá ngoài để thực hiện cải tiến chất lượng của Nhà trường [H9.09.01.14]. Kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2017 - 2022 đã được xây dựng, ban hành và triển khai cụ thể tới từng đơn vị [H9.09.01.15].

Thực hiện nghiêm túc theo chu kỳ đánh giá cơ sở giáo dục, năm 2020 đến thời hạn đánh giá giữa chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch tự đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng. Đồng thời, ban hành Quyết định về việc thành lập Tổ công tác tự đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng [H9.09.01.16], [H9.09.01.17]; Tiến hành kiện toàn Mạng lưới đảm bảo chất lượng nội bộ trong trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương theo cơ cấu tổ chức mới [H9.09.01.18]. Hoàn thiện Báo cáo kết quả đánh giá giữa kỳ kiểm định chất lượng giáo dục và gửi Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục [H9.09.01.19].

Trước yêu cầu của thực tiễn về công tác đánh giá CTĐT, Nhà trường đã lựa chọn đánh giá CTĐT ngành GDMN và triển khai các công việc cụ thể như ban hành Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá CTĐT GDMN và tiến hành họp Hội đồng tự đánh giá, phân công các nhóm công tác chuyên trách và thư ký, thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá CTĐT [H9.09.01.20]. Dự kiến kiểm định chất lượng CTĐT (đánh giá ngoài) vào cuối năm 2021.

## *2. Điểm mạnh*



Chính sách ĐBCL của Nhà Trường được quy định cụ thể, rõ ràng. Đã xây dựng hệ thống mạng lưới đảm bảo chất lượng nội bộ, có sự tham gia đầy đủ của đội ngũ cán bộ, giảng viên tại tất cả các đơn vị.

Công tác đảm bảo chất lượng tại các đơn vị được triển khai nghiêm túc, có kế hoạch hành động và cải tiến chất lượng chất lượng hằng năm.

### 3. Điểm tồn tại

Cán bộ tham gia mạng lưới ĐBCL của một số đơn vị chưa được tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về đảm bảo và kiểm định CLGD.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai nghiêm túc công tác ĐB và KĐCLGD; cử CB có năng lực tham gia mạng lưới ĐBCL	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD Khoa GDMN	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng công tác ĐB và KĐCLGD cho nhân sự mạng lưới ĐBCL	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD Khoa GDMN	Năm học 2021 - 2022

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 9.2. Cơ sở GDMN, cơ sở giáo dục phổ thông được trường liên hệ để sinh viên, học sinh kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Kiến tập, thực tập sư phạm là hoạt động có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong công tác đào tạo, bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục. Từ nhiều năm qua, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương luôn coi trọng công tác kiến tập, thực tập sư phạm, rèn luyện và nâng cao tay nghề cho HSSV. Nhà trường đã xây dựng và ban hành đầy đủ Quy định về thực hành, thực tập sư phạm. Trong Quy định nêu rõ mục đích, trách nhiệm của người học, trách nhiệm của người hướng dẫn, tiêu chí chọn cơ sở thực hành, thực tập; thời gian và số đợt thực hành, thực tập; nội dung thực tập sư phạm, thực tập tốt nghiệp; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ

sở thực hành, thực tập, trưởng đoàn, trưởng nhóm; đánh giá kết quả thực hành, thực tập của người học,... [H9.09.02.01];

Trước khi năm học mới bắt đầu, phòng QLĐT căn cứ CTĐT và sĩ số sinh viên xây dựng kế hoạch tổng thể trong đó dự kiến thời gian thực tập, dự kiến số đoàn thực tập. Phòng QLĐT phối hợp với khoa GDMN lựa chọn cơ sở thực tập với các tiêu chí: (1). Đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn nhiệt tình, có năng lực và kinh nghiệm nghề nghiệp để hướng dẫn thực tập cho HSSV. (2). Quy mô về cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất và trang thiết bị phù hợp với yêu cầu thực tập của HSSV. (3). Môi trường làm việc và hoạt động chuyên môn thuộc ngành đào tạo tốt cho HSSV thực tập. (4). Ưu tiên lựa chọn những cơ sở đã đạt kiểm định chất lượng GD hoặc đạt chuẩn quốc gia (5). Lựa chọn một số cơ sở có triển khai các phương pháp GDMN tiên tiến cho sinh viên đào tạo theo chuyên ngành/chuyên đề. (6). Lựa chọn một số cơ sở có trẻ đặc biệt cho sinh viên đào tạo theo chuyên ngành/chuyên đề. Căn cứ trên kế hoạch tổng thể, khoa xây dựng kế hoạch chi tiết, trong đó có nội dung thực tập từng tuần, có quy định các đầu điểm đánh giá kết quả và khen thưởng/kỷ luật. Kế hoạch này được BGH và phòng QLĐT duyệt - Phòng QLĐT làm quyết định thành lập các đoàn thực tập kèm danh sách. Trước khi đưa SV đi thực tập, Các trưởng đoàn gửi kế hoạch đã được phê duyệt và danh sách đoàn cho CSTT, trao đổi với CSTT về các nội dung trong kế hoạch, thống nhất cách phối hợp - Triển khai thực tập tại các cơ sở, các GV trưởng đoàn thường xuyên có mặt để nắm bắt tình hình và phối hợp cùng CSTT trong triển khai kế hoạch. Kết thúc đợt TT, các đoàn nộp hồ sơ về phòng QLĐT theo quy định. Tháng cuối của năm học, Trường tổ chức họp tổng kết công tác THPT và bàn phương hướng cho năm học [H9.09.02.02].

Nhà trường có 03 trường mầm non thực nghiệm là cơ sở thực hành, thực tập của ngành GDMN, cả 03 trường đều đã được kiểm định chất lượng giáo dục, đáp ứng các điều kiện về chất lượng để tổ chức các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm cho HSSV [H9.09.02.03]. Tuy nhiên, do đặc thù ngành học GDMN và số lượng người học các khóa rất đông nên nhà trường phải liên hệ, hợp tác với nhiều cơ sở GDMN (bao gồm cả công lập và tư thục) để làm cơ sở kiến tập, thực tập sư phạm cho người học. Trong số các cơ sở GDMN Trường đã hợp tác, có nhiều trường đã đạt chuẩn quốc gia hoặc đã đạt kiểm định chất lượng nhưng cũng có một số trường chưa đạt được điều kiện này do các văn bản của Bộ GDĐT ban hành quy định về KĐCL và công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia có một số các yêu cầu chưa đáp ứng các yêu cầu của Luật Giáo dục [H9.09.02.04].

Nhà trường cũng đặc biệt quan tâm tới việc lựa chọn đội ngũ GV có kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn tốt để hướng dẫn hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm cho NH [H9.09.02.05]. Các hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm hằng năm tại các cơ sở GDMN đều tiến hành đúng kế hoạch, đúng tiến độ, có kiểm tra, giám sát; NH đều được hướng dẫn soạn giáo án, thiết kế và tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ nghiêm túc, công phu [H9.09.02.06]. Có đầy đủ báo cáo về công tác kiến tập, thực tập sư phạm hằng năm đối với NH [H9.09.02.07].

## *2. Điểm mạnh*

Các cơ sở GDMN được trường liên hệ THPT đều đảm bảo chất lượng, phối hợp tốt với nhà trường thực hiện hiệu quả CT GDMN. Nhiều cơ sở thực hành thực tập đạt chuẩn quốc tế hoặc tiệm cận chuẩn quốc tế.

Trường chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc hoạt động thực hành, thực tập sư phạm cho NH trong năm học, cuối khóa học. Đội ngũ GV hướng dẫn hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm có kinh nghiệm và chuyên môn vững vàng, tâm huyết với nghề.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số cơ sở trong mạng lưới thực hành thực tập của ngành mầm non đang trong quá trình chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia hoặc chuẩn bị tham gia kiểm định chất lượng giáo dục.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và thực hiện nghiêm túc hoạt động thực hành, thực tập sư phạm đối với người học	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát các cơ sở thực hành, thực tập; nâng cao tỉ lệ các cơ sở GDMN đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục.	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Năm học 2021-2022

## *5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức*

*Tiêu chí 9.3. Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được tổng kết, đánh giá và được định kỳ rà soát, cải tiến*

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Thực tế hiện nay, rất nhiều cơ sở GDMN nhận xét và đánh giá cao về tay nghề và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người học tốt nghiệp từ trường Cao đẳng Sư phạm Trung Ương. Uy tín và niềm tin đó được khẳng định phần lớn là nhờ thời lượng và kết quả của quá trình thực hành, thực tập sư phạm phủ dày, bài bản, nghiêm túc. Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch kiến tập, thực tập sư phạm chi tiết cho NH [H9.09.03.01]; Quá trình thực tập sư phạm, NH đều được hướng dẫn soạn giáo án, thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ nghiêm túc, công phu [H9.09.03.02]. Kết quả thực hành thực tập của người học được cơ sở thực tập, thực hành và giáo viên hướng dẫn đánh giá, cho điểm công khai, minh bạch; gửi phiếu đánh giá về phòng QLĐT. Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều tiến hành tổ chức Hội nghị tổng kết công tác thực hành, thực tập sư phạm. Có báo cáo đầy đủ về kết quả các đợt kiến tập, thực tập sư phạm của người học [H9.09.03.03]

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã quan tâm khảo sát ý kiến phản hồi của các cơ sở thực hành, thực tập; người hướng dẫn thực hành, thực tập sư phạm, làm cơ sở để cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm [H9.09.03.04]. Nhà trường đã thực hiện khảo sát ý kiến của người học về công tác thực hành thực tập tuy nhiên chưa được thường xuyên và chưa bài bản [H9.09.03.05]. Nhà trường cũng khảo sát ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về yêu cầu của ngành học GDMN tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương [H9.09.03.06].

#### *2. Điểm mạnh*

CTĐT ngành GDMN của Nhà trường có ưu thế mạnh về THPT, thời lượng và các đợt THPT được thiết kế phù hợp vì vậy hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm được tổ chức có hiệu quả hằng năm. Thông qua Hội nghị tổng kết thực hành thực tập hằng năm, Nhà trường đánh giá chất lượng các hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm, nhằm rút kinh nghiệm và cải tiến chất lượng công tác này.

#### *3. Điểm tồn tại*

Chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi đợt thực hành, thực tập sư phạm.

#### *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn
----	----------	----------	--------------------------	--------------------------

				thành
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì đánh giá kết quả thực hành, thực tập sư phạm nghiêm túc, công khai, minh bạch đối với người học	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường khảo sát ý kiến phản hồi của người học sau kết thúc mỗi đợt thực hành, thực tập sư phạm	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Năm học 2021 - 2022

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 9.4. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Năm 2015, Nhà trường chuyển đổi sang phương thức đào tạo tín chỉ, điều này đồng nghĩa với việc phải đổi mới quá trình dạy học, phương pháp dạy và học. Đây là yêu cầu thực tế khách quan và không ngoài mục đích nâng cao chất lượng đào tạo. Để rà soát, đánh giá quá trình dạy và học và nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo [H9.09.04.01]. Căn cứ vào quy định này, các đơn vị thực hiện khảo sát các bên liên quan, kết quả khảo sát là cơ sở quan trọng để rà soát và đánh giá quá trình dạy và học, phương pháp dạy và học để cải tiến chất lượng, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR [H9.09.04.02].

Bên cạnh đó, hoạt động dự giờ cũng được thực hiện thường xuyên; qua hoạt động này sẽ đánh giá, rút kinh nghiệm đối với giảng viên để tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực, chủ động, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo của người học. Giảng viên thực hiện vai trò chính là người hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ cho người học tìm cách tư duy, xử lý và giải quyết vấn đề đặt ra [H9.09.04.03]. Cùng với đó, Nhà trường đã tăng cường tổ chức các hội thảo, hội nghị bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non cho giảng viên và HSSV để nâng cao chất lượng giờ dạy, sinh động, cuốn hút người học [H9.09.04.04].

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định chặt chẽ trong Quy chế đào tạo của Nhà trường và các quy định khác của Trường, trong đó có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của NH [H9.09.04.05]. Hàng năm, sau mỗi

đợt thi cuối học kỳ, phòng QLĐT và phòng KT&ĐBCLGD làm nhiệm vụ thống kê kết quả kiểm tra, tỉ lệ điểm; có sự kiểm tra, đối sánh về chất lượng học tập của NH cũng như chất lượng hoạt động giảng dạy để kịp thời điều chỉnh đề thi, kiểm tra, thi kết thúc học phần [H9.09.04.06].

Mặt khác, việc KTĐG kết quả học tập của NH cũng được Nhà trường quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá; Các lần kiểm tra, đánh giá NH trong một học kỳ bao gồm: Điểm chuyên cần, bài kiểm tra trường xuyên, bài kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm; điểm kiểm tra thường xuyên 10%; điểm định kỳ chiếm 20% và điểm thi kết thúc học phần 60% tổng điểm học phần [H9.09.04.07].

Cuối mỗi học kỳ, Trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về KTĐG học phần, làm căn cứ để điều chỉnh việc KTĐG người học chất lượng và hiệu quả hơn [H9.09.04.08].

Sau khi rà soát, đánh giá phương pháp dạy và học, KTĐG kết quả của người học, Trường đã điều chỉnh, cải tiến CTĐT thay đổi so với phiên bản trước; cấu trúc, nội dung, khối lượng kiến thức, kỹ năng của chương trình; tiến hành xây dựng ma trận học phần và thiết kế Đề cương chi tiết các học phần phù hợp hơn, xây dựng bản mô tả CTĐT trong đó xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của chương trình, CĐR của từng khối kiến thức, xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR [H9.09.04.09]. Từng đề cương chi tiết học phần được thiết kế đảm bảo tương thích định hướng giữa nội dung kiến thức, phương pháp dạy - học, phương pháp kiểm tra đánh giá với CĐR của học phần [H9.09.04.10]. Với cấu trúc tầng bậc như vậy đảm bảo các học phần trong CTĐT tương thích với CĐR của CTĐT.

Phiên bản cũ, việc đánh giá kết quả của người học chỉ chú trọng vào kết quả thi cuối kỳ, cuối khóa; chỉ chú trọng kiến thức mà chưa chú trọng đến năng lực tư duy, sáng tạo, làm việc nhóm của người học trong quá trình học. Nay, việc đánh giá kết quả người học đã đa dạng hơn về mặt hình thức và nội dung: đánh giá điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên từ 1-2 bài, kiểm tra định kỳ từ 1-2 bài và 1 bài thi. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiện thị trong các đề cương môn học và tùy theo đề xuất của GV gắn với đặc thù từng học phần [H9.09.04.11]. Nội dung kiểm tra, đánh giá, thi kết thúc học phần được tăng cường các câu hỏi vận dụng thực tiễn, tổng hợp, phân tích,... hướng người học đến việc tư duy, phân tích, lập luận giải quyết vấn đề một cách thường

xuyên trong quá trình học. Nội dung KTĐG học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CDR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi [H9.09.04.12].

Trường cũng đã điều chỉnh, thay đổi việc công bố điểm của người học trên hệ thống phần mềm đào tạo. Các đầu điểm đánh giá được công khai minh bạch trên hệ thống phần mềm đào tạo theo tín chỉ. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm kiểm tra trường xuyên và điểm kiểm tra định kỳ được công bố kịp thời ngay trước khi thi học phần. Đối với điểm thi kết thúc học phần môn vẫn đáp công bố ngay sau kết thúc thi. Các môn tự luận công bố không qua 10 ngày sau thi. Quy định về hình thức KTĐG học phần được đa dạng hóa theo yêu cầu và sự chủ động của GV, đáp ứng mục tiêu các học phần: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm; người học hoàn toàn hài lòng với các hình thức KTĐG và công bố các đầu điểm kịp thời, công khai, minh bạch [H9.09.04.13].

## 2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học và đánh giá kết quả học tập của NH được triển khai nghiêm túc, đúng quy chế, quy định. Công tác KTĐG kết quả học tập của NH thường xuyên được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CDR từng học phần và CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện thường xuyên các hoạt động thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập với CDR.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc dạy và học, KTĐG kết quả học tập của người học nghiêm túc, đúng quy chế, quy định; đảm bảo kịp thời, khách quan, chính xác, công bằng, công khai, minh bạch.	Phòng QLĐT Phòng Khảo thí và ĐBCLGD Khoa GDMN	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đẩy mạnh hoạt động thẩm định sự tương thích phù hợp của quá	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Từ năm học 2021 - 2022

		trình dạy học với CDR		
--	--	-----------------------	--	--

5. *Tự đánh giá:* Đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 9.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến.*

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường có ban hành Quyết định số 96/QĐ-CĐSPТУ ngày 09/3/2018 về việc Quy định lấy ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo [H9.09.05.01]. Trong những năm gần đây, để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ khác nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người dạy và người học, nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà Trường không chỉ thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, HSSV mà còn thực hiện cải tạo, tu sửa, trang bị cơ sở vật chất tốt hơn, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của các bên liên quan.

***Dịch vụ tiện ích tại Thư viện:*** Cuối năm 2017 Nhà trường đã tu sửa, cải tạo lại toàn bộ khuôn viên của Thư viện khang trang sạch đẹp; Trang bị thêm về cơ sở vật chất để phục vụ người đọc như: Công an ninh, bàn ghế, máy tính trong phòng giáo trình và phòng tham khảo [H9.09.05.02]. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng phục vụ bạn đọc, Trung tâm TTTV tiến hành khảo sát, thăm dò, lấy ý kiến góp ý của bạn đọc hằng năm về mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị, thái độ phục vụ của cán bộ Thư viện,... Có đối sánh các năm để nắm được mức độ hài lòng của bạn đọc; kịp thời bổ sung thêm nguồn giáo trình, tài liệu phục vụ bạn đọc theo yêu cầu. Do vậy, kết quả khảo sát hằng năm cho thấy, GV và SV ngành GDMN cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của Trung tâm TTTV [H9.09.05.03]. Tính đến tháng 5/2021, về tài liệu truyền thống, Thư viện có khoảng 14.000 tên với khoảng 96.000 bản, 32 loại báo và tạp chí, 60 tên đĩa VCD, CD tư liệu phục vụ đào tạo giảng viên, 655 tên tài liệu nội sinh gồm luận án, luận văn, khóa luận, đề tài nghiên cứu, tài liệu hội nghị hội thảo; giáo trình phục vụ CTĐT ngành GDMN có 76 học phần, 98 đầu sách với 11,980 cuốn; Sách tham khảo phục vụ CTĐT ngành GDMN có 290 đầu sách với 16.206 cuốn [H9.09.05.04].

***Về hệ thống CNTT:*** Năm 2017, Nhà trường đã đầu tư, trang bị hệ thống máy tính với 04 phòng máy (khoảng 120 máy tính) cấu hình cao, nối mạng Internet; hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người dạy và NH [H9.09.05.05]. Mặt khác, Nhà trường cử bộ phận cán bộ, giảng viên kiêm nhiệm quản trị mạng (Khoa



CNTT - GDNN), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt; thường xuyên nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu [H9.09.05.06].

#### ***Các dịch vụ hỗ trợ khác***

Để hỗ trợ người học, hằng năm Nhà Trường cử đội ngũ Cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm có kinh nghiệm làm công tác tư vấn, hỗ trợ tích NH trong học tập, rèn luyện [H9.09.05.07].

Mặt khác, để nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ người học, định kỳ hằng năm, Khoa và Nhà trường đều tổ chức Hội nghị Đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo trường với NH, qua đó lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và kịp thời đáp ứng những nhu cầu chính đáng của NH [H9.09.05.08]. Cùng với đó, bộ phận quản lý HSSV của khoa thường xuyên có sự phối hợp chặt chẽ với phòng Công tác HSSV để giải quyết, giúp đỡ, tháo gỡ những vấn đề vướng mắc liên quan trực tiếp đến quyền lợi của HSSV như: Các chế độ chính sách; vay vốn tín dụng, hỗ trợ chi phí học tập, tư vấn việc, giới thiệu việc làm; hỗ trợ NH bất cứ khi nào NH có nhu cầu và có ý kiến. [H9.09.05.09].

Phòng Công tác HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên luôn quan tâm, tổ chức nhiều diễn đàn học tập, hoạt động phong trào, ngoại khóa phù hợp, thiết thực, hỗ trợ tích cực cho NH. Việc NH tham gia các hoạt động đoàn thể có ý nghĩa tích cực để phát triển kỹ năng và kinh nghiệm cho bản thân vì ngày mai lập nghiệp [H9.09.05.10].

#### ***2. Điểm mạnh***

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Về cơ bản, người học đều thấy hài lòng với chất lượng các dịch vụ khi được khảo sát ý kiến.

Công tác lấy ý kiến phản hồi của CB viên chức, GV và người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ được tiến hành thường xuyên hàng năm thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ; kết quả phản hồi đa phần là hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ.

#### ***3. Điểm tồn tại***

Việc bổ sung, cập nhật tài liệu cho việc đổi mới CTĐT đôi lúc còn chưa kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

#### ***4. Kế hoạch hành động***

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn
----	----------	----------	--------------------------	--------------------------

				thành
1	Phát huy điểm mạnh	Duy trì tốt công tác phục vụ dịch vụ Thư viện, hệ thống máy tính phục vụ việc học tập của người học	TTTT Thư viện	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục cập nhật, bổ sung nguồn giáo trình, tài liệu để phù hợp với đổi mới CTĐT	TTTT Thư viện Phòng KHTC Phòng QTTB	Theo nguồn ngân sách thực tế

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 9.6. Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhận thấy việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc thiết kế, cải tiến và phát triển CTĐT, Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc Quy định Lấy ý kiến phản hồi về hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo, trong đó hướng dẫn cụ thể quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H9.09.06.01]. Đồng thời, Nhà trường cũng quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị/bộ phận thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan trong Quy chế tổ chức hoạt động Nhà trường [H9.09.06.02]. Hằng năm, các phòng, khoa, Ban đều lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (NH, NH đã tốt nghiệp, GV, nhà sử dụng lao động, nhân viên, cán bộ quản lý) và có báo cáo kết quả phản hồi, làm cơ sở xây dựng và phát triển CTĐT ngành GDMN. Hình thức khảo sát cũng đã được thay đổi từ khảo sát bằng phiếu hỏi sang khảo sát bằng công cụ Google form, việc khảo sát nhanh hơn, thuận tiện hơn và hiệu quả hơn. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra, đánh giá, điều kiện cơ sở vật chất,... [H9.09.06.03].

Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, Nhà trường, khoa đã nghiên cứu, chỉnh sửa CTĐT hai lần vào năm 2019 và 2021 [H9.09.06.04], cụ thể:

Đến năm 2019, Trường đã tổ chức rà soát, chỉnh sửa CTĐT theo hướng lựa chọn tinh gọn lại, giảm từ 110 tín chỉ còn 95 tín chỉ đồng thời cập nhật các kiến thức mới. Tuy nhiên phiên bản 2019 CĐR chưa bám sát khung trình độ quốc gia Việt Nam, chưa có ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt được CĐR. Năm 2021, trên cơ sở nghiên cứu các văn bản hướng

dẫn, Trường đã tổ chức chỉnh sửa CĐR theo khung trình độ Quốc gia Việt Nam và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, chỉnh sửa chương trình một cách bài bản, bổ sung ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR, lựa chọn các phương pháp dạy - học phù hợp để bảo đảm đạt được CĐR, lựa chọn phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ tốt nhất để bảo đảm đạt được CĐR. CTĐT phiên bản 2021 được cấu trúc hợp lý gồm các nội dung sau: Tên chương trình, Mã chương trình, Trình độ đào tạo, Ngành đào tạo, Mã ngành, Loại hình đào tạo, Mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể), CĐR (kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm; vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp; Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp); Khối lượng kiến thức toàn khóa; Đối tượng tuyển sinh; Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; Nội dung chương trình; Nội dung cơ bản cần đạt của từng học phần; Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc gia, quốc tế có thể tham khảo, Hướng dẫn thực hiện chương trình.

Các học phần trong chương trình được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần thuộc khối kiến thức kỹ năng chung, khối kiến thức kỹ năng cơ bản và khối kiến thức kỹ năng chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. 100% các học phần trong chương trình được bố trí hợp lý: Cấu trúc của CTĐT thể hiện rõ ràng các học phần cơ bản, các học phần trung gian, các học phần chuyên môn ngành và khóa luận tốt nghiệp. Trong khi các học phần cơ bản là học phần tiên quyết cho các học phần cơ sở khối ngành thì bản thân các học phần cơ sở khối ngành/cơ sở ngành lại là các học phần tiên quyết cho các học phần chuyên môn ngành.

CTĐT đã chỉ rõ vai trò của từng khối kiến thức: các học phần cơ bản thuộc khối kiến thức, kỹ năng chung 19TC (20%); các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản 16TC (16,8%); các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành 46TC (48,4%) trong đó bắt buộc (38TC) và tự chọn (8TC); thực tập 9TC (9,5%); tốt nghiệp 5TC (5,2%). Sự thiết kế nêu trên của đảm bảo logic các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với người học [H9.09.06.04].

Số tín chỉ phân bố từng kỳ như sau: Học kỳ 1 (16 tín chỉ); Học kỳ 2 (20 tín chỉ); Học kỳ 3 (19 tín chỉ); Học kỳ 4 (14 tín chỉ) trong đó phần chuyên đề tự chọn là 6 tín chỉ và thực tập 3 tín chỉ; Học kỳ 5 (13 tín chỉ) trong đó phần tự chọn là 2 tín chỉ và thực tập 2 tín chỉ; Học kỳ 6 (13 tín chỉ) trong đó thực tập 4 tín chỉ và khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 học phần thay thế là 5 tín chỉ. Các kiến thức cơ bản của ngành GDMN chủ yếu xếp ở năm thứ 2 khi mà người học đã học đa số

các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng chung và các học phần thuộc khối kiến thức, kỹ năng cơ bản. Các chuyên đề tự chọn được xếp vào học kỳ 4 sau khi người học đã có những kiến thức cơ bản về GDMN. Thực tập được triển khai bắt đầu từ học kỳ 4 sau khi người học đã học xong các học phần về phương pháp tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và chia thành 3 đợt ở 3 học kỳ 4, 5, 6 để người học có đủ thời gian trải nghiệm và vận dụng lý thuyết vào thực tế [H9.09.06.04].

## 2. Điểm mạnh

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành thường xuyên; CTĐT phù hợp với người học và đảm bảo tương thích với CDR.

## 3. Điểm tồn tại

Đối tượng lấy ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan vào việc thiết kế và phát triển CTĐT chưa thật sự đa dạng, phong phú.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu các quy định hiện hành để xây dựng văn bản Hướng dẫn chỉnh sửa CTĐT phù hợp với bối cảnh mới	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng đối tượng khảo sát ý kiến của các bên liên quan về thiết kế, phát triển CTĐT	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Năm học 2021 - 2023

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 9.7. Việc thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được xác lập, rà soát, đánh giá và cải tiến.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Luật Giáo dục, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường đã xây dựng Văn bản hướng dẫn chỉnh sửa CTĐT năm 2019 và năm 2021 [H9.09.07.01]. Trong văn bản Hướng dẫn đã nêu rõ Quy trình thiết kế, chỉnh sửa CTĐT, bao gồm:

(i) Nghiên cứu, khảo sát về nhu cầu thực tiễn ngành, trình độ đào tạo, đặc trưng môi trường làm việc, nhiệm vụ và hoạt động chủ yếu của người học sau khi tốt nghiệp đảm nhận, vị trí việc làm, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên;

(ii) Xác định các năng lực cần có để có thể hoàn thành các nhiệm vụ, công việc và hoạt động chủ yếu của người học sau khi tốt nghiệp phải đảm nhận theo vị trí việc làm và chuẩn nghề nghiệp của giáo viên;

(iii). Thiết kế, xây dựng mục tiêu, CĐR của CTĐT; Xác định cấu trúc, nội dung, khối lượng kiến thức, kỹ năng của CTĐT nhằm đảm bảo mục tiêu và CĐR, đồng thời tham khảo, so sánh với các CTĐT tương ứng về trình độ và ngành đào tạo ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện dự thảo CTĐT;

(iv) Thiết kế chương trình chi tiết các học phần theo CTĐT đã xác định;

(v) Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, giảng viên, giáo viên, của tổ chức, đơn vị, cá nhân tuyển dụng, sử dụng giáo viên và cựu học sinh, sinh viên về dự thảo CTĐT;

(vi) Chỉnh sửa, biên tập, hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở nghiên cứu tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng thẩm định;

(vii) Báo cáo quá trình, dự thảo CTĐT tại phiên họp của Hội đồng thẩm định, giải trình và tiếp thu các ý kiến của Hội đồng thẩm định để hoàn thiện dự thảo CTĐT cho đến khi được Hội đồng thẩm định thông qua và thống nhất trình Hiệu trưởng ký ban hành.

Quy trình thiết kế, chỉnh sửa CTĐT không thay đổi nhưng trong Hướng dẫn chỉnh sửa CTĐT năm 2021, CTĐT đã chỉnh sửa, thay đổi một số mã học phần (*các học phần xây dựng mới hoặc chỉnh sửa so với chương trình cũ thì đặt mã mới theo cấu trúc mã đang dùng và không trùng với bất cứ mã nào đã tồn tại*) [H9.09.07.02]

Mẫu đề cương chi tiết học phần cũng được thay đổi phù hợp hơn [H9.09.07.03], cụ thể như:

(i) Bổ sung cột “Mục tiêu học phần” thể hiện được sự đóng góp của các nội dung vào việc đạt được mục tiêu học phần

(ii) Bổ sung cột “Phương pháp dạy và học” và lựa chọn các phương pháp phù hợp để bảo đảm đạt được CĐR và hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho người học theo các quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

(iii) Bổ sung phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ tốt nhất để bảo đảm đạt được CĐR. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được sử dụng bảo

đảm đo lường được các yêu cầu, CDR cần đo (độ giá trị); bảo đảm độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm bảo đảm tính công bằng.

Biểu mẫu CTGD đơn ngành, CDR, khung chương trình cũng được cấu trúc và chỉnh sửa phù hợp với tình hình yêu cầu thực tế [H9.09.07.04].

## 2. Điểm mạnh

Có xây dựng Hướng dẫn chỉnh sửa chương trình. Quy trình thiết kế, chỉnh sửa CTĐT rõ ràng, cụ thể. Việc thiết kế, rà soát, chỉnh sửa CTĐT đảm bảo tuân thủ các quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Hình thức tổ chức khảo sát các bên liên quan về thiết kế, phát triển CTĐT chưa được đa dạng.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nghiên cứu các quy định hiện hành để xây dựng văn bản Hướng dẫn chỉnh sửa CTĐT phù hợp với bối cảnh mới	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa các hình thức khảo sát ý kiến của các bên liên quan về thiết kế, phát triển CTĐT	Phòng QLĐT Khoa GDMN	Năm học 2021 - 2022

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức

**Kết luận về Tiêu chuẩn 9:** Công tác bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDMN được Nhà trường hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Nhà trường đã xây dựng các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất CTĐT; Tổ chức có chất lượng, hiệu quả các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm; Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR; Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến; hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan;

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT.

Tuy nhiên, hình thức và đối tượng khảo sát chưa thật sự đa dạng phong phú, việc bổ sung tài liệu mới đôi lúc còn chưa kịp thời. Trong năm học tới, Nhà trường mở rộng đối tượng khảo sát ý kiến và đa dạng hóa các hình thức khảo sát các bên liên quan về thiết kế, phát triển CTĐT. Kịp thời cập nhật tài liệu cho các CTĐT mới chỉnh sửa.

*Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 9 có 3 tiêu chí đạt mức 5/7 và 4 tiêu chí đạt mức 4/7.*

## **Tiêu chuẩn 10: Kết quả đầu ra**

**Mở đầu:** Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương là 1 trong 3 trường Cao đẳng cung cấp nguồn nhân lực GV mầm non chất lượng cao cho cả nước. Với bề dày 33 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã đào tạo hàng trăm nghìn GV mầm non, tỏa đi khắp mọi miền của Tổ Quốc. Mặc dù hiện tại, công tác tuyển sinh của các trường đều gặp khó khăn trong đó có Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, nhưng so sánh với các Trường Cao đẳng thì lượng thí sinh đăng ký tham gia thi tuyển và trúng tuyển vào Trường vẫn tương đối cao. Sau khi trúng tuyển vào Trường, HSSV được CT học tập bài bản, tham gia nhiều đợt kiến tập, thực tập sư phạm để rèn luyện và trau dồi kinh nghiệm thực tiễn. Hằng năm, Nhà trường đều thống kê tỉ lệ HSSV tốt nghiệp, tỉ lệ HSSV thôi học, tỉ lệ HSSV có việc làm sau tốt nghiệp và mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng để lấy đó làm cơ sở cải tiến chất lượng.

*Tiêu chí 10.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

### *1. Mô tả hiện trạng*

Hằng năm, trong báo cáo tổng kết khóa học và báo cáo tốt nghiệp, phòng QLĐT đều thống kê con số người học thôi học, tốt nghiệp nhưng chưa xác lập và đối sánh để dự kiến phương án cải tiến vấn đề này [H10.10.01.01].

Đối với sinh viên thôi học, tốt nghiệp, phòng Quản lý đào tạo của Nhà trường đều theo dõi, trình ký Ban Giám hiệu ban hành đầy đủ quyết định cho thôi học, buộc thôi học và quyết định công nhận tốt nghiệp, được gửi tới các đơn vị và cá nhân có liên quan và được lưu trữ cẩn thận, đầy đủ [H10.10.01.02].

Bên cạnh đó, phòng Công tác HSSV, Khoa đào tạo, các Khoa chuyên môn, CVHT, GVCN luôn cập nhật kịp thời tình hình của HSSV đi học, nghỉ học, bỏ học, bảo lưu, trên các trang nhóm lớp, trên hệ thống phần mềm quản lý

đào tạo và thông qua đội ngũ Ban cán sự của lớp; đối với những HSSV bỏ học, thôi học, cán bộ phòng Công tác QLĐT, CTHSSV, CVHT, GVCN đều tìm hiểu lý do, nguyên nhân, động viên các em cố gắng, tiếp tục học tập. Trường hợp người học xin thôi học hoặc bỏ học chủ yếu với lý do là đi lao động nước ngoài, lấy chồng hoặc gia đình không có nhu cầu cho con đi học tiếp hoặc bản thân sinh viên bê trễ việc học hành dẫn đến nợ môn nhiều và tâm lý chán nản không muốn đi học tiếp.

Mặt khác, thông qua các buổi họp Hội đồng xét điều kiện thi tốt nghiệp, điều kiện công nhận tốt nghiệp hoặc Hội đồng kỷ luật HSSV, Nhà trường cũng nắm bắt được kịp thời thông tin sinh viên thôi học, đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc tốt nghiệp của ngành GDM; tỉ lệ này được theo dõi và giám sát chặt chẽ [H10.10.01.03].

Thông tin về sinh viên nhập học đầu khóa, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của 4 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về NH, theo bảng thông tóm tắt dưới đây [H10.10.01.04]:

*Bảng 10.1. Tỉ lệ tốt nghiệp của người học trong 3 năm gần đây:*

Khóa học	Nhập học	Thôi học	Sĩ số trước tốt nghiệp	Tốt nghiệp	Tỉ lệ TN
15CĐMN	716	88 (12,2%)	628	618	98,4%
16CĐMN	701	28 (4%)	673	539	80,1%
17CĐMN	654	62 (9,4%)	592	501	84,6%

*Bảng 10.2. Tỉ lệ thôi học của người học trong của 3 khóa gần đây*

Khóa học	Số lượng SV Nhập học toàn khóa	Tỉ lệ người thôi học theo thời gian		
		Năm nhất	Năm hai	Năm 3
15CĐMN	716	09	12	67
16CĐMN	701	06	14	08
17CĐMN	654		61	01

Bảng 10.1 cho thấy tỉ lệ người học tốt nghiệp hoàn thành chương trình đào tạo cũng biến động theo từng khóa, từng năm. Đối với sinh viên tốt nghiệp khóa 15CĐMN, có 543/628 SV tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo 3 năm (86,4%); 59 SV tốt nghiệp sau 01 năm (9,4%); 15 SV tốt nghiệp sau 02 năm (2,38%); 01 SV tốt nghiệp sau 03 năm (0,15%). Đối với khóa 16CĐMN: Có 489 SV tốt nghiệp đúng thời hạn đào tạo 3 năm (72,6%); 42 SV tốt nghiệp sau 1 năm



(6,24%); 08 SV tốt nghiệp sau 2 năm (1,18%). Đối với khóa 17CĐMN: Có 458 SV tốt nghiệp đúng thời hạn (77,36%); 43 SV tốt nghiệp sau 01 năm (7,26%).

Bảng 10.2 cho thấy tỉ lệ người học bỏ học, thôi học cao nhất là khóa 15CĐMN với 88 SV thôi học (chiếm 12,2%); Tiếp theo là khóa 17CĐMN với 62 SV thôi học (chiếm 9,4%). Các khóa 16CĐMN số người học thôi học đã giảm đi đáng kể chỉ còn 28 SV (chiếm 3,9%) . Tính trung bình tỉ lệ người thôi học các khóa là 8,5%.

Nhà trường đã truy cập vào Trang Web của Trường CĐSP Trung ương Nhà Trang và CĐSP Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh để đối sánh số liệu tỉ lệ người học bỏ học, thôi học và tốt nghiệp. Tuy nhiên, trên trang Web của cả 2 trường đều không hiển thị số liệu sinh viên tốt nghiệp hằng năm [H10.10.01.05].

## 2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học ngành GDMN bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và các đơn vị trong Nhà trường.

## 3. Điểm tồn tại

Chưa có phân tích dự báo tỉ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo động lực để SV yêu trường, yêu nghề, hoàn thành các nhiệm vụ học tập, rèn luyện và tốt nghiệp ra trường đúng hạn	Phòng QLĐT Khoa GDMN P. CTHSSV Cố vấn HT	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Phân tích dự báo tỉ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn.	Phòng QLĐT Khoa GDMN P. CTHSSV	Năm học 2021 - 2022

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 10.2. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Phòng Công tác HSSV là đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho HSSV sau tốt nghiệp. Từ nhiều năm qua đến nay, Phòng Công tác HSSV là đầu mối kết nối các đơn vị tuyển dụng với người học trước và sau tốt nghiệp; Tổ chức các hội nghị và các chương trình giao lưu, kết nối, tạo cơ hội cho nhà tuyển dụng tiếp cận với HSSV và ngược lại; nhiều HSSV đi làm thêm ngay khi còn đang là HSSV và có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H10.10. 02.01].

Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức chương trình Ngày hội việc làm, thu hút gần như 100% HSSV toàn khóa tham gia [H10.10. 02.02]. Phòng Công tác HSSV phân cử cán bộ trực tiếp quản lý, giám sát, khảo sát SV có việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đối sánh tỉ lệ việc làm của sinh viên trong các năm, phân tích nguyên nhân, làm cơ sở để cải tiến chất lượng CTĐT [H10.10.02.03].

Việc khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp được tiến hành định kỳ từ năm 2017 cho đến nay; tỉ lệ sinh viên ngành GDMN tốt nghiệp ra trường có việc làm rất cao, thu nhập bình quân phù hợp [H10.10.02.04].

*Bảng 10.3. Tỉ lệ việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp*

Các tiêu chí	2015-2018	2016-2019	2017-2020
Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	98,3%	98,8%	97,8%
Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	1,7%	1,2%	2,2%
Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	5,5 triệu	5,5 triệu	5,5 triệu

*Bảng 10.4. Môi trường làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp*

Các tiêu chí	2018	2019	2020
Công lập	29%	21%	18,2%
Tư thực	65,4%	71%	75,3%
Liên doanh nước ngoài	4 %	5,1%	4,8%
Tự tạo việc làm	1,6%	1,9%	1,7%

Qua khảo sát việc làm cho thấy, sau tốt nghiệp, sinh viên đều làm việc chủ yếu ở môi trường giáo dục và chủ yếu làm trong môi trường tư nhân, tư thực và các hệ thống GDMN nước ngoài; trường công lập chiếm tỉ lệ rất thấp. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với xu thế và bối cảnh xã hội [H10.10.02.05].

Nhà trường có đối sánh với Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang và Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp năm 2018, 2019 và thấy rằng tỉ lệ người học có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp tương đối đồng đều, chênh lệch ít, không đáng kể.

Tên trường	SV tốt nghiệp năm 2018	Sinh viên tốt nghiệp năm 2019
Trường CĐSP Trung ương Nha Trang	94%	94,34%
Trường CĐSP Trung ương TP Hồ Chí Minh	100%	97%

## 2. Điểm mạnh

Đại đa số sinh viên ngành GDMN đều có việc làm sau tốt nghiệp phù hợp, đúng ngành nghề đào tạo; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT của ngành; coi trọng năng lực thực hành thực tế; Tỉ lệ sinh viên các khóa tốt nghiệp ra trường có việc làm cao, chủ yếu làm đúng nghề đào tạo.

## 3. Điểm tồn tại

Quá trình trao đổi, làm việc của trường với các đơn vị sử dụng lao động chưa được thực hiện ở tất cả các khâu của quá trình đào tạo.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức các chương trình tư vấn việc làm, hỗ trợ việc làm, ngày hội việc làm và chương trình sinh viên khởi nghiệp; hỗ trợ tích cực người học trong quá trình học và sau khi tốt nghiệp ra trường	Khoa GDMN P. CTHSSV CVHT	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường trao đổi với nhà tuyển dụng ở tất cả các khâu của quá trình đào tạo	P. QLĐT Khoa GDMN P. CTHSSV	Năm học 2021 - 2022

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5 theo thang đánh giá 7 mức

*Tiêu chí 10.3. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*

*1. Mô tả hiện trạng*

Định kỳ hằng năm, khoa GDMN, phòng QLĐT tổ chức Hội nghị Tổng kết năm học, hội nghị cán bộ viên chức, người lao động để tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đề ra phương hướng nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo của Nhà trường, đặc biệt là công tác tổ chức quản lý đào tạo [H10.10.03.01].

Hội đồng khoa học đào tạo của Nhà trường cũng phát huy vai trò trong việc tổ chức họp định kỳ, đề ra chiến lược phát triển CTĐT, chất lượng các hoạt động tổ chức quản lý đào tạo của Nhà trường [H10.10.03.02].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tổ chức Hội nghị Đối thoại HSSV, trong đó người học được đối thoại trực tiếp với lãnh đạo Trường và lãnh đạo các phòng, Khoa, Ban. Đây là dịp quan trọng để lãnh đạo Nhà trường lắng nghe tâm tư, nguyện vọng; giải đáp thắc mắc và đáp ứng kịp thời những nguyện vọng chính đáng của NH liên quan đến CTĐT, chất lượng tổ chức các hoạt động quản lý đào tạo [H10.10.03.03].

Sau khi kết thúc học phần, phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động của giảng viên trong đó có khảo sát về chương trình đào tạo và sau mỗi khóa học đều khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên cuối khóa nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H10.10.03.04].

Trường cũng tiến hành khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về kiến thức, kỹ năng học tập được sau một khóa đào tạo tại trường [H10.10.03.05] và khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với người học tốt nghiệp từ trường CĐSP Trung ương, đã nhận được phản hồi theo bảng thông tin dưới đây:

*Bảng 10.4. Tỷ lệ người học trả lời những kiến thức và kỹ năng cho công việc*

Các tiêu chí	2015-2018	2016-2019	2017-2020
Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	91,62%	98,96%	95%
Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	6,29%	1,04%	5%
Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được	2,09%	0%	0%

những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp			
--	--	--	--

*Bảng 10.5. Đánh giá mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng trong 4 năm gần đây*

Các tiêu chí	2017	2018	2019	2020
Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	89,4%	86%	86,7%	90,1%
Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	10,6%	14%	13,3%	9,9%
Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0%	0%	0%	0%

Nhận xét: Nhìn chung các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao năng lực hoạt động nghề nghiệp của SV ngành GDMN. Tuy nhiên, nhà tuyển dụng cũng bổ sung những kỹ năng nghề nghiệp cần đưa vào CTĐT để đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm đối với SV ngành [H10.10.03.06]. Đây cũng là cơ sở quan trọng để Trường và Khoa cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng.

## *2. Điểm mạnh*

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Nhà trường và Khoa nâng cao chất lượng đào tạo.

## *3. Điểm tồn tại*

Đối tượng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa thực sự phong phú, đa dạng.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người học, đảm bảo luôn nhận được sự hài lòng của nhà tuyển dụng	Khoa GDMN P. QLĐT	Hằng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng đối tượng của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan	P. CTHSSV P. Khảo thí và	Năm học 2021 - 2022

	đến đào tạo	ĐBCLGD	
--	-------------	--------	--

5. *Tự đánh giá:* Đạt mức 4 theo thang đánh giá 7 mức

**Kết luận về Tiêu chuẩn 10:** Với lịch sử bề dày 33 năm tổ chức đào tạo HSSV ngành GDMN, gần như 100% HSSV học ngành GDMN tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương tốt nghiệp ra trường đều nhanh chóng tìm được việc làm và được các nhà tuyển dụng ghi nhận, hài lòng cao.

Nhà trường, Khoa và các đơn vị trong toàn trường đều rất tích cực, nỗ lực trong công tác đào tạo và tạo môi trường để HSSV có cơ hội được học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng, xu thế và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, Trường chưa có phân tích dự báo tỉ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Quá trình trao đổi, làm việc của trường với các đơn vị sử dụng lao động chưa được thực hiện ở tất cả các khâu của quá trình đào tạo. Đối tượng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa thực sự phong phú, đa dạng.

Trong những năm tới, Trường sẽ tiến hành phân tích dự báo tỉ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Tăng cường trao đổi với nhà tuyển dụng ở tất cả các khâu của quá trình đào tạo. Mở rộng đối tượng của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

*Kết quả tự đánh giá: Tiêu chuẩn 10 có 1 tiêu chí đạt mức 5/7, 2 tiêu chí đạt mức 4/7.*

### PHẦN III: KẾT LUẬN

#### 1. Tóm tắt những điểm mạnh

Qua quá trình tự đánh giá, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương nhận thấy CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng có những điểm mạnh chủ yếu sau đây:

(1) *Về mục tiêu và CĐR*: Thể hiện được tầm nhìn cũng như sứ mạng của một trường cao đẳng có bề dày truyền thống về đào tạo GVMN; đón trước sự phát triển, đổi mới của GDMN. Hoạt động đào tạo đi trước một bước như vậy góp phần làm cho công cuộc đổi mới GDMN được đồng bộ, thuận lợi. CĐR của CTĐT phản ánh được nhu cầu của các bên liên quan, được định kì rà soát, điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực.

(2) *Về Bản mô tả CTĐT*: Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành GDMN được xây dựng phù hợp với tình hình chung của Nhà trường và xu thế mới; có đầy đủ các thông tin cần thiết cho các đối tượng liên quan và công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau; được điều chỉnh, cập nhật thường xuyên.

(3) *Về cấu trúc và nội dung CTDH*: CTDH của Nhà trường được thiết kế dựa trên CĐR, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời gắn với nhu cầu nguồn nhân lực ở địa phương. Tất cả các học phần đều có đều có đóng góp rõ ràng trong việc đạt được CĐR của CTDH. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. CTDH được xây dựng/chỉnh sửa với sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lí và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung.

(4) *Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học*: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với mục tiêu giáo dục, CĐR, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, khả năng của người học cũng như cơ sở vật chất của trường. Các hoạt động dạy học đã thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết giáo viên mầm non cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Giảng viên luôn tự bồi dưỡng và được bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp và kỹ thuật dạy học, trong đó có các phương pháp giáo dục mới để ứng dụng khoa học, linh hoạt và sáng tạo trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học. Trường luôn cố gắng hỗ trợ tối đa các điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy - học phù hợp với khả năng của trường.

(5) *Về tuyển sinh và hỗ trợ người học*: Chính sách tuyển sinh của Trường được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật trong đề án tuyển sinh hàng năm. Các thông tin về ngành học, chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận. Người học thuộc đối tượng ưu tiên được hưởng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

(6) *Về đánh giá kết quả học tập của người học*: Đánh giá kết quả người học được thực hiện thường xuyên trong quá trình dạy học tại trường CĐSPTU. GV sử dụng phương pháp kiểm tra đánh giá và thiết kế nội dung, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với người học, CTĐT để đạt được CĐR. Trong quá trình tổ chức dạy học, trường có các tài liệu hướng dẫn về các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá và kết quả học tập của người học như thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí... kiểm tra đánh giá. Người học được phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cũng như các nội dung liên quan đến kiểm tra đánh giá ngay từ lúc vào trường, trước mỗi học kỳ và học phần. Khi có thắc mắc về kết quả kiểm tra đánh giá, sinh viên được phản hồi và giải quyết kịp thời theo đúng quy định, tuy nhiên tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học hàng năm không nhiều.

(7) *Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên*: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tham gia CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng có đủ về số lượng, cơ cấu, có phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của nội dung chương trình, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo; Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ được chú trọng; nhiều giảng viên được tham gia các khóa học tập



trong và ngoài nước. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình và quy định.

(8) *Về Thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC khác:* Trường đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở trang thiết bị học tập, cơ sở vật chất, thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Thư viện có đủ tài liệu, sách, báo, tạp chí thiết yếu để tham khảo và học tập đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Có đủ phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu CTĐT. Đặc biệt, trường có 3 Trường mầm non thực hành trực thuộc Trường là nơi tổ chức các hoạt động thực hành thực tập cho học sinh sinh viên. Phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu được bố trí phù hợp, thuận tiện cho công tác quản lý và chuyên môn. Đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự và phòng cháy, chữa cháy.

(9) *Về bảo đảm và nâng cao chất lượng:* Công tác bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDMN được Nhà trường hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng. Nhà trường đã xây dựng các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất CTĐT; Tổ chức có chất lượng, hiệu quả các hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm; Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR; Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến; hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT.

(10) *Về kết quả đầu ra:* Tỷ lệ người học ngành GDMN bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, gần 100% HSSV học ngành GDMN tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương tốt nghiệp ra trường đều nhanh chóng tìm được việc làm và được các nhà tuyển dụng ghi nhận, hài lòng cao. HSSV có cơ hội được học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của nhà tuyển dụng, xu thế và hội nhập quốc tế.

## **2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng CTĐT**

Bên cạnh những điểm mạnh, CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương còn một số điểm tồn tại, những vấn đề có thể cải tiến chất lượng trong thời gian tới như sau:

(1) *Về mục tiêu và CĐR*: Đối tượng lấy ý kiến của các bên liên quan góp ý về mục tiêu và CĐR của CTĐT chưa triển khai rộng, chưa tham khảo ý kiến của Nhà sử dụng lao động của các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài.

(2) *Về Bản mô tả CTĐT*: Số lượng mẫu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần chưa phủ rộng. Việc tiếp cận với các nhà tuyển dụng có yếu tố nước ngoài còn khó vì chưa có bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh.

(3) *Về cấu trúc và nội dung CTDH*: Việc mô tả CĐR của một số học phần hướng tới CĐR của CTĐT đôi chỗ còn chưa thể hiện rõ. Tính tích hợp một số nội dung dạy học chưa được thể hiện rõ ràng. Việc tổ chức lấy ý kiến về nội dung các học phần trong chương trình dạy học chưa được lớn về số lượng mẫu.

(4) *Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học*: Mục tiêu giáo dục chưa có bản tuyên bố bằng tiếng Anh. Các hoạt động dạy và học ở một số học phần chưa được thiết kế nhiều cho thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế của sinh viên chưa cao. Điều kiện CSVC và cách bố trí bàn ghế trong một số phòng học chưa thật sự phù hợp với lớp học các học phần chuyên ngành, thực hành nghề nghiệp, chưa thuận lợi trong làm việc nhóm của SV.

(5) *Về tuyển sinh và hỗ trợ người học*: Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh chưa được phong phú về đối tượng lấy ý kiến. Một số thông tin về ngành học, CTĐT, chương trình dạy học trên chuyên trang thông tin điện tử của Khoa còn sơ sài. Việc tìm kiếm các nguồn hỗ trợ học tập như học bổng, trợ cấp... từ các tổ chức xã hội dành cho các đối tượng ưu tiên còn hạn chế. Việc tổ chức các hội đồng xét, cấp học bổng đôi khi còn chậm muộn; chưa kịp thời do phần mềm xét điểm sai số liệu. Một số hoạt động cố vấn học tập còn hạn chế như tư vấn cho người học sắp xếp hợp lý kế hoạch học tập cá nhân; chiến lược học tập hiệu quả đối với một số học phần. Cơ sở vật chất cho khu vận động thể chất còn hạn chế.

(6) *Về đánh giá kết quả học tập của người học*: Trong một số học phần, việc kiểm tra đánh giá còn chú trọng về mặt kiến thức, chưa đánh giá được nhiều về mặt kỹ năng cho người học. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hình thức trắc nghiệm quan còn tương đối hạn chế. Việc thông báo kết quả học tập, đặc biệt là điểm thành phần đôi lúc còn chậm. Chưa có sổ tay sinh viên cho sinh viên đầu khóa để cung cấp đầy đủ các thông tin về khóa học về các quy định kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

(7) *Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên*: Nguồn nhân lực trình độ cao còn hạn chế, các hoạt động tổ chức bồi dưỡng kỹ năng

mềm (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm...) cho đội ngũ nhân viên chưa nhiều; việc tìm kiếm nguồn nhân sự tiềm năng bổ sung vào nguồn quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý gặp một số khó khăn nhất định.

(8) *Về Thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC khác:* Diện tích mặt bằng đất của Trường có hạn, cơ sở vật chất dành cho khu giáo dục thể chất còn hạn chế. Việc bổ sung tài liệu mới đôi lúc còn chưa kịp thời. Một số thiết bị máy tính, máy chiếu đã cũ, xuống cấp cần sửa chữa và bổ sung, thay mới kịp thời. Việc khảo sát và phỏng vấn cán bộ quản lý, giảng viên, người học chưa được lấy trên diện rộng.

(9) *Về bảo đảm và nâng cao chất lượng:* Cán bộ tham gia mạng lưới ĐBCL của một số đơn vị chưa được tham gia các khóa bồi dưỡng, tập huấn về đảm bảo và kiểm định CLGD. Một số cơ sở trong mạng lưới thực hành thực tập của ngành mầm non đang trong quá trình chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia hoặc chuẩn bị tham gia kiểm định chất lượng giáo dục. Chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học sau mỗi đợt thực hành, thực tập sư phạm. Chưa thực hiện thường xuyên các hoạt động thăm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập với CĐR. Việc bổ sung, cập nhật tài liệu cho việc đổi mới CTĐT đôi lúc còn chưa kịp thời. Đối tượng lấy ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan vào việc thiết kế và phát triển CTĐT chưa thật sự đa dạng, phong phú.

(10) *Về kết quả đầu ra:* Chưa có phân tích dự báo tỉ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Quá trình trao đổi, làm việc của trường với các đơn vị sử dụng lao động chưa được thực hiện ở tất cả các khâu của quá trình đào tạo. Đối tượng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa thực sự phong phú, đa dạng.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Để nâng cao chất lượng CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương dự kiến các hoạt động cải tiến chất lượng như sau:

(1) *Về mục tiêu và CĐR:* Từ năm học 2021 - 2022, Khoa GDMN phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng QLĐT thực hiện định kỳ khảo sát, lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan (cựu người học, GV, chuyên gia GDMN và nhà sử dụng lao động) về mục tiêu và CĐR của CTĐT.

(2) *Về Bản mô tả CTĐT:* Trong năm học 2021 - 2022 và những năm học tiếp theo, Nhà trường sẽ tiếp tục duy trì việc cập nhật, điều chỉnh CTĐT, ĐCCT

học phần. Đồng thời, triển khai sâu rộng việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để hoàn thiện chương trình, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

(3) *Về cấu trúc và nội dung CTDH*: Trong thời gian tới, Trường sẽ tiếp tục phát huy những điểm mạnh. Bên cạnh đó, Trường sẽ rà soát, chỉnh sửa các mô tả CDR của một số học phần, thể hiện rõ nét hơn tính tích hợp trong một số nội dung, triển khai việc lấy ý kiến phản hồi với số lượng mẫu lớn hơn.

(4) *Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học*: Trong thời gian tới, Trường sẽ xây dựng bản mục tiêu giáo dục bằng tiếng Anh; Điều chỉnh chương trình dạy học theo hướng tăng cường các hoạt động thực hành trong các học phần, Sắp xếp bố trí lại bàn ghế cho phù hợp với nội dung hoạt động của sinh viên; Rà soát, bổ sung điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV, bố trí phòng đặc thù vừa học lí thuyết vừa thực hành.

(5) *Về tuyển sinh và hỗ trợ người học*: Mở rộng đối tượng lấy ý kiến người học về chính sách tuyển sinh. Đẩy mạnh tìm kiếm nguồn từ xã hội để hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên. Thực hiện xét, cấp học bổng kịp thời; Nâng cấp, hoàn thiện phần mềm để làm căn thuận lợi cho việc xét học bổng, xét điểm rèn luyện. Tăng cường hoạt động cố vấn học tập nâng cao hiệu quả hỗ trợ người học. Triển khai dự án xây dựng nhà đa năng, đầu tư cơ sở vật chất cho khu vận động thể chất.

(6) *Về đánh giá kết quả học tập của người học*: Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh các hình thức KTĐG của một số học phần trong chương trình theo hướng cân bằng kiến thức, kỹ năng. Tăng số lượng học phần theo hình thức trắc nghiệm khách quan. Xây dựng sổ tay sinh viên (bản cứng hoặc bản điện tử) nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cho người học.

(7) *Về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên*: Nhà trường tăng cường tìm kiếm các nguồn tài chính hỗ trợ, khuyến khích giảng viên, nhân viên đi học nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Mở rộng nguồn quy hoạch với các đơn vị khác ngoài trường, đồng thời phát triển và trẻ hóa nguồn quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý.

(8) *Về Thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC khác*: Tìm kiếm nguồn lực đầu tư CSVC cho khu giáo dục thể chất, rà soát thiết bị máy tính, máy chiếu đã cũ, xuống cấp cần sửa chữa và bổ sung, thay mới kịp thời. Triển khai trên diện rộng khảo sát và phỏng vấn cán bộ quản lý, giảng viên, người học các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

(9) *Về bảo đảm và nâng cao chất lượng*: Trong thời gian tới, Trường sẽ tổ chức thường xuyên việc bồi dưỡng công tác bảo đảm chất lượng GD cho mạng lưới ĐBCL. Mở rộng hợp tác với các cơ sở thực hành, thực tập đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt chất lượng kiểm định CLGD. Tăng cường khảo sát ý kiến phản hồi của người học sau kết thúc mỗi đợt thực hành, thực tập sư phạm với số lượng đủ lớn và phong phú. Tổ chức thẩm định sự tương thích phù hợp của quá trình dạy học với CĐR. Tiếp tục cập nhật, bổ sung nguồn giáo trình, tài liệu để phù hợp với đổi mới CTĐT.

(10) *Về kết quả đầu ra*: Trong những năm tới, Trường sẽ tiến hành phân tích dự báo tỉ lệ SV thôi học của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn. Tăng cường trao đổi với nhà tuyển dụng ở tất cả các khâu của quá trình đào tạo. Mở rộng đối tượng của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

#### **4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT (Phụ lục 6a và Phụ lục 6b).**

**Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**  
(Theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Mã: CM1

Tên CTĐT: Giáo dục mầm non

Mã CTĐT: 51140201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								5,0	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								5,0	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5,0	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								5,0	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								4,33	6	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chí 5.6					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								5,0	3	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					

Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chí 7.6					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>										
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b>										
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chí 9.6				4						
Tiêu chí 9.7				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 10</i></b>										
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3				4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,76</b>	<b>43</b>	<b>100</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2021  
**HIỆU TRƯỞNG**

**Phụ lục 6b. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**  
(theo Thông tư số 23/2011/TT-BGDĐT, Thông tư số 49/2012/TT-BGDĐT,  
Thông tư số 33/2014/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Mã: CM1

Tên CTĐT: Giáo dục mầm non

Mã CTĐT: 51140201



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn	
	Đạt	Chưa đạt	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>			3	100%
Tiêu chí 1.1	Đ			
Tiêu chí 1.2	Đ			
Tiêu chí 1.3	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>			3	100%
Tiêu chí 2.1	Đ			
Tiêu chí 2.2	Đ			
Tiêu chí 2.3	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>			3	100%
Tiêu chí 3.1	Đ			
Tiêu chí 3.2	Đ			
Tiêu chí 3.3	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>			3	100%
Tiêu chí 4.1	Đ			
Tiêu chí 4.2	Đ			
Tiêu chí 4.3	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>			6	100%
Tiêu chí 5.1	Đ			
Tiêu chí 5.2	Đ			
Tiêu chí 5.3	Đ			
Tiêu chí 5.4	Đ			
Tiêu chí 5.5	Đ			
Tiêu chí 5.6				
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>			5	100%
Tiêu chí 6.1	Đ			
Tiêu chí 6.2	Đ			
Tiêu chí 6.3	Đ			
Tiêu chí 6.4	Đ			
Tiêu chí 6.5	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>			6	100%
Tiêu chí 7.1	Đ			
Tiêu chí 7.2	Đ			
Tiêu chí 7.3	Đ			
Tiêu chí 7.4	Đ			
Tiêu chí 7.5	Đ			
Tiêu chí 7.6	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>			4	100%
Tiêu chí 8.1	Đ			
Tiêu chí 8.2	Đ			
Tiêu chí 8.3	Đ			
Tiêu chí 8.4	Đ			
<b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b>			7	100%
Tiêu chí 9.1	Đ	125		
Tiêu chí 9.2	Đ			
Tiêu chí 9.3	Đ			
Tiêu chí 9.4	Đ			
Tiêu chí 9.5	Đ			

*Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2021*  
**HIỆU TRƯỞNG**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/8/2021

##### **I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

Tiếng Anh: The National College for Education

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: CDSPTU

Tiếng Anh: NCE

3. Tên trước đây: Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 387 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

6. Thông tin liên hệ:

- Điện thoại 0243.5764230

- E-mail: [cdsptw@cdsptw.edu.vn](mailto:cdsptw@cdsptw.edu.vn)

- Website: <http://cdsptw.edu.vn>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập):

Ngày 25 tháng 8 năm 1988 (theo Quyết định số 93/HĐBT, ngày 25 tháng 8 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Ngày 26 tháng 01 năm 2006 theo Quyết định số 509/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: tháng 9 năm 1988.

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: tháng 9 năm 1991.

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

##### **II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Giáo dục Mầm non

Tiếng Anh: Faculty of Early Childhood Education

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Không

Tiếng Anh: Không

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: Không

Tiếng Anh: Không

15. Mã CTĐT: 51140201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà B - Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, 387 Hoàng Quốc Việt

18. Số điện thoại liên hệ: 024.37911128;

Email: Khoa.gdmn.cdsptw@gmail.com

Website: <http://cdsptw.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): Năm 2003

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1988

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1991

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Giáo dục mầm non có lịch sử hình thành và phát triển song song cùng với lịch sử phát triển của Nhà trường. Năm 1988 Trường CĐSP Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I được thành lập trên cơ sở của 02 trường tiền thân là Trường THSP Mẫu giáo Trung ương (tại Phủ Lý, Hà Nam) và Trường Trung học sư phạm Nuôi dạy trẻ Trung ương (tại Từ Liêm, Hà Nội) với nhiệm vụ đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng bậc học mầm non cho các tỉnh phía Bắc.

Năm 2003 theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường CĐSP Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I thành Trường CĐSP Trung ương, Khoa Giáo dục mầm non (GDMN) được thành lập ngày 20/11/2003 trên cơ sở một số tổ bộ môn của Trường CĐSP Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I.

Tiếp nối truyền thống của Trường CĐSP Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I, với sự lãnh đạo của Ban chủ nhiệm Khoa qua các thời kỳ và các thế hệ CBGV có trình độ chuyên môn cao, tận tâm với nghề, Khoa GDMN đã và đang thực hiện tốt sứ mạng của mình là đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, GVMN. Các thế hệ giáo viên mầm non do Khoa đào tạo đã trưởng thành, nhiều người đã và đang giữ những vị trí trọng trách, có nhiều đóng góp lớn cho sự phát triển của ngành giáo dục mầm non. Khoa GDMN luôn giữ vai trò là một Khoa mũi nhọn trong chiến lược đào tạo của Trường CĐSP Trung ương, là một địa

chỉ tin cậy về chất lượng chuyên môn của đông đảo học sinh, sinh viên, các cơ sở chăm sóc giáo dục trẻ mầm non, các cơ sở đào tạo GVMN trong và ngoài nước, các cơ quan quản lý GDMN. Khoa GDMN cũng không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên để đáp ứng yêu cầu của đổi mới Giáo dục mầm non và nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Tổng số ngành khoa đào tạo: 01 ngành

Tổng số CTĐT của Khoa: 05 CTĐT

Thành tích đã đạt được:

\* Đào tạo, bồi dưỡng:

- Đào tạo: Trong 34 năm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN), cán bộ giảng viên của Khoa đã tham gia đào tạo được 31 khoá sinh viên trình độ Cao đẳng, 25 khoá học sinh trình độ Trung cấp, 15 khóa Liên thông, 26 khóa sinh viên Vừa học vừa làm. Tổng cộng, Khoa đã đào tạo được trên 50.000 giáo viên mầm non các hệ. Đặc biệt, Khoa còn tham gia đào tạo sinh viên cho nước bạn Lào. Riêng năm 2018, Khoa tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho 17 học viên là cán bộ quản lý, GVMN của nước CHDCND Lào.

Sản phẩm đào tạo của khoa được các cơ sở GDMN trong nước và quốc tế sử dụng và đánh giá cao. Khoa có một mạng lưới các trường thực hành, thực tập quy mô lớn và chất lượng cao trên địa bàn Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

- Bồi dưỡng: Bồi dưỡng cấp các loại chứng chỉ/chứng nhận về GDMN cho hơn 4000 GVMN và 3000 cán bộ quản lý các cơ sở GDMN, hàng nghìn giáo viên Montessori... Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên và bồi dưỡng chuyên đề cho các GVMN trong cả nước.

\*. Các hoạt động khác

- Kết hợp với Vụ Giáo dục Mầm non, Cục Nhà giáo, Trung tâm nghiên cứu GDMN (Viện Khoa học GD), các Sở GD & ĐT thực hiện các dự án, đề tài NCKH, xây dựng các chương trình, biên soạn và thẩm định các tài liệu về GDMN.

- Cử giảng viên đi học tập và nghiên cứu ở Nhật, Singapore, Bỉ, Đan Mạch, Úc, Hàn Quốc, v.v;

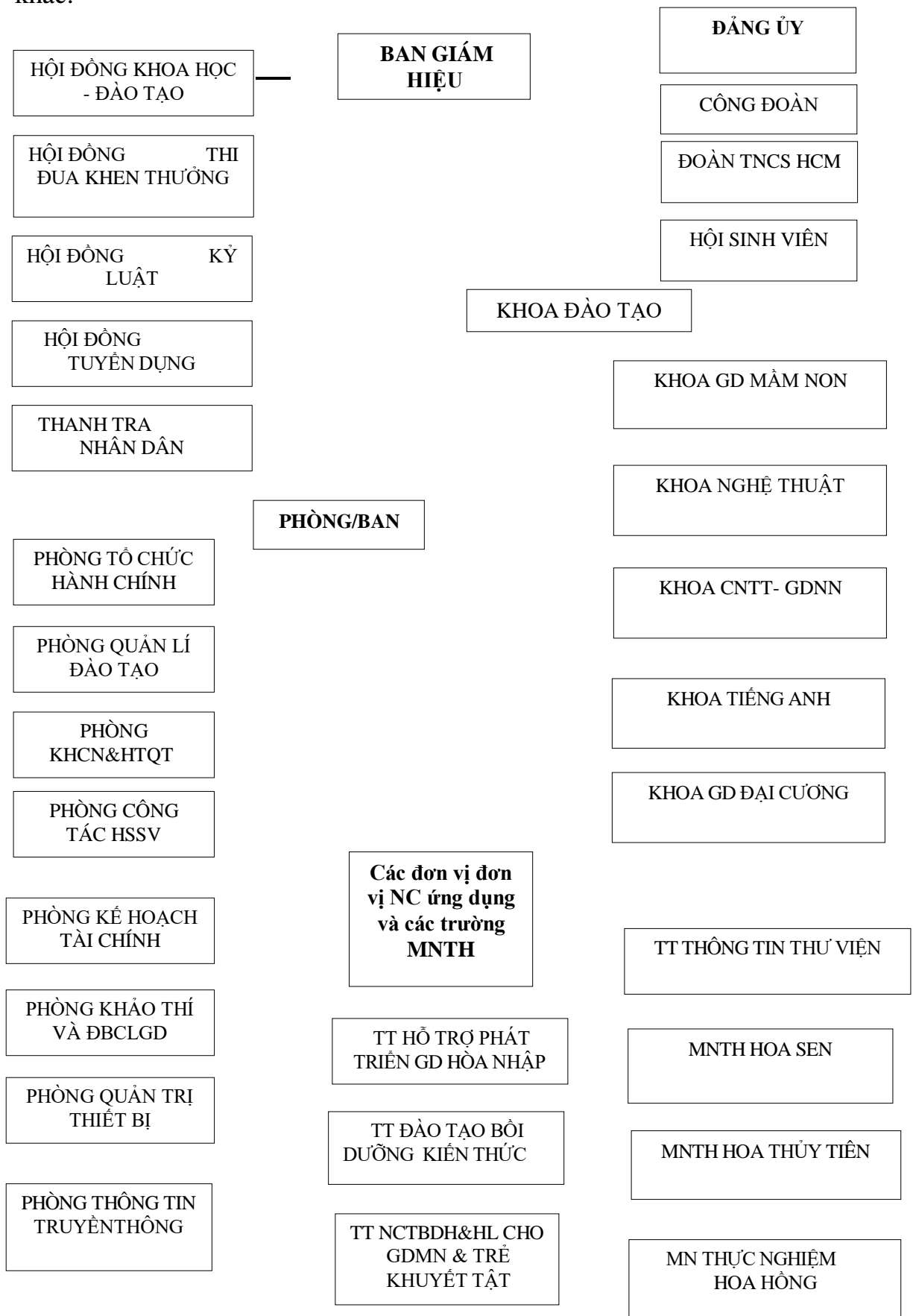
- Triển khai các dự án hợp tác quốc tế và tham gia các hoạt động của các tổ chức quốc tế (UNICEF, VVOB...)

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của trường và Khoa GDMN

a. Cơ cấu tổ chức của Trường

Cơ cấu hiện nay của Nhà trường gồm 20 đơn vị thuộc và trực thuộc với 8 phòng, 05 khoa, 04 trung tâm và 03 Trường Mầm non thực hành. Đội ngũ cán

bộ quản lý có 73 người, trong đó có 15 Tiến sĩ, 54 thạc sĩ, 3 cử nhân, 1 trình độ khác.



### b. Cơ cấu tổ chức của Khoa GDMN

Khoa GDMN có 03 tổ bộ môn (Tâm lý Giáo dục, Giáo dục trí tuệ, Giáo dục thể chất cho trẻ em) và 01 Tổ Quản lý thực hành thực tập.

Được thể hiện qua sơ đồ sau:



Khoa GDMN có chức năng, nhiệm vụ đào tạo cử nhân GD mầm non trình độ cao đẳng.

#### \* Chức năng

Là đơn vị chuyên môn có chức năng triển khai các hoạt động giảng dạy, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức đào tạo các ngành được giao quản lý; tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ; hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước trong triển khai các đề án, chương trình và hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học công nghệ.

#### \* Nhiệm vụ

- Quản lý và đào tạo học sinh, sinh viên ngành GDMN; giảng dạy các học phần chuyên ngành thuộc khoa quản lý;

- Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu, kế hoạch, lịch trình giảng dạy; kiểm tra đánh giá người học; lựa chọn cơ sở thực hành, thực tập; tổ chức triển khai kế hoạch thực hành, thực tập thuộc lĩnh vực chuyên môn do khoa quản lý;

- Quản lý nội dung, phương pháp, chất lượng đào tạo các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên môn do khoa quản lý;

- Quản lý cán bộ, giảng viên và học sinh, sinh viên thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng; chủ động đề xuất việc đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng

cao chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên;

- Phối hợp với các đơn vị trong tổ chức và thực hiện giảng dạy các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá năng lực người học theo chuẩn đầu ra; thực hiện các công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn do Khoa quản lý; Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện các đề án, dự án, chương trình thuộc lĩnh vực chuyên môn do khoa quản lý; Phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Thông tin - Truyền thông và các đơn vị chức năng khác trong quảng bá tuyển sinh, tìm kiếm đối tác phối hợp, hợp tác đào tạo các ngành thuộc khoa quản lý; Phối hợp với phòng Công tác học sinh, sinh viên trong giải quyết chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi của người học;

- Thẩm định và xác nhận giờ giảng của từng học phần làm cơ sở để phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện chế độ thanh toán theo quy định;

- Đề xuất với Hiệu trưởng xét bảo lưu kết quả học tập, xét chuyển đi, chuyển đến, tạm ngừng học, xin học tiếp, thôi học, khen thưởng, kỷ luật, gia hạn thêm thời gian học tập đối với người học thuộc quyền quản lý theo quy định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ban Giám hiệu

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

ST T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại, email
	Ban Giám hiệu				
1	Trần Đình Tuấn		1965	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0986481965 trandinhluan@cdsptw.edu.vn
2	Trịnh Thị Xim		1970	Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	0904458674 ximtt@cdsptw.edu.vn
3	Nguyễn Thị Thanh		1976	TS, Phó Hiệu trưởng	0438355491 thanhnt76@cdsptw.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT				
I	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị				
1	Nguyễn Thị Hồng Vân		1976	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0914372975 hongvan.gdmn@gmail.com



2	Hồ Thị Thanh Tâm	1976	ThS, Phó Trưởng khoa	0982360611 hotam76@gmail.com
<b>II</b>	<b>Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Hội sinh viên:</b>			
1	Đảng ủy			
1.1	Trần Đình Tuấn	1965	Bí thư Đảng ủy	0986481965 trandinhluan@cdsptw.edu.vn
1.2	Trịnh Thị Xim	1971	Phó Bí thư Đảng ủy	0904458674 ximtt@cdsptw.edu.vn
1.3	Nguyễn Thị Thanh	1976	Đảng ủy viên	0904305766 thanhnt@cdsptw.edu.vn
1.4	Phạm Văn Hảo	1981	Đảng ủy viên	0989666781 haopv@cdsptw.edu.vn
1.5	Phạm Trần Hồng Hà	1970	Đảng ủy viên	0972479918 honghacdsptw@gmail.com
1.6	Nguyễn Thị Hồng Vân	1976	Đảng ủy viên	0914372975 hongvan.gdmn@gmail.com
1.7	Trần Nguyên Hương	1979	Đảng ủy viên	0988180955 huongtw@gmail.com
1.8	Lê Thị Thúy Hằng	1974	Đảng ủy viên	0976969906 thuyhang213@yahoo.com
2	Đoàn Thanh niên			
	Đoàn Hữu Huân	1991	Bí thư	0945289347 huandh@cdsptw.edu.vn
3	Công đoàn			
	Phạm Trần Hồng Hà	1970	Chủ tịch	0972479918 honghacdsptw@gmail.com
<b>III</b>	<b>Các phòng ban:</b>			
1	Phòng Tổ chức Hành chính			
	Nguyễn Thị Nhung	1980	ThS, Phó Trưởng phòng phụ trách phòng	0982510056 nhungnt@cdsptw.edu.vn
2	Phòng Kế hoạch - Tài chính			
	Đoàn Đức Dương	1981	Phó Trưởng phòng phụ	0983476828 doanducduong@yahoo.com

			trách phòng	
3	Phòng Quản lý Đào tạo			
	Phạm Văn Hào	1981	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0989666781 haopv@cdsptw.edu.vn
4	Phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD			
	Lê Thị Chúc Quỳnh	1976	ThS, Trưởng phòng	0932235577 quynhcdsp@gmail.com
5	Phòng Quản trị - Thiết bị			
	Nguyễn Thạc Hải	1982	ThS, Phó Trưởng phòng phụ trách phòng	0948699998 thachaikt@gmail.com
6	Phòng Công tác Học sinh Sinh viên			
	Phương Thị Xuyên	1983	ThS, Trưởng phòng	0969791881 phuonghaxuyen@gmail.com
7	Phòng NCKH và Hợp tác quốc tế			
	Nguyễn Ngọc Linh	1979	Tiến sĩ, Trưởng phòng	0934588343 linhnn@cdsptw.edu.vn
8	Phòng Thông tin truyền thông			
	Phạm Tiến Thành	1983	ThS, Trưởng phòng	0915084862 thanhphamtien@gmail.com
<b>IV</b>	<b>Các khoa:</b>			
1	Khoa Giáo dục đại cương			
	Đỗ Thị Thanh Loan	1970	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0982767970 thanhloanlct@gmail.com
2	Khoa Giáo dục Mầm non			
	Nguyễn Thị Hồng Vân	1976	Tiến sĩ, Trưởng khoa	0914372975 hongvan.gdmn@gmail.com
3	Khoa Nghệ thuật			
	Phạm Minh Tùng	1983	ThS, Trưởng khoa	0915266621 tungpm@cdsptw.edu.vn
4	Khoa Công nghệ Thông tin - Giáo dục nghề nghiệp			
	Trần Nguyên Hương	1979	ThS, Trưởng khoa	0988180955 huongtn@cdsptw.edu.vn
5	Khoa Tiếng Anh			
	Nguyễn Minh Tuấn	1980	ThS, Trưởng khoa	0979798195 tuancfl@gmail.com

<b>V</b>	<b>Các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ:</b>			
1	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục Đặc biệt			
	Lê Thị Thúy Hằng	1974	Tiến sĩ, Giám đốc	0976969906 thuyhang213@yahoo.com
2	Trung tâm NC thiết bị dạy học và học liệu cho GDMN và trẻ khuyết tật			
	Trịnh Văn Tùng	1977	Tiến sĩ, Giám đốc	0903280677 trinhtung2002@gmail.com
3	TT Đào tạo bồi dưỡng kiến thức			
	Khoa Việt Hà	1980	ThS, Giám đốc	0983571499 havier0501@gmail.com
<b>VI</b>	<b>Các tổ chức phục vụ đào tạo và nghiên cứu ứng dụng:</b>			
1	TT Thông tin - Thư viện			
	Phan Thị Thương	1981	ThS. Giám đốc	0902209278 thuongpt@cdsptw.edu.vn
2	Trường MNTH Hoa sen			
	Nguyễn Thị Thanh	1976	TS, Hiệu trưởng	0438355491 thanhnt76@cdsptw.edu.vn
3	Trường MNTH Hoa Hồng			
	Đào Thị My	1980	Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0438533720 haimy1980@yahoo.com.vn
4	Trường MNTH Hoa Thủy Tiên			
	Trương Thị Minh Phượng	1970	ThS, Hiệu trưởng	0437566506 truongtmphuong1970@gmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của khoa GDMN: 05

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: Không

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 07

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có      Không

Chính quy	x	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	x	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): .....

32. Tổng số các ngành đào tạo: 07

#### IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Đội ngũ cơ hữu<sup>1</sup></b> <i>Trong đó:</i>	43	122	165
I.1	Đội ngũ trong biên chế	42	117	
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	1	5	6
II	<b>Các đối tượng khác</b> Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng <sup>2</sup> )			
	<b>Tổng số</b>	43	122	165

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

<sup>1</sup> Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

<sup>2</sup> Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>3</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	01			01		
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	20	05		15		
5	Thạc sĩ	125	90		35		
6	Đại học	4	4				
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	<b>Tổng số</b>	<b>149</b>	<b>99</b>		<b>50</b>		

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 70 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 74,5%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

<sup>3</sup>Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0	1			1			
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	19	5		14			9
5	Thạc sĩ	1	125	90		35			100.5
6	Đại học	0,3	4						1.2
	Tổng		149	95		50			

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	1	0.7	1					1	
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	19	12.7	3	16		2	13	4	
5	Thạc sĩ	125	83.9	31	94		46	66	13	
6	Đại học	4	2.7	3	1		3	1		
	Tổng	149	100	38	111		51	80	18	

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 13.4%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 83.9%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		70%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20%	20%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	60%	10%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20%	
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	<b>Tổng</b>		

## V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm		Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
					Theo điểm thi THPT	Theo học bạ		
2016-2017		915		701	15,00	21,00		0
2017-2018		786		654	17,25	19,00		0
2018-2019		510		430	18,25	19,50		0
2019-2020		1093		830	16,00	19,50		0
2020-2021		1133		975	16,50	19,50		0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Hệ chính quy	3173	2354	1844	1955	2235
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác ...					

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	3696.42	3768.71	3818.16	3818.16	3917.06
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	539	505	464	415	354
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	539	505	464	415	354
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	5m2/ người	5m2/ người	5m2/ người	5m2/ người	5m2/ người

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

*Đơn vị: người*



Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016	2017	2018	2019	2020
<b>1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ</b>					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy	868	1362	705	708	562
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

#### 44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của ngành GDMN

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2017	2015-2018	2016-2019	2017-2020	2018 - 2021
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	1362	705	708	562	
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).		98,4%	80,1%	84,6%	
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).		91,62%	98,96%	95%	
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).		6,29%	1,04%	5%	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2014-2017	2015-2018	2016-2019	2017-2020	2018 - 2021
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp		2,09%	0%	0%	
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.		98,3%	98,8%	97,8%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).		1,7%	1,2%	2,2%	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.		5 triệu	5 triệu	5 triệu	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	89,4%	86%	86,7%	90,1%	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	10,6%	14%	13,3%	9,9%	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0%	0%	0%	0%	

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0		01				2
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	02	02		01	02	7
3	Đề tài cấp trường	0,5	09	20	07	08	06	25
	Tổng							34

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 34

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0.24

45. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017			
2	2018			
3	2019			
4	2020			
5	2021			

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	25	65	119	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	25	65	119	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	4	1	5	15
3	Sách tham khảo	1,0	6	4	3	5	3	21
4	Sách hướng dẫn	0,5	3	0	2	1	1	3,5
	Tổng		9	4	9	7	9	39,5

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 39,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,27

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	32	34	13
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	1	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	32	27	13

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	1	1	3
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	58	164	21	31	2	276
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	30	8	22	18	14	46
	Tổng		88	172	43	50	17	325

**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 325

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,3

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	2	62	55
Từ 6 đến 10 bài báo	0	7	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	2	0
Trên 15 bài báo	0	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	72	55

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	1	7	1	0	0	9
2	Hội thảo trong nước	0,5	2	8	1	34	0	22,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	52	9	48	46	26	45,25
	Tổng		55	17	50	80	26	76,75

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)*

**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 76,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,53

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	9	75	81
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	2
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	9	75	84

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

#### 54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0

#### 55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	17	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	17	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

#### 55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu	0	0	0	0	0

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
	cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>): 26.351,6 m<sup>2</sup>. Trong đó:

- Số 387 Hoàng Quốc Việt: 12.622,2 m<sup>2</sup>
- Trường thực nghiệm Hoa Hồng, số 111 Vĩnh Hồ: 7.699 m<sup>2</sup>
- Trường mầm non thực hành Hoa Sen - Khu D, phường Giảng Võ: 6.030.4 m<sup>2</sup>

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>): 26.351,6 m<sup>2</sup>. Trong đó:

- Số 387 Hoàng Quốc Việt: 12.622,2 m<sup>2</sup>
- Trường thực nghiệm Hoa Hồng, số 111 Vĩnh Hồ: 7.699 m<sup>2</sup>
- Trường mầm non thực hành Hoa Sen - Khu D, phường Giảng Võ: 6.030.4 m<sup>2</sup>

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: 4000 m<sup>2</sup>
- Nơi học: 5900 m<sup>2</sup>
- Nơi vui chơi giải trí: 6200 m<sup>2</sup>
- Nơi ở của sinh viên: 4000 m<sup>2</sup>
- Mầm non Hoa thủy tiên: 2000 m<sup>2</sup>

59. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học: 5888 m<sup>2</sup>
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,55m<sup>2</sup>/sinh viên

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 112 bộ máy tính
- Dùng cho người học học tập: 105 bộ máy tính

Tỷ số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0.03/sinh viên

## VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng

dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 149

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 74,5%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 13,4%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 83,8%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 2235

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 15,0

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 87,7

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 95,2%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 4,1%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 98,3%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 1,7%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5 triệu

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 88%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 12%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,24

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,27

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,3

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,53



## 7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho SV trên SV chính quy: 0.03/sinh viên

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,55m<sup>2</sup>/sinh viên

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy 5m<sup>2</sup>/sinh viên

*(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).*

Số: 130/QĐ-CĐSPTU

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
ngành Giáo dục mầm non

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 93/HDBT ngày 28 tháng 5 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Nhà trẻ - Mẫu giáo Trung ương I thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non; Thành phần gồm: (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thành viên thực hiện nhiệm vụ theo đúng Quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo và theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) có tên tại Điều 1, Trường các khoa, phòng và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *LS*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTĐBCLGD.



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN**

**Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non**

*(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-CDSPTƯ ngày 16 tháng 3 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)*

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Đình Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Trịnh Thị Xím	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Nguyễn Thị Hồng Vân	Trưởng khoa Giáo dục mầm non	Phó Chủ tịch
4	Lê Thị Chúc Quỳnh	Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên TT
5	Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng Khoa Tiếng Anh	Ủy viên thư ký
6	Phạm Tiến Thành	Trưởng phòng Thông tin - Truyền thông	Ủy viên thư ký
7	Nguyễn Thị Nhung	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Ủy viên
8	Nguyễn Thị Thủy	Phó Trưởng phòng Kế hoạch tài chính	Ủy viên
9	Nguyễn Thạc Hải	Phó Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên
10	Phạm Văn Hào	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
11	Dương Xuân Phương	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
12	Phương Thị Xuyên	Trưởng phòng Công tác HSSV	Ủy viên
13	Hồ Thị Thanh Tâm	Phó Trưởng khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
14	Trần Nguyễn Hương	Trưởng khoa CNTT-GDNN	Ủy viên
15	Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng khoa Giáo dục đặc biệt	Ủy viên
16	Phạm Minh Tùng	Trưởng khoa Nghệ thuật	Ủy viên
17	Nguyễn Thị Thanh Nga	Phó Trưởng khoa Giáo dục đại cương	Ủy viên
18	Phan Thị Thương	Giám đốc Trung Tâm Thư viện	Ủy viên
19	Bùi Minh Hải	Phó Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên
20	Nguyễn Trung Hiếu	Trợ lý khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
21	Vũ Thị Thanh Huyền	Trợ lý khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
22	Phạm Thị Thu	Tổ trưởng bộ môn Giáo dục trí tuệ - Khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên



**DANH SÁCH NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH**  
**Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non**

(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-CDSPTU ngày 16 tháng 3 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>NHÓM 1: Phụ trách tiêu chuẩn 1 và 2</b>			
1	Nguyễn Thị Hồng Vân	Trưởng khoa Giáo dục mầm non	Trưởng nhóm
2	Trần Nguyên Hương	Trưởng khoa CNTT-GDNN	Ủy viên
3	Vũ Thị Thanh Huyền	Trợ lý khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
<b>NHÓM 2: Phụ trách tiêu chuẩn 3 và 5</b>			
1	Dương Xuân Phương	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Trưởng nhóm
2	Phạm Thị Thu	Tổ trưởng bộ môn Giáo dục trí tuệ - Khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
3	Phạm Minh Tùng	Trưởng khoa Nghệ thuật	Ủy viên
4	Nguyễn Trung Hiếu	Trợ lý khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
<b>NHÓM 3: Phụ trách tiêu chuẩn 4 và 6</b>			
1	Hồ Thị Thanh Tâm	Phó Trưởng khoa Giáo dục mầm non	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thị Hoài	Tổ trưởng bộ môn Tâm lý giáo dục - Khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
3	Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng khoa Giáo dục đặc biệt	Ủy viên
4	Bùi Minh Hải	Phó Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên
5	Đặng Thị Thu Hà	Tổ trưởng bộ môn Giáo dục thể chất cho trẻ MN - Khoa Giáo dục mầm non	Ủy viên
<b>NHÓM 4: Phụ trách tiêu chuẩn 7 và 8</b>			
1	Nguyễn Thị Nhung	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thạc Hải	Phó Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên
3	Nguyễn Thị Thanh Nga	Phó Trưởng khoa Giáo dục đại cương	Ủy viên
4	Phan Thị Thương	Giám đốc Trung Tâm Thư viện	Ủy viên

**DANH SÁCH BAN THƯ KÝ**

**Hội đồng Tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non**

*(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-CDSPTU ngày 16 tháng 5 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương)*

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Lê Thị Chúc Quỳnh	Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Trưởng ban
2	Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng Khoa Tiếng Anh	Ủy viên
3	Phạm Tiến Thành	Trưởng phòng Thông tin - Truyền thông	Ủy viên

*(Danh sách gồm 03 người)*

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non**

**I. Mục đích tự đánh giá**

- Xác định mức độ đáp ứng của các chương trình đào (CTĐT) tạo ngành Giáo dục Mầm non so với bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cải tiến, nâng cao chất lượng và kiểm định chất lượng CTĐT.

- Thực hiện trách nhiệm giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT.

**II. Phạm vi đánh giá**

- Đánh giá các hoạt động của Nhà trường trong việc thực hiện các chương trình đào tạo nói trên theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Từ năm 2017 - 2021.

**III. Công cụ đánh giá**

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 2 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm:

Công văn số 756/QLCL-KĐCLGD ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm.

Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

**IV. Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách**

Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 130/QĐ-CĐSPTW ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Hiệu trưởng Nhà trường.

**V. Thời gian biểu thực hiện**

**1. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá**

Thời gian	Nội dung thực hiện	Yêu cầu kết quả
Dự kiến 01 ngày trong tuần (05/4/2021 - 11/4/2021)	Phân tích cấu trúc, nội dung CTĐT; hướng dẫn rà soát chương trình dạy học và Đề cương chi tiết học phần; hướng dẫn xây dựng bản mô tả CTĐT,...	Chương trình dạy học và Đề cương chi tiết học phần
Dự kiến 01 ngày trong tuần	Tập huấn tự đánh giá (TDG): - Hướng dẫn phân tích nội hàm tiêu chí, xác	Rà soát CTĐT theo mốc chuẩn đánh giá



Thời gian	Nội dung thực hiện	Yêu cầu kết quả
(05/4/2021 - 11/4/2021)	định minh chứng tương ứng với từng tiêu chí (Chương trình kèm theo). - Những yêu cầu, quy định và kỹ thuật viết báo cáo TDG	CTDT cao đẳng sư phạm
Tuần từ (12/4 đến 18/4)	Kiểm tra, đánh giá mức độ đáp ứng của các minh chứng đã chuẩn bị theo yêu cầu của tiêu chí, tiêu chuẩn ( <i>Các nhóm công tác tự chủ động thời gian của từng nhóm</i> )	Minh chứng thu thập theo từng tiêu chuẩn/tiêu chí
Dự kiến 2 ngày (19/4 và 20/4/2021)	Chuyên gia tư vấn làm việc trực tiếp, đánh giá mức độ đáp ứng của các minh chứng so với nội dung mô tả và so với yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn.	Tập minh chứng phục vụ cho viết báo cáo TDG
Dự kiến (10/5/2021 - 16/5/2021)	Gửi Phiếu đánh giá tiêu chí theo từng nhóm cho chuyên gia tư vấn	Tập các phiếu đánh giá tiêu chí theo từng tiêu chuẩn được phân công
Dự kiến (21/6/2021 - 27/6/2021)	Gửi dự thảo báo cáo TDG (lần 1) cho chuyên gia tư vấn. Chuyên gia nhận xét và góp ý chỉnh sửa báo cáo	Báo cáo TDG lần 1
Trước ngày 15/7/2021	Lấy ý kiến Hội đồng tự đánh giá chỉnh sửa báo cáo TDG (lần 2) và gửi cho chuyên gia tư vấn	Báo cáo TDG lần 2

## 2. Hội đồng tự đánh giá và các Nhóm công tác chuyên trách

Thời gian	Nội dung thực hiện	Yêu cầu kết quả
<b>Tuần 1-2</b> (05/4/2021 - 18/4/2021)	Họp HĐTDG, phân công nhiệm vụ. Các nhóm chuyên trách tổ chức họp sau khi được chuyên gia tư vấn, hướng dẫn viết báo cáo: - Nghiên cứu, phân tích nội hàm từng tiêu chuẩn/ tiêu chí - Xây dựng danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập, đánh giá sơ bộ hiện trạng (tình trạng sẵn có/ chưa có và hướng khắc phục)	- Bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm chuyên trách (phân công thu thập minh chứng và viết tiêu chí) - Danh mục minh chứng dự kiến cần thu thập đối với từng tiêu chí

Thời gian	Nội dung thực hiện	Yêu cầu kết quả
<b>Tuần 3-4</b> (19/4/2021 - 02/5/2021)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm tiến hành thu thập minh chứng theo phân công, gửi danh mục cho các đơn vị có liên quan đề nghị cung cấp, hỗ trợ</li> <li>- Ban thư ký tiến hành viết phần Tổng quan và Cơ sở dữ liệu của báo cáo tự đánh giá</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Minh chứng đã được thu thập</li> <li>- Bản cơ sở dữ liệu tự đánh giá</li> </ul>
<b>Tuần 5-6</b> (3/5/2021 - 16/5/2021)	- Thành viên nhóm chuyên trách viết phiếu đánh giá tiêu chí theo phân công (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết)	Phiếu đánh giá tiêu chí
<b>Tuần 7-8</b> (17/5/2021 - 30/5/2021)	- Các nhóm chuyên trách họp để thông qua phiếu đánh giá tiêu chí và đề xuất chỉnh sửa	Biên bản họp (trong đó thể hiện nội dung đề xuất chỉnh sửa)
<b>Tuần 9-10</b> (31/5/2021 - 13/6/2021)	- Các nhóm chuyên trách chỉnh sửa theo góp ý của Nhóm và nộp cho Trưởng nhóm; Trưởng nhóm tổng hợp thành báo cáo tiêu chuẩn và nộp cho Thư ký Hội đồng	Các Báo cáo tiêu chuẩn
<b>Tuần 11</b> (14/6/2021 - 20/6/2021)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng tự đánh giá:</li> <li>+ Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí của các nhóm</li> <li>+ Kiểm tra, rà soát minh chứng</li> <li>+ Chỉnh sửa, bổ sung</li> </ul>	Biên bản họp Hội đồng (trong đó thể hiện các nội dung cần chỉnh sửa, các minh chứng cần bổ sung)
<b>Tuần 12</b> (21/6/2021 - 27/6/2021)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm chuyên trách rà soát và bổ sung theo góp ý của Hội đồng</li> <li>- Ban biên tập tổng hợp báo cáo</li> <li>- Gửi báo cáo lần 1 cho chuyên gia</li> </ul>	Báo cáo tiêu chuẩn đã chỉnh sửa Bản dự thảo báo cáo tự đánh giá
<b>Tuần 13</b> (28/6/2021 - 4/7/2021)	Hội đồng tự đánh giá CTDT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá đề xuất chỉnh sửa (nếu cần)	Nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có)
<b>Tuần 14</b> (5/7/2021 - 11/7/2021)	- Trưởng ban Thư ký Công bố bản báo cáo TDG và xin ý kiến góp ý (Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan đóng góp ý kiến về báo cáo TDG)	Báo cáo đăng website trường hoặc gửi cho các đơn vị trong Trường



Thời gian	Nội dung thực hiện	Yêu cầu kết quả
<b>Tuần 15</b> (12/7/2021 - 18/7/2021)	- Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để bổ sung, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo ý kiến góp ý; thông qua báo cáo TĐG lần cuối và trình Hiệu trưởng ký ban hành	Báo cáo TĐG hoàn thiện
<b>Sau ngày</b> 31/7/2021	- Công khai báo cáo TĐG trong nội bộ trường. - Nộp báo cáo TĐG cho Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Xây dựng kế hoạch Cải tiến chất lượng sau tự đánh giá - Đăng ký đánh giá ngoài CTĐT với Trung tâm KDCLGD - Lưu trữ hệ thống minh chứng phục vụ công tác đánh giá ngoài	Kế hoạch cải tiến chất lượng được ban hành và triển khai thực hiện

## VI. Tổ chức thực hiện

### 1. Trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

a) Trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá: Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc và triển khai các công tác tự đánh giá chương trình đào tạo; tham gia phản biện, nghiệm thu và đánh giá mức độ đạt được của báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo; tư vấn cho Hiệu trưởng về các biện pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động của chương trình đào tạo.

b) Trách nhiệm của Ban thư ký: giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá, tổng hợp số liệu và hoàn thiện báo cáo.

c) Trách nhiệm của các Nhóm công tác chuyên trách: Tham gia tập huấn tự đánh giá chương trình đào tạo; tổ chức thu thập minh chứng, viết báo cáo tiêu chí/tiêu chuẩn theo đúng kế hoạch về thời gian và đảm bảo chất lượng; tham gia bảo vệ tiêu chí/tiêu chuẩn trước Hội đồng tự đánh giá; thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu theo nội dung phản biện của Hội đồng; đề xuất với Hội đồng tự đánh giá các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

### 2. Trách nhiệm của Khoa có chương trình tự đánh giá

- Phổ biến kế hoạch, nội dung công tác tự đánh giá chương trình đào tạo tới toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa;

- Đôn đốc, giám sát các thành viên của Khoa tham gia công tác tự đánh giá chương trình đào tạo hoàn thành đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng;

- Phối hợp với phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo báo cáo tự đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và báo cáo kết quả cho Ban Giám hiệu.

- Định kỳ hàng tháng, báo cáo Hiệu trưởng về tiến độ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo thông qua phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

### **3. Trách nhiệm của phòng Khảo thí và Đảm bảo CLGD**

- Giúp việc cho Hiệu trưởng trong việc tư vấn hoạt động tự đánh giá CTĐT;

- Tư vấn, hướng dẫn các đơn vị trong Nhà trường thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT khi có yêu cầu;

- Đôn đốc, giám sát thực hiện công tác tự đánh giá và báo cáo Hiệu trưởng;

- Phối hợp với các Khoa và phòng Quản lý đào tạo để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, giám sát hoạt động cải tiến chất lượng chương trình đào tạo và báo cáo kết quả cải tiến cho Ban Giám hiệu.

### **4. Trách nhiệm của phòng Quản lý đào tạo**

- Phối hợp chặt chẽ với các Khoa và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục quá trình tự đánh giá.

- Cung cấp các thông tin minh chứng về CTĐT, Đề cương chi tiết và các hồ sơ liên quan đến chương trình và quá trình chỉnh sửa chương trình.

- Xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT, thực hiện các điều tra lấy ý kiến phản hồi về CTĐT hằng năm (nhà tuyển dụng, giảng viên, cựu sinh viên...)

### **5. Trách nhiệm của các đơn vị phòng/ban chức năng, trung tâm và các tổ chức đoàn thể trong Trường**

- Phổ biến hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo tới toàn thể tới toàn thể cán bộ viên chức của đơn vị;

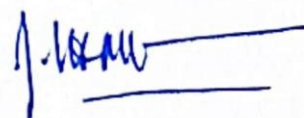
- Phối hợp với các Khoa và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục trong công tác tự đánh giá chương trình đào tạo như: cung cấp thông tin, minh chứng cho các nhóm chuyên trách khi được yêu cầu; biên soạn các văn bản (*kế hoạch, báo cáo, quy định, quy trình, hướng dẫn ...*) theo các lĩnh vực được Hiệu trưởng phân công nhằm đáp ứng bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

- Triển khai thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng được phân công cho đơn vị.

### **6. Trách nhiệm của đại diện sinh viên tham gia Hội đồng tự đánh giá**

Tham gia tập huấn về công tác tự đánh giá, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến người học, sinh viên; đọc và góp ý báo cáo tự đánh giá của Nhà trường về chương trình đào tạo dưới góc độ là đại diện cho người học thụ hưởng CTĐT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PSG.TS Trần Đình Tuấn**